

NĂM THỨ NĂM . NGÀY 1-3-1961

BACH KHOA

Sở đặc biệt



Nhân dịp

Lễ Lạc trong Gia Đình

QUÍ VỊ NÊN DÙNG :



* Rượu mùi **CURACAO "DIE"**

* Rượu **Rhum CARAVELLE**

lâu năm
và trắng

44°

54°

ngon không kém gì
rượu nhập cảng

Quí vị thường thích luôn **EAU DE VIE 40°**
để thay thế Whisky

XIN HỎI TẠI : **DISTILLERIES DE L'I.C.**

135 - Pasteur - Saigon - ĐT. 23.916

và có bán tại đó :

. ALCOOL RECTIFIÉ

. ALCOOL DENATURÉ

. RƯỢU THUỐC "Ich. Thợ. Tiểu"

. DẤM ĂN HẢO HẠNG CHẾ BẰNG GẠO 6°



213 - D TỰ - DO SAIGON

Bao An



BÁN SỈ VÀ LẺ MỸ PHẨM :

★ *Elizabeth Arden*

★ *Guerlain*

BANGKOK & HONGKONG

Đường bay "THANH LONG"

bảng phi cơ

phản lực

VISCOUNT

của VIỆT - NAM HÀNG KHÔNG

- o Nhanh chóng
- o Êm ái
- o Trang trí tối - tân, đầy đủ tiện-nghĩ.

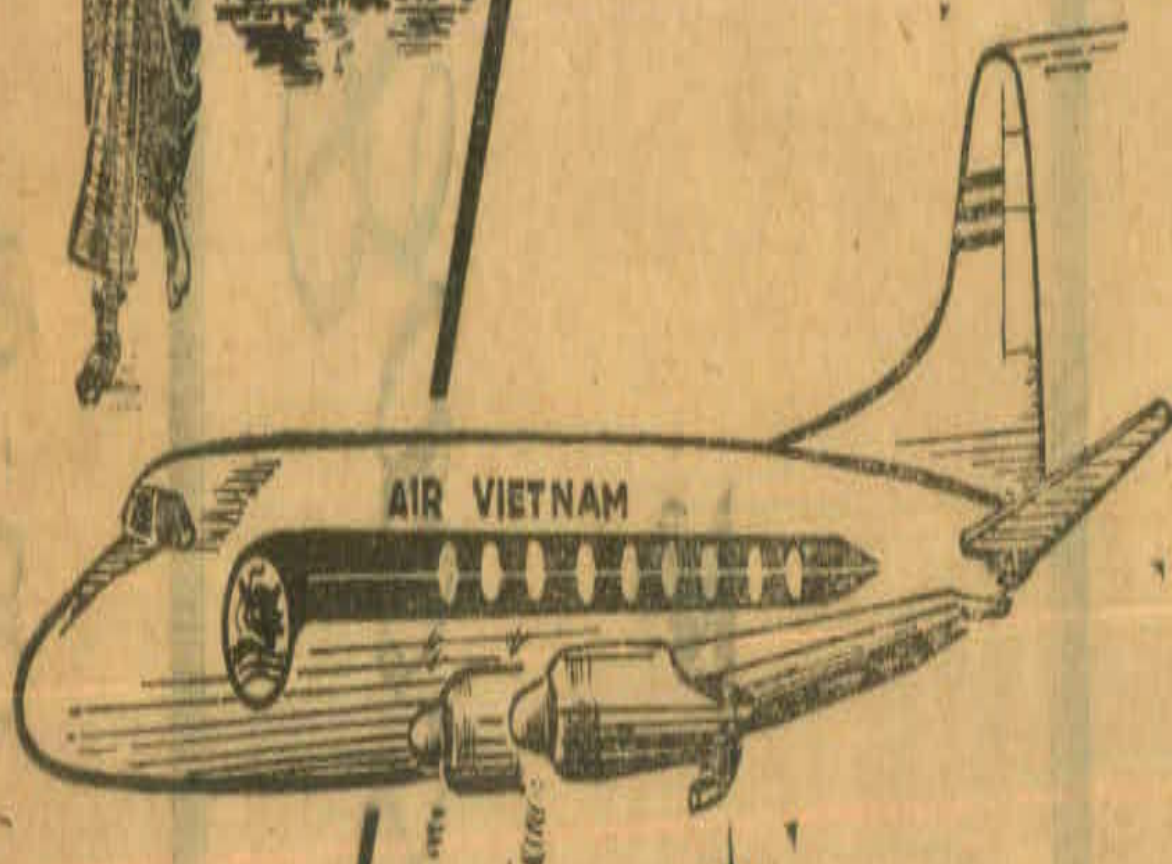
Quý ngài sẽ thưởng-thức những món ăn thuần-túy Việt-Nam do các cô chiêu-dãi-viên xinh lịch niềm-nở tiếp đãi.

XIN TIẾP-XÚC VỚI CÁC HẰNG DU-LỊCH
hay

Air Viet Nam

16, NGUYỄN - HUỆ - SAIGON

TEL. 21.624 - 21.625 - 21.626



VIETNAM EXPRESS. 60

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI - TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632 - 21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20, Boulevard Norodom (ex 20, Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

VINACO

35, đường Phủ-Kiệt — SAIGON

ĐẠI-LÝ ĐỘC-QUYỀN:

XE XÌ-CÚT-TƠ VÀ
XE BA BÁNH
MAY MAY ĐIỆN
VÀ ĐẠP CHÂN
QUẠT ĐIỆN
VÀ MÁY BƠM NƯỚC
MAY CHỮ, MAY TOAN
MAY VIÊN ẤN
MAY BƠM NƯỚC
MAY GHE, TÀU
PHÂN HÓA-HỌC

LAMBRETTA
NECCCHI
MARELLI
OLIVETTI
LOMBARDINI
MONTECATINI

CREDIT FONCIER ET IMMOBILIER

Anciennement Crédit Foncier de l'Indochine



78, Rue Hai Bà Trưng
(ex. Paul Blanchy)

Tél : 21.067 et 21.068
SAIGON



TOUTES OPÉRATIONS IMMOBILIÈRES

NÀNG ÁI CO' TRONG CHẬU ÚP

Một câu chuyện lịch - sử kỳ - bí

Một câu chuyện văn - chương tao - nhã

Một câu chuyện điểm - tình cao - thượng

bị mai - một hơn hai thế - kỷ, nay mới được phô bày
theo dòng mực lưu - loát DƯỚI MÁI TRĂNG NON

Của **MỘNG - TUYẾT** Thất Tiều - Muội

Một tác - phẩm dự - bị xây - dựng từ hơn 20 năm, phải
chờ khai - thác đầy đủ sử - liệu mới khởi - thảo đề :

ĐIỂM SINH SẮC CHO LỊCH - SỬ TƯƠI MÀU

TRUYỀN LINH ĐỘNG CHO CỎ NHÂN SỐNG LẠI

NÀNG ÁI CO' TRONG CHẬU ÚP

Là cuốn lịch - sử ký - sự đem lại cho bạn :

một chuyện - tích lý - thú say mê

Là cuốn giai - thoại văn - chương đem lại cho bạn :

một phong - khí tao - nhã mặc - khách

Là cuốn tình - sử điểm - tuyệt đem lại cho bạn

một nỗi - niềm băng - khuâng thương cảm.

XUẤT BẢN BỒN - PHƯƠNG IN TOÀN GIẤY ĐẸP

YIỀM - YIỀM thư - trang, 113-115 Nguyễn - Thái - Học, phát - hành

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á - NGÂN - HÀNG

(HỘI NẶC DANH VỚI SỐ VỐN 400.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại : 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon



TẤT CẢ CÔNG VIỆC NGÂN - HÀNG



Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới



*Ngân-Hàng thừa nhận do Viện Hối-Đoái
Quốc-Gia Việt-Nam*

Mở các khoản tín-dụng về

Xuất-cảng — Nhập-cảng

BÁCH-KHOA ĐÓNG TẬP

Hiện nay Bách - khoa đóng thành tập
cuốn thứ VII (từ số 73 đến số 84) đã
có bán tại các hiệu sách và tại tòa báo
160 Phan - Đình - Phùng Saigon.

Giá mỗi tập 110 đ. (loại tốt)

Ở xa xin gửi cước phí bảo đảm
mỗi tập 15 đ.



BÁCH-KHOA ĐÓNG TẬP

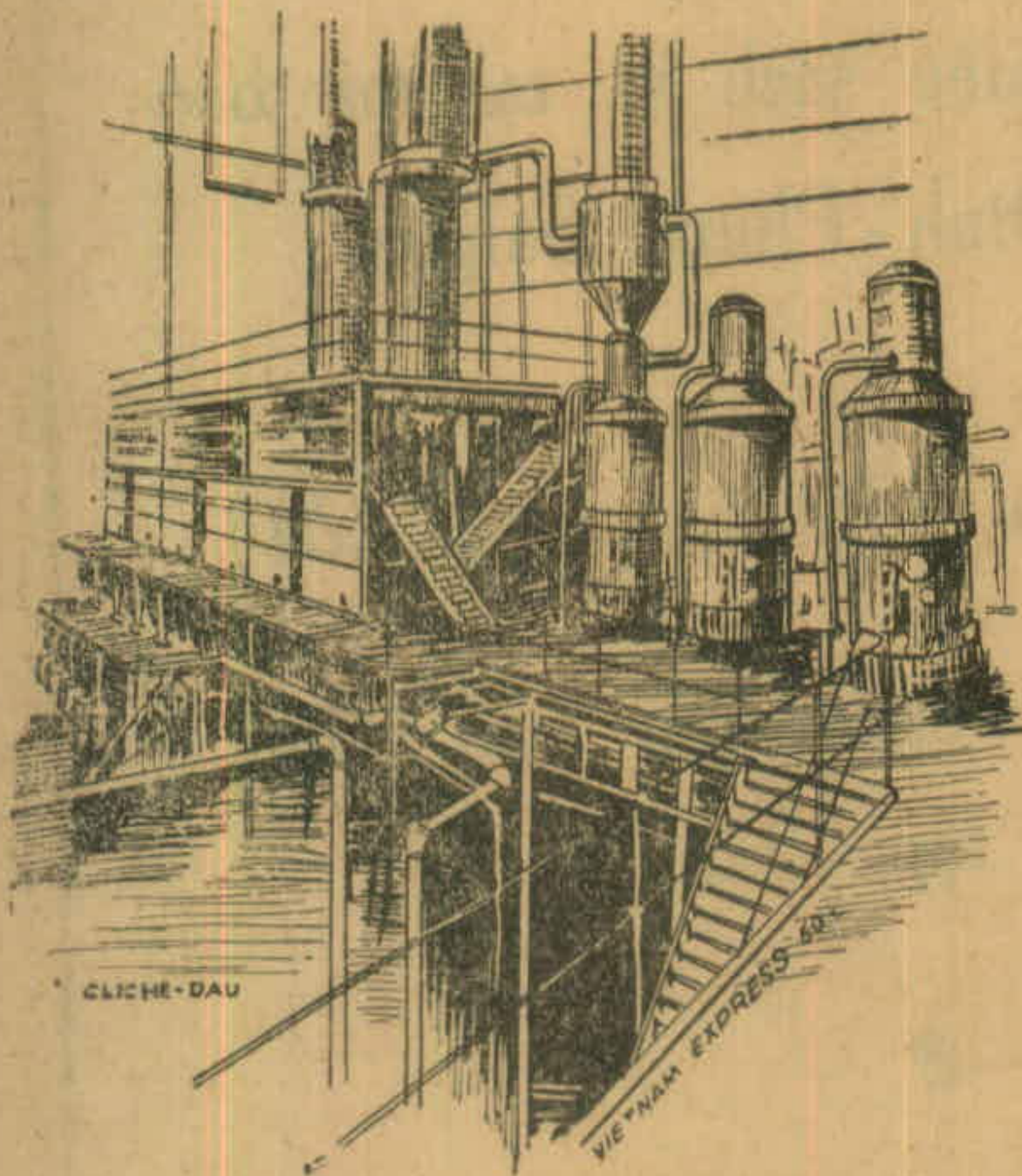


Một tặng phẩm giá trị và trang nhã

CÔNG-TY ĐƯỜNG

VIỆT - NAM

Công-ty Đường Việt-Nam là một ngành hoạt-động
tối quan-trọng cho nước nhà.



Dưới quyền điều-khiển của
các kỹ-sư và kỹ-thuật-gia
Việt-Nam, Công-Ty Đường
Việt-Nam nỗ-lực kiến-thiết
để góp phần độc-lập
kinh-tế.

Với nhà máy lớn tại Hiệp-
Hòa và trên bốn ngàn
mẫu tây mía trồng trong
năm 1959-60, Công-ty có
thể sản-xuất mỗi năm lời
15 ngàn tấn đường đủ loại
và tiết-kiệm được bốn triệu
mỹ-kim hàng năm.

Kỹ-nghệ này cũng như
các kỹ-nghệ khác đều cần
đến dầu để chạy máy và
giữ-gìn dụng-cụ.



HÃNG DẦU STANVAC

góp phần khuếch-trương kỹ-nghệ

STANDARD VACUUM OIL COMPANY và các sản-phẩm MOBILGAS - MOBILOL - MOBILDIENE!

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° C.4 — SAIGON

BUREAUX

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn
Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.
Tél. : 621

TÂN-ĐỊNH : 415-417 đường Hai Bà Trưng
Tél. : 25.172

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON. KHANH-HUNG

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Cof fres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.

Pour vos voyages par
voie aérienne ou voie maritime,



DENIS FRÈRES agréée I.A.T.A.
à votre service

REPRÉSENTANT AU VIÊT-NAM DE :

- ➔ *Pan American Airways*
- ➔ *Cathay Pacific Airways Ltd*
- ➔ *Thai Airways Company*
- ➔ *American Express*
- ➔ *United States Line*

BÁCH-KHOA

Số 100 — Ngày 1-3-1961

	Trang
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	<i>So sánh ngành xuất bản ở Pháp và ở V. N. hiện nay.</i> 3
HOÀNG-MINH-TUYNH	<i>Hòa hoãn giữa H.C.Q. — Liên-Xô.</i> 8
PHẠM-HOÀNG	<i>Quan hệ giữa kẻ trị và kẻ bị trị.</i> 12
BỬU-KẾ	<i>Cửa bể Thuận-An.</i> 13
ĐOÀN-THÊM	<i>Những giải thưởng của các Viện Hàn Lâm Pháp.</i> 21
NGUYỄN-HỮU-PHIẾM	<i>Tìm hiểu người Thanh-niên.</i> 33
ĐOÀN-VĂN	<i>Có thể có chiến tranh vì ngộ nhận không ?.</i> 41
MAI-TRÚC-DIÊN	<i>Tiếng buồn (thơ).</i> 51
ÁI-LAN	<i>Làng báo miền Nam 45 năm về trước.</i> 52
TRÚC-LIÊN	<i>Làng tôi (thơ).</i> 59
CÔ-LIÊU	<i>12 tỷ năm trước đây, vũ trụ thế nào?</i> 62
ĐÔNG-HỒ	<i>Họa thơ Bùi-Khánh-Đản.</i> 66
MINH-ĐỨC	<i>Đường về Sa-mạc (phóng sự).</i> 68
DU-DU-TỬ	<i>Khúc hát mùa xuân (thơ).</i> 76
ĐOÀN-DÂN	<i>Linh hồn tôi (truyện ngắn).</i> 77
ĐỖ-TẤN	<i>Tiếng ca miền Bắc (thơ).</i> 86
NGUYỄN-CHẦU	<i>Taman (truyện dịch).</i> 87
NGUYỄN-HỮU-HIỆU	<i>Rơi võ bình hương (thơ).</i> 98
VŨ-HẠNH	<i>Vượt thác (truyện ngắn).</i> 99
NGUYỄN-NGU-Í	<i>Cuộc phỏng vấn thứ hai của Bách-Khoa.</i> 107

SINH - HOẠT

THU-THỦY	<i>Một kẻ hiến kế cho Tây phương.</i> 108
NGUYỄN-NGU-Í	<i>Triền lãm và diễn thuyết nhân dịp 300 năm hủy nhật giáo sĩ Alexandre de Rhodes.</i> 113
BÙI-THU-TRINH	<i>Độc: « Những lỗi thông thường trong thuật viết văn » của Nguyễn-Văn-Hàn.</i> 115
TRÀNG-THIÊN	<i>Độc: « Nàng Ái-Cơ trong chậu úp » của Mộng-Tuyệt Thất-tiểu-muội.</i> 116

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

- HOÀNG-MINH-TUYNH : ()
Jean-Paul-Sartre.
- BỬU-KẾ : *Phải chăng vua Gia-Long và vua Quang-Trung là hai anh em bạn rề ?*
- NGUYỄN-HỮU-PHIỄM : *Tìm hiểu người thanh-niên.*
- ĐOÀN-THÊM : *Tìm hiểu hội họa.*
- UNG-TRÌNH : *Một quan-niệm về phương-pháp đọc sử*
- PHẠM-CÔNG-THIỆN : *W. Somerset Maugham.*
- TRỊNH-THIÊN-TÚ : *Ngành ngư-nghiệp trên thế-giới.*
- THIẾU-SƠN : *Ông Phan - Khôi đã phê - bình ông Nguyễn-Văn-Vĩnh như thế nào ?*
- NGUYỄN-BẠT-TỤY : *Nghề mành ở Tam-Quan.*
- NGUYỄN-HIẾN-LÊ : *Gương tiết kiệm.*
- VÕ-QUANG-YẾN : *Nuôi thai trong ống.*
- TRẦN-VĂN-KHÊ : *Lối « Ca Huế » và lối « Nhạc tài-tử ».*
- PHẠM-TRỌNG-NHÂN : *Phở và Tỏi (tùy bút).*
- XUÂN-TÙNG : *Trận banh đầu (truyện ngắn).*
- KIM-LƯƠNG : *Thi-xã.*
- CÔ-LIÊU : *Quyền phép^m (truyện dài rút ngắn).*
- VÂN-TRANG : *Vật áo the (truyện ngắn).*
- TRÚC-LIÊN : *Một cuộc tàn sát (truyện ngắn).*
- VÕ-HỒNG : *Tai họa cuối cùng (truyện ngắn).*
- TUYẾT-HƯƠNG : *Phấn đấu (truyện dài).*

TÌM MỘT GIẢI PHÁP

CHO NGÀNH XUẤT BẢN VIỆT-NAM

★ NGUYỄN-HIỂN-LÊ

Hai cuộc triển lãm

NHÂN để có vẻ không được khiêm-tôn lắm. Tôi nhận thấy vậy. Mình mới chấp - chứng biết đi mà so-sánh với người làm sao được? Ai đã dự hai cuộc triển lãm: triển lãm sách Việt ở Phòng Thông - tin đô thành tháng mười một năm 1959 và triển lãm sách Pháp ở Hội-trường Diên-Hồng tháng chạp vừa rồi, tất đều nghĩ rằng đem so-sánh chỉ bất lợi cho mình thôi.

Họ thì trung bình trong mười năm nay, mỗi năm xuất bản chừng mười hai ngàn thứ (1) mà cái số 3.899 thứ họ trưng bày lần đó chỉ

so - sánh

**ngành xuất bản ở Pháp
và ở Việt-Nam hiện nay**

vào khoảng một phần mười số sách họ xuất bản trong ba năm nay. Còn ta thì năm 1959 không biết các nhà xuất bản đã trưng bày hết thấy bao nhiêu thứ, nhưng cứ theo thống kê của Bộ Thông-Tin, tổng cộng các sách xuất bản từ 1954 đến 1959, được 7.259 thứ (2) trung bình mỗi năm 1.200 thứ, bằng một phần mười của họ — và nếu chỉ xét riêng ba năm nay

(1) Muốn cho rõ ràng, chúng ta nên phân biệt những danh từ này: thứ sách: titre; cuốn sách (volume, livre); bản (exemplaire); loại sách (genre). Thí dụ: Nhà xuất bản A tháng trước cho ra ba thứ sách; *Lịch sử Pháp*, loại khảo cứu gồm 2 cuốn mỗi cuốn in 2000 bản; *Thơ Hồ Xuân Hương* loại giáo khoa, 1 cuốn, in 5000 bản; và *Nghĩa nặng* loại tiểu thuyết, 1 cuốn, in 3000 bản.

(2) Cõi bài *Xem qua triển lãm sách* của Trần Quốc Anh, *Bách-Khoa* số 70, ngày 1-12-59.

thì còn tệ hơn nhiều: năm 1958: 1012 thứ; năm 1959: 689 thứ; năm 1960 tôi đoán phỏng chừng, nhưng chắc không sai lắm, là bằng nửa năm 1959, độ 400 thứ trở lại, tổng cộng trong ba năm được khoảng 2.000 hay 2.100 thứ mới bằng hai tháng của người.

Đó là về lượng. Về phẩm thì khỏi phải nói dài dòng: cứ trông những bộ Bách Khoa tự điển, những sách giáo khoa của họ thì thấy trình độ ăn loát của họ, không biết bao lâu nữa mình mới theo kịp; rồi lại xét nhan đề và nội dung các loại Văn chương, khảo cứu cũng đủ cho ta thấy hoa mắt: thật là một khu rừng vừa cao, vừa rậm lại vừa rộng. Tôi nghe nói nội cuốn *Đạo đức kinh* của Lão Tử, từ trước tới nay họ có tới mười mấy bản dịch.

Ta lại nên nhớ trong cuộc triển lãm đó, không phải là họ đem phô tất cả những sách quý nhất của họ đâu. Vì tôi biết có những cuốn sách viết rất cao hoặc trình bày rất đẹp, in dưới một ngàn bản cho những nhà khảo cứu hoặc chơi sách, mà không thấy trong phòng triển lãm. Có lẽ Ủy ban Triển lãm còn nhắm mục đích thương mại, ngoài cái mục đích văn hóa, và cho rằng những sách quý đó giới thiệu với các độc giả Anh, Mỹ, Nhật, Đức, Ý... có lợi hơn là giới thiệu với dân tộc mình. Như vậy là phải.

Tóm lại ai ở phòng Triển lãm sách Pháp ra cũng đồng ý với tác giả bài tựa thư mục của Ủy ban rằng: « ngành xuất bản Pháp có một sinh lực mạnh mẽ, mở rộng để tiếp đón tất cả các

hình thức của đời sống, tiếp đón thế giới và tương lai.(... la vitalité de l' Edition française largement ouverte sur toutes les formes de la vie, sur le monde, sur l'avenir.)

✽

Nhưng đó chỉ là cái bề ngoài. Phải là người ở trong ngành xuất bản Pháp mới biết được cái bề trong ra sao; người đó là ông Paul Angoulvent, trong ban quản trị của một nhà xuất bản lớn tại Paris. Ông đã rung một hồi chuông báo nguy trong cuốn *L' Edition française au pied du mur* (Ngành xuất bản Pháp lâm bí) — Presses Universitaires de France năm 1960 — và đọc cuốn đó, tôi thấy ngành xuất bản của Pháp và của ta hiện nay tuy phẩm và lượng khác nhau rất xa, mà tình cảnh thì đều bi quan như nhau, nổi khó khăn cũng tựa tựa như nhau. Vậy thì ta vẫn có thể so sánh để rút ít nhiều kinh nghiệm được.

Sách dày non chín chục trang, gồm hai phần:

— Phần thứ nhất nghiên cứu tình trạng bề tắc của ngành xuất bản Pháp trong mười năm nay và nguyên do sự bề tắc đó.

— Phần thứ nhì đề nghị một kế hoạch để thoát lời bí.

✽

Sách Pháp lâm nguy

Mới coi qua thống kê số sách xuất bản ở Pháp ta thấy con số lên được 25% trong mười bốn năm; nhưng 6 năm sau thì đứng:

1938... 8.124 Thứ 1955... 10.253

1949... 9.908 — 1957... 10.364

1952... 10.410 — 1958... 10.212 (I)

chứ không đến nỗi tệ như ở nước nhà : từ 1956 đến nay cứ xuống hoài : 1956 : 1807 thứ ; 1957 : 1298 ; 1958 : 1012 ; 1959 : 689 : chỉ trong có ba năm, con số rút mất non hai phần ba, chỉ còn hơn một phần ba.

Nhưng chỉ đứng luôn trong sáu năm, trong khi dân số chắc chắn tăng lên không nhiều thì ít, cũng đủ cho các nhà xuất bản của Pháp đáng lo rồi ; nhất là nếu so sánh với nước khác thì ngành xuất bản của Pháp thua xa.

Pháp chỉ đứng vào hàng thứ tám về tổng số sách xuất bản năm 1957, sau :

Nga	:	31.616	Thứ
Nhật	:	25.299	—
Anh	:	20.719	—
Ấn	:	19.832	—
Tây Đức	:	16.690	—
Mỹ	:	13.142	—
Ý	:	13.121	—
Pháp	:	11.917	—

Tính theo dân số, thì Pháp lại còn thụt xuống xa, đứng hạng mười tám lận :

(1) Đó là chưa kể những sách dịch (1330 thứ trong năm 1958) và những sách viết bằng ngoại ngữ mà xuất bản ở Pháp (183 thứ cũng năm 1958) ; cộng cả hai thì được khoảng 12.000 thứ mỗi năm như trên tôi đã nói.

Cũng năm 1957, cứ 100.000 dân thì

1 Na-Uy	xuất bản	87	thứ
2 Thụy-Sĩ	—	82	—
3 Thụy-Điển	—	77	—
4 Đan-Mạch	—	69	—
5 Hòa-Lan	—	66	—
...	...	...	...
11 Anh	—	41	—
...	...	...	...
17 Nhật	—	28	—
18 Pháp và Ý	—	27	—

Thực là không có gì đáng để tự hào cả.

Người ta đưa những nguyên nhân : dân Pháp ít thì giờ, làm ăn mệt nhọc, châu thành ồn quá, thêm sự cạnh tranh của báo chí, đĩa hát, máy thu thanh... Nhưng nước nào mà chẳng vậy, riêng gì Pháp ?

Nguyên nhân chính vẫn là người Pháp lười đọc sách : Năm 1957, bốn mươi bốn triệu dân Pháp tiêu xài hết thảy là 12.500 tỉ quan cũ, thì chỉ bỏ ra có 60 tỉ để mua sách (2) tính ra trung bình mỗi người dân tiêu xài 35.000 f mỗi năm trong đó chỉ có 1.500 f là để mua sách, nghĩa là từ 100 đến 150 đồng bạc Việt-Nam (3).

(2) Tác giả hơi lạc quan. Năm 1958 cũng là 60 tỉ, nhưng có 10 tỉ sách bán ra ngoại quốc.

(3) Chúng ta cũng nên làm một thống kê xem mỗi năm trung bình một người dân của mình có bỏ ra được 15\$ để mua sách không, nghĩa là có được bằng một phần mười của họ không. Tôi e rằng không. Toàn số sách bán Việt bán mỗi năm tôi e không được 12 triệu đồng, thêm vài ba triệu đồng sách ngoại quốc nữa (năm 1959, Pháp bán cho ta được 220 triệu quan theo thống kê của Pháp) thì cũng mới được độ 15 triệu đồng, mà chia cho 12 triệu dân, mỗi người độ 1,2\$ hay 1,3\$.

Mà họ mua những sách gì? Tác giả phân nân rằng đa số mua để tiêu khiển hay để trưng (livre objet), chứ không phải để mở mang trí thức (livre - outil). Mà cũng chỉ có dân các thành thị là mua nhiều hơn cả: riêng miền Paris, Seine, Seine et Oise đã mua tới một phần ba số sách trong nước. Nông dân gần như không đọc sách.

Số sách bán ra ngoại quốc tuy là khả quan, lên đều đều, nhưng vẫn kém xa Mỹ, Anh:

Năm 1959 Mỹ	:	33	tỉ	quan
Anh	:	30	—	—
Pháp	:	12	—	— (1)

Và tác giả kết luận « Sách Pháp lâm nguy, Sách Pháp hấp hối ». Vậy tuy thân hình đổ xộ như vậy mà họ cũng mắc bệnh nặng như ta. Một điểm giống nhau.

*
* *

Một sự sản-xuất hỗn độn

Mật ít ruồi nhiều

Nguyên nhân ở đâu?

Trong cái ngành văn-hóa chúng ta đương xét đây, có ba giới tính cách khác nhau hẳn, mặc dầu có liên lạc mật thiết với nhau: giới sáng-tác, tức các nhà cầm bút; giới sản-xuất tức các nhà xuất-bản và giới phát-hành, tức các nhà bán sách.

Chúng ta không bàn tới giới sáng tác. Họ có hứng thì viết, thích cái gì

(1) Số này chỉ bằng nửa số Pháp xuất cảng các thứ rượu.

thì viết cái đó, có tài về loại nào thì viết loại đó. Trong một nước tự-do như nước Pháp, người ta không thể bắt họ phải vào một cái khuôn, cũng không thể trưng dụng họ để buộc họ sản xuất theo một chương trình, một đường lối nào đã vạch sẵn. Tất nhiên cũng có một số cây viết, gần như làm công cho một vài nhà xuất bản, sáng tác theo « com-măng », nhưng số đó ít — để gì mà được các nhà xuất-bản nuôi như nuôi gà để lấy trứng như vậy —; cho nên muốn tìm nguyên do tình trạng tồi tăm của ngành xuất bản Pháp hiện nay, tác giả chỉ nhắm vào cách làm việc của hai giới: xuất bản và phát hành.

Và tác giả chỉ thấy một sự hỗn-loạn đáng ngán gây ra một sự sản-xuất vô trật-tự.

Tổng số thương vụ về ngành sách năm 1957 là khoảng 60 tỉ quan cũ mà có tới 450 nhà xuất bản. Con số 450 này chắc còn kém sự thực vì đó mới chỉ là những nhà trả lời một cuộc phỏng vấn năm 1958 của Nghiệp đoàn xuất bản. Ngoài ra theo tạp chí *Correspondance économique* — Paris ngày 27-10-1960 và do ông Cô-Liêu thuật lại trong bài *Tình hình xuất bản ở Pháp* (Bách-Khoa số 95 ngày 15-12-60) thì còn tới khoảng 2.500 người bỏ tiền ra xuất bản lấy tác phẩm của mình nữa.

Ta hãy tạm gạt bỏ 2.500 « nhà xuất bản tài tử » đó, chỉ kể 450 nhà xuất bản chuyên-nghiep kia thôi. Trong số 450 nhà này chỉ có sáu nhà lớn, chiếm hết một phần ba tổng số thương-

vụ (trên dưới 20 tỉ) tức các nhà Hachette, Larousse, Flammarion, Mاثon, Librairie générale française, Gallimard. Lớn nhất là nhà Hachette. Nhà này kiểm soát các nhà Librarie générale française, Grasset, Fasquelle, Fayard, hợp vốn với một số nhà khác như Plon, lại phát hành sách cho nhà Gallimard nữa.

Ngoài ra còn 200 nhà trung bình. tổng số thương vụ trên 20 triệu, và có 185 nhà nhỏ mỗi năm bán không được 10 triệu quan. (1)

Hết thấy chỉ có mười hai nhà có nhà in riêng, còn thì đều phải mượn in ; chỉ có mười ba nhà mượn trên 100 nhân công và giá nửa (259 nhà) chỉ mượn có năm người giúp việc.

Như vậy là ở cái thời đại kỹ nghệ này, mà ngành xuất bản Pháp vẫn còn ở trong tình trạng tiểu công nghệ, đa số còn dùng những máy in cũ như ở ta, cũng khâu, cũng xén như ở ta.

Ở ta, số nhà xuất bản có chân trong nghiệp đoàn không bằng một phần mười ở Pháp, nhưng tình trạng hỗn độn cũng không kém : chưa có nhà nào nắm được địa vị bá chủ như nhà Hachette ; nhưng cũng đã có vài nhà nhỏ, chịu sự kiểm soát của một vài nhà lớn ; năm sáu nhà lớn, chiếm hai phần ba tổng số thương vụ, thành thử rất nhiều nhà bán mỗi năm không được 50.000\$ sách và cũng cỡ những nhà xuất bản tài tử, lâu lâu tự bỏ vốn ra một cuốn như ở Pháp.

Đó là điểm thứ nhì ngành xuất bản Pháp và Việt giống nhau.

Thiếu một chương trình chung

Số nhà xuất bản nhiều như vậy thì sự cạnh tranh tất là hào hứng lắm.

Cứ xét riêng từng nhà một, thì nhà nào mà chẳng có chương trình xuất bản — dù là chương trình đó rất « mềm dẻo », tôi muốn tránh tiếng « mơ hồ ». Nhưng xét chung toàn quốc thì ở Pháp cũng như ở Việt, người ta chen lấn nhau mà bước, dẫm lên chân nhau mà đi, có khi đồ xô nhau cả vào một khu vực, thúc nhau, đẩy nhau, mà bỏ trống những khu vực khác. Chẳng hạn ở Pháp, có một năm ba cuốn *Peinture égyptienne* (Hội-họa Ai-Cập) cùng ra trước sau có mấy tháng, cuốn nào in cũng rất tốn kém, công phu, mà luôn ba chục năm trước năm đó chẳng thấy xuất hiện một cuốn nào về đầu để đó cả.

Ở nước nhà thì cũng vậy. Vì hiếm tôi không muốn dẫn chứng ra đây, nhưng ai lưu tâm đến ngành xuất bản tất còn nhớ vài vụ xảy ra mấy năm trước. Ít ai cố ý dẫm lên chân nhau lắm vì người ta hiểu rằng như vậy thiệt cho cả hai bên do chỉ là thiếu một chương trình chung cho khắp các nhà, mà làm sao có một chương-trình chung được khi người ta chưa thể đoàn kết với nhau về bất kỳ một vấn đề nhỏ nhất nào, chẳng hạn vấn đề giá sách hay huê hồng ?

NGUYỄN-HIỀN-LÊ

Kỳ sau : Trách nhiệm về ai trong loại sách giáo khoa ?

(1) Theo bài của ông Cô-Liêu đã dẫn ở trên.

HÒA HOÀN

GIỮA HIỆP-CHÚNG-QUỐC

VÀ LIÊN-XÔ ?

★ HOÀNG-MINH-TUYNH

Vừa có tin của hãng thông tấn Reuter từ Hoa-thịnh-đốn cho hay : Tổng Thống Ken-nơ-đi (Kennedy) đã tán thành một kế hoạch gồm ba giai đoạn nhằm mục đích cải thiện mối bang giao Mỹ-Nga, hầu đem lại an hoà cho thế giới.

Các giới chính thức cho biết rằng mục tiêu đầu tiên của Tổng thống Ken-nơ-đi là tạo nên bầu không khí thuận lợi để cho chính quyền mới có thể tiếp tục nghiên cứu các vấn đề chính trị trong mối bang giao Mỹ-Nga, mà không đến nỗi phải bận rộn, phiền hà hay bắt buộc phải phản ứng, đối phó trước một vài hành vi chính trị nhỏ nhặt, không mấy quan trọng, của Liên-Xô.

Giai đoạn thứ hai là dùng đường lối ngoại giao bình thường mà tìm ra những điểm có thể thỏa hiệp để giải quyết những cuộc khủng hoảng trong thế giới như ở Ai-Lao và để đi tới những thỏa hiệp khác rộng lớn hơn, như vấn đề giải trừ vũ khí nguyên tử chẳng hạn.

Giai đoạn thứ ba là căn cứ vào cơ sở các tiến bộ đã thực hiện nhờ thiện chí của cả hai bên, sẽ mở các cuộc hiệp thương trên cấp bậc tối cao với chủ-tịch Kơ-rút-sốp. Và tổng thống Ken-nơ-đi sẽ sẵn sàng tham dự cùng với các vị nguyên thủ của các nước đồng minh.

Theo nguồn tin trên, Toà Bạch-ốcc còn cho biết thêm Tổng thống Ken-nơ-đi dường như đang mở nhiều cuộc hội đàm khác về chính sách của Liên-Xô, trước khi đề cho vị đại sứ Mỹ ở Liên-Xô trở lại Mạc-tư-khoa để bắt đầu liên lạc.

Tin của hãng thông tấn Reuter về chính sách và thái độ của chính quyền Ken-nơ-đi, không làm cho chúng ta kinh ngạc. Chính sách và thái độ ấy là kết quả tất nhiên của chủ trương đảng Dân-chủ Mỹ mà chúng tôi đã nhiều lần đề cập trong tạp chí này. Để làm cho vấn đề thêm sáng tỏ, chúng tôi xin thu tóm lại trong một vài nét chính các sự việc đã xảy ra từ ngày ông Ken-nơ-đi lên nắm chính quyền, để độc giả tiện theo dõi những biến chuyển sẽ lần lượt xảy ra trên bước đường tìm tới sự hoà hoãn mới giữa hai phe đối thủ hình như cùng cảm thấy khá mệt mỏi trong cuộc « chiến tranh lạnh » rồi.

*
* *

Theo dư luận thế giới, hai ông Ken-nơ-đi và Kơ-rút-sốp đều cùng đang muốn tỏ ra mình là người thiện chí và cùng đang tìm cách thế xích lại gần nhau. Ngay sau ngày ông tân tổng thống Hiệp-chúng-quốc chính thức nhậm chức, ông chủ tịch Hội-đồng Bộ trưởng Liên-xô liền khởi sự « tấn công hòa bình » trước. Ông mời vị đại sứ Mỹ tới và ngỏ lời đại khái như sau : « Tôi sẵn sàng bày tỏ cho quý quốc rõ thiện chí của tôi. Chúng tôi hiện đang giam giữ trong ngục thất hai phi công của quý quốc bị chúng tôi bắt ngày mừng 1 tháng Bảy. Để chào mừng ngày nhậm chức của ông Ken-nơ-đi, tôi sẽ trao trả cho vị tân tổng thống hai phi công đó, tuy rằng trước mắt chúng tôi, hai người này là hai người có tội. »

Ông đại sứ Mỹ đáp : « Đối với chúng tôi chắc chắn hai phi công bị quý quốc bắt không phải là hai người có tội, nhưng chúng tôi không nghĩ rằng ngài phóng thích hai phi công của chúng tôi có nghĩa là ngài nhìn nhận họ vô tội. Nếu ngài để cho ông Ken-nơ-đi được báo tin mừng này trong buổi họp báo chỉ đầu tiên của ông, tôi tưởng là điều tốt lành lắm lắm ».

Từ chín tháng nay, trường hợp của hai nhà phi công Mỹ có thể coi là một

thử thách giữa hai phe để nối lại Hội-nghị tối cao đã bị gián đoạn khi trước. Ông Kơ-rút-sốp ở Mạc-tư-khoa rất có thể tỏ vẻ « quân tử », lấy sự phóng thích hai phi công Mỹ làm một thứ nhíp mà bắc cầu thông-cảm với Hiệp-chúng-quốc. (Ông Ai-xen-hao trước đây chỉ đặt có một điều kiện cho cuộc gặp gỡ giữa ông và ông Kơ-rút-sốp, khi ông này tới dự phiên nhóm Đại-Hội-Đồng Liên-Hiệp-Quốc, là cho hai phi công Mỹ còn sống sót được trở về xứ sở) nhưng ông Kơ-rút-sốp đã không chịu làm vì ông không muốn bàn cãi với ông Ai-xen-hao. Do đấy, hai viên phi công vẫn cứ bị giam giữ mãi cho tới ngày ông Ken-nơ-đi lên nắm chính quyền.

Như để cho mọi người nhận định cái ý nghĩa « quân tử » trong cử chỉ của mình, người Xô-Việt lớn tiếng nhấn mạnh đó là họ muốn góp phần vào việc cải thiện mối bang giao Mỹ-Nga và chờ đợi một phúc đáp thuận hòa tương tự bên phe đối thủ. Báo chí Mạc-tư-khoa cẩn thận đề cao những lời tuyên bố đầu tiên của tổng thống Ken-nơ-đi, coi đó là những lời tuyên bố có lợi cho cuộc điều đình. Họ khôn ngoan, không dă động tới những lời tuyên bố khác mà

HÒA-HOÃN GIỮA HIỆP-CHÚNG-QUỐC VÀ LIÊN-XÔ

giá ở vào hoàn cảnh khác, họ đã rêu rao là sặc mùi gây hấn, khơi mào cho một cuộc « chiến tranh lạnh ».

Chắc ông Ken-nơ-đi cũng đã đoán trước được « sáng kiến hòa bình » của người Xô-Việt, nhưng hẳn ông không ngờ nó đến mau lẹ như vậy. Cho tới trước khi vào tòa Bạch-ố, ông chỉ tuyên bố sẽ dùng phương pháp ngoại-giao thông thường và tỏ ra hết sức dè dặt khi đề cập tới vấn đề mở lại Hội nghị Tối cao. Đó cũng là quan điểm của vị Bộ trưởng ngoại giao mới Đin-Rốt (Dean Rusk), khi một tuần lễ sau, ông này đồng ý tuyên bố trước Quốc Hội Hiệp-chúng-quốc những lời lẽ tương tự với luận điệu của ông Tổng Thống mới. Thế là người Mỹ, ngay từ đầu, đã muốn làm nản lòng người Nga trước dự tính của họ.

Nhưng rồi người Mỹ kịp nhận ra người Xô-viết hiện đang ở trong hoàn cảnh thuận lợi cho cuộc hòa hoãn. Họ phải lợi dụng triệt để hoàn cảnh ấy, và nhiều nhân vật trong tập đoàn mới của Hoa-thịnh-đốn không muốn bỏ lỡ dịp may, như ông Xi-tê-ven-sơn (Stevenson), đặc sứ của Hoa-thịnh-đốn tại Liên-Hiệp-Quốc. Ông này đã lợi dụng cuộc họp báo đầu tiên để đề nghị mở cuộc điều đình : « Nếu ông Kơ-rát-sốp tới Ni-u-Uớc dự phần hai của khóa họp Liên-Hiệp-Quốc (vào tháng Ba này), tôi tin chắc ông Ken-nơ-đi sẽ lấy làm hoan hỉ ước thảo luận với ông ». Cách vận động của ông Xi-tê-ven-sơn thật khôn khéo. Ông không bảo mình biết rõ chân ý của Tổng-Thống Hiệp-chúng-quốc. Ông chỉ phát biểu ý-kiến cá nhân, và do đấy, dù ông có phát biểu sai chân ý của ông Ken-nơ-đi chẳng nữa, Hoa-thịnh-đốn cũng không cần cải chính. — Song, dù muốn

dù không, nguyên bởi chức vụ ông nắm giữ, ông đã buộc chặt ông Ken-nơ-đi vào lời hẹn ước của ông phần nào.

Mặt khác, ông Xi-tê-ven-sơn lại có ý muốn đưa mắt « hữu nghị » nhìn về phía Trung-Hoa Cộng-Sản. Vừa nhấn mạnh vào những khó khăn trong việc đưa chính phủ Bắc-Kinh vào Liên-hiệp-quốc (1) ông vừa bày tỏ sự cần thiết phải nhìn nhận những sự việc dĩ nhiên ; vả chăng, các cuộc hội thương giải trừ vô khí nguyên tử không thể nào thực hiện được một cách đứng đắn nếu không có Trung-Hoa Cộng-sản tham dự. Chính tổng thống Ken-nơ-đi cũng muốn tỏ ra mình có tinh thần tận sáng trong trên địa hạt này. Ngay từ phiên họp báo chí đầu tiên, ông đã loan báo sẵn sàng gửi lương thực sang Trung Hoa, nếu ông Mao-Trạch-Đông sẵn sàng tiếp nhận. Trước cử chỉ thân ái và đầy thiện chí của ông Ken-nơ-đi, báo chí Trung Hoa vẫn tiếp tục công kích chính quyền Dân chủ kích liệt như đã công kích chính quyền Ai-xen-hao trước c.

Dù sao, ông Ken-nơ-đi hiện nay đã quyết định không để cho người ta phá hoại con đường hòa giải Mỹ-Nga. Ông đã xác định rằng ông cấm chỉ các phi cơ Mỹ bay lượn trinh sát trên lãnh thổ Liên-Xô, nhất là ông cấm các vị chỉ huy quân sự tuyên bố điều gì về chính sách đối ngoại mà không có sự ưng thuận của ông. Đô-đốc Barke, chỉ huy tác chiến hải quân, đã bắt buộc phải

(1) Tin Reuter ngày 11-2, phát đi từ Hoa-thịnh-đốn, cho hay ngoại-trưởng Mỹ Đin-Rốt tỏ ý không tin có vấn đề thừa nhận Trung-Hoa Cộng-Sản. Lời tuyên bố này tiếp theo lời tuyên bố của một phát ngôn nhân của Bộ ngoại-giao Mỹ, tỏ ý bất đồng ý kiến với ngoại trưởng Anh Lord Home về vấn đề thừa nhận Trung-Hoa Cộng-sản vào Liên-Hiệp-Quốc

rút lại bài diễn văn, trong đó ông lên án chính sách của người Xô-viết. Tòa Bạch Ốc không muốn cho ông Kơ-rút-sốp có thể phàn nàn mình là kẻ « gây hấn, kiếm chuyện ».

Nói chung, lúc này chính quyền mới của đảng Dân-chủ Mỹ đang chăm chú duyệt lại mọi tập hồ sơ chính trị. Tại Châu Mỹ La - tinh, trái với điều nhiều người mong ước, ông Ken-nơ-đi hình như không có ý muốn xét lại quan hệ ngoại giao giữa nước ông với nước Cuba, nhất là mới đây tòa án La Havane đã đem ra xử sáu kiều dân Mỹ và công tố viên đã đòi lên án tử hình. Sau vụ này, cố nhiên Hiệp-chúng-quốc tự trọng không thể đưa mắt nhìn vụ Cuba với con mắt hữu nghị được. Ngược lại, tại Á-Châu, ông cố ý tránh con đường ông Ai-xen-hao đã vạch sẵn cho ông. Không kể đối với Trung-Hoa còn gặp khá nhiều khó khăn, ông Ken-nơ-đi vừa ngỏ ý rằng ông ước

mong được thấy nước Lào có một chính phủ « bất tham gia ». Do đấy, khi Quốc Vương Ai-lao vừa tuyên bố ngày 18-2, có ý muốn kêu gọi duy trì độc lập, thống nhất và trung lập ở Ai-lao, Bộ Ngoại Giao Mỹ liền tuyên bố tiếp theo: chính phủ Mỹ sẽ không phản đối chính sách đó. Hơn thế Mỹ còn chấp thuận ba khoản chính yếu đối với vấn đề Lào : 1) Lập chính phủ liên hiệp, mời hoàng thân Souvana Phouma tham dự ; 2) lập Ủy hội Trung lập Điều giải, gồm Cam-bốt, Mã-lai và Miến-điện ; 3) triệu tập một Hội nghị quốc tế để ổn định tình thế ở Lào.

Tất cả những sự việc trên đây minh chứng và giải thích cho chúng ta hiểu rằng cuộc bang giao Mỹ-Nga đã tới lúc thành hình và năm 1961, sẽ là năm mở màn cho một cuộc hoà hoãn quốc tế ít là tạm thời chăng ?

HOÀNG-MINH-TUYNH

PHẠM-HOÀNG sưu tập

Danh ngôn, danh lý

JEAN-PAUL SARTRE

Sinh năm 1905

✱ Chẳng cần phải hình dung địa ngục bằng cái rá nường thịt, địa ngục chính là tha nhân.

(Sarte, Huis-Clos)

✱ Một người cha trong gia-đình chẳng bao giờ thật là một người cha trong gia-đình. Một kẻ sát nhân chẳng bao giờ hoàn-toàn là một kẻ sát nhân.

(Sartre, Les mains sales)

Quan hệ giữa kẻ trị và kẻ bị trị

Một quốc gia chỉ có thể sinh tồn khi hết mọi tầng lớp trong quốc dân, từ kẻ trị tới kẻ bị trị, cùng lấy lòng ưu ái, tin cậy và ngay thẳng mà đãi ngộ nhau. Làm sao cho kẻ trị và kẻ bị trị cùng nhận ra mình là anh em với nhau, người nọ tôn trọng ở trong người kia cái phẩm giá siêu tuyệt của kẻ làm người. Song đồng thời kẻ bị trị cũng phải nhìn nhận công quyền là sự thiết yếu và kẻ nắm giữ công quyền là kẻ làm điều lợi ích cho quốc dân và không thể thiếu được.

Phải áp dụng chế độ nào, phải thi hành chính thể nào để cho mọi người cùng phục tùng pháp độ vì lợi ích chung hầu bảo đảm tự do chính đáng cho mỗi người? Đó là điều thuộc thẩm quyền và sở thích của từng quốc gia, dân tộc.

Tuy nhiên, không có phương thức chính trị nào có phép thần thông phòng ngự cho kẻ cầm quyền khỏi vướng mắc những đam mê, sai lầm, hèn yếu từng làm hư dẫn một ủy viên chính trị, cũng như từng làm bại hoại một quân vương của « thiên triều » ngày trước. Bên ngoài những kỹ thuật và thể chế chính trị, còn có phẩm hạnh và đạo đức của kẻ trị dân, phẩm hạnh và đạo đức được coi là căn bản, chủ yếu và cần dựa vào nguyên tắc sau đây của Phức-Âm: « Kẻ chỉ huy trong anh em phải trở nên như kẻ hầu hạ anh em vậy ».

PHẠM-HOÀNG

BÁCH KHOA C

CỬA BÈ THUẬN AN

◎ BỬU-KẾ

Một cảnh đau lòng.

Một bài thơ chua cay.

VUA Tự-Đức quyết-định ngự-giá về Thuận-An, duyệt lại các đồn lũy và xem binh-sĩ tập bắn trong 3 ngày liên tiếp : 13, 14 và 15 tháng 4 năm At-Dậu (1873). Vì là một cuộc tuần-du quan-trọng, nên ngoài Đức Từ-Dũ đi hóng gió, các Hoàng-thân, Văn-võ đình-thần đều phải theo chầu. Chỉ trừ có Thượng-thor Bộ-Lại Nguyễn-Tur-Giễn, phụng chỉ sung chức Lưu-Kinh Đại-thần, có nhiệm-vụ ở lại gìn-giữ Kinh-thành trong khi vua đi vắng.

Trước ngày vua Tự-Đức khởi-hành, Thái-giám Nguyễn-Túc, vâng lệnh, mang ra cho Nguyễn-Tur-Giễn lá cờ Long-kỳ Lưu-kinh Đại-thần và một cái tráp, niêm-phong cẩn mật trong đựng môn bài.

Lê-Hữu-Dực, giữ chức Phòng-luyện Tham-biện đã được tin về việc vua ngự-giá duyệt các đồn lũy đã từ lâu. Viên này liền

báo cho các võ-quan Thần-cơ Trú-phòng Tôn - Thất - Dánh, Huấn-luyện suất-đội Tôn-Thất-Tụy và Đội-trưởng Nguyễn-Thường biết để tiện sắp đặt công việc.

Trừ 3 khẩu đại-bác cũ : Phá-dịch, Kích-viên và Khóa-hải, có 40 khẩu, hiện phân phối tại các đồn lũy tại Thuận-Hóa, từ ngày đức đế-nay chưa từng bắn thử một lần nào cả. Đó là các khẩu Oanh-Sơn đồng-bác, Oanh-Sơn cương-bác và Tân-Chú đồng-bác. Cứ mỗi khẩu do hai binh-sĩ phụ-trách, một chính và một phụ. Chỉ những người chưa từng bắn lần nào mới được phép bắn cho quen tay mà thôi. Và cứ mỗi khẩu bắn 3 phát.

Súng đặt 13 khẩu tại bên tả và bên hữu Trấn-hải-đài, 10 khẩu tại lũy bên tả, 10 khẩu tại lũy bên hữu. (Lũy là cái thành đất đắp cao).

CỬA BÊ THUẬN-AN

Ngoài những tay bắn đại-bác (Bác-thủ) tại Huế, lại còn có 11 bác-thủ từ Hà-Nội và Hà-Tĩnh về tham dự.

Mười một tay súng này đến Huế, vào trình-diện tại Bộ-Binh vào ngày 12 để về cửa Thuận cho kịp. Nhưng đến lúc điểm danh tại Bộ thì thiếu mất viên suất-đội Nguyễn-Văn-Sĩ. Anh em đồng đội không rõ đi đâu, hỏi nhà trọ thì họ chỉ biết Sĩ đi thăm bà con, nhưng đợi mãi không thấy trở lại.

Trong những cuộc ngự giá long trọng, hay gặp những năm đại-khánh (có việc vui mừng lớn), lúc khởi hành từ Đại-nội cũng như lúc về đến Thuận-An đều có lệnh phát chào mừng, có nhã nhạc tiến đưa và tiếp đón.

Đoàn thuyền rồng đưa nhà vua và đoàn tùy tùng từ bến Hương-Giang về Thuận-An mất chừng 3 tiếng đồng hồ cả thảy. Một viên quan ở Khâm thiên Giám và một viên quan ở Nội-các có nhiệm-vụ ghi chép cuộc hành trình theo lối ghi chép của nhật ký. (V. đ. : Ngày 12 hôm nay, đầu giờ mao (6 giờ sáng), từ bến Hương-Giang khởi hành, 1 khắc đầu giờ ty tới Thuận-An hành cung. Ngày giờ nào ngự giá duyệt Trấn-hải-đài, ngày giờ nào đi bộ đến thăm các đồn Trấn-Lăng và Hòa-Quân. Ngày giờ nào xem tập bắn, lúc nào hồi loan, lúc nào về tới Đại-Nội vv).

Theo đúng chương-trình đã ấn-định, sáng ngày 13, những khẩu đại-bác đặt bên tả Trấn-hải-đài đã bắn xong, chiều lại sẽ bắn tiếp các khẩu bên hữu. Thượng thư Bộ Binh Trần-tiến-Thành đến nơi kiểm soát lại thì thấy thiếu mất 6 khẩu. Hỏi bọn

Tôn-Thất-Dánh, Tôn-Thất-Tụy và Nguyễn-Thưởng thì những người này khai rằng : Những khẩu đại bác ấy hiện đang còn đặt tại các lũy khác chưa mang về kịp. Trần-Tiến-Thành sợ mang tội khi quân liền dâng phiến lên cho vua Tự-Đức biết. Trong phiến đại ý nói rằng : « Sau khi phụng sắc Hoàng-Đế ngự duyệt đồn lũy và ngự duyệt cuộc tập bắn, thần đã sức cho các viên thần coi trú phòng Tôn-Thất-Dánh, huấn luyện suất đội Tôn-Thất-Tụy, đội trưởng Nguyễn-Thưởng sắp đặt 40 khẩu súng chưa từng bắn thử tại Trấn-hải-thành và tả hữu lũy. Các viên ấy phúc trình cho thần biết là mọi việc đều xong xuôi, không ngờ nay kiểm lại thì thấy thiếu 6 khẩu. Các viên ấy nói rằng những khẩu đại bác hiện còn nằm tại các lũy khác chưa chở về kịp. Thần sợ hãi mới sai binh thuyền giao cho bọn Tôn-Thất-Dánh bảo phải vận-tải về gấp. Nhưng bọn Dánh xin để đến chiều mai, vì nặng nề không sao chở kịp. Chiều nay tạm lấy những khẩu đại bác cùng một cỡ, bắn lại lần nữa cũng được. Thần xét việc bắn súng này là cốt thử những khẩu súng mới đúc đem sức mạnh và tính chất ra sao vì thế Hoàng-thượng mới ngự duyệt cuộc tập bắn. Vậy mà các viên ấy dám dối trá, tội không sao tha được. Vậy xin giao cho Bộ Binh nghiêm xử để răn những kẻ sau này.

Trong ba ngày tập bắn, mặc dầu có vua Tự-Đức ngồi trên lầu Hành cung để xem, nhưng vẫn có một hội đồng ghi chép kết quả của cuộc tập bắn, rồi dâng lên Vua duyệt lại.

Nhìn vào bản kết quả ấy, ta thấy có những khẩu đại bác bắn vượt quá đích, nhưng cũng có quả chưa đến. Đích đặt

cách súng đại bác từ 120 đến 200 trượng, tùy theo đại bác cỡ lớn hay nhỏ. Trong hơn 100 phát đại bác bắn ra, không có lấy một viên đạn nào trúng đích cả, không lệch qua bên tả thì lệch qua bên hữu. Quả gần nhất cách bia 5 trượng hai tấc, tính ra là 18 thước. Có một viên đạn bắn lệch qua bên tả đến 27 trượng, nghĩa là gần 100 thước. Vua Tự-Đức đã phê : « Sai quá nhiều. »

Trước đây ở Huế thường có câu nói đùa « Bắn con dê trên thành » để cười các chú lính bắn dỏ. Bia dựng dưới đất, dê ăn cỏ trên thượng thành. Thế mà có một chú, nhắm cách thế nào không biết, bắn một phát, con dê từ trên thành rớt xuống chết quách !

Xét cho công bằng, thì cái lý do khiến họ bắn kém, không phải lỗi hoàn toàn ở họ.

Ngày xưa bắn súng, có bao giờ ta tính toán đâu, cốt quen tay là được. Nhưng thuốc đạn đâu mà bắn cho quen tay ? Những người đã được bắn một vài lần đã nhường cho kẻ khác tập. Cho nên mới sinh ra cái tệ, bắn tàu ô thì không trúng tàu ô, bắn giặc Pháp thì không trúng giặc Pháp mà bắn bia thì chết con dê trên thành.

Cho nên câu chuyện thương tâm sau này xảy ra, ta không thấy có gì là lạ cả.

Ngày 15 là ngày cuối cùng của cuộc tập bắn, vào lúc giờ Mùi (hơn 1 giờ trưa). ngồi trên lầu Hành cung, vua nghe ngoài khơi có tiếng súng nổ, tiếng bắn nhau. Nhìn ra thì thấy chiếc thuyền vận tải của ta, bị hai chiếc tàu ô đánh cướp. Thuyền ta tuy đông hơn nhưng vẫn thất bại. Trong hai chiếc tàu giặc, có một chiếc cả gan vào

sát tận bờ, xem thường uy-tín của triều-đình Việt-Nam lúc bấy giờ đang tụ tập cả tại Cửa Thuận.

Vua hạ lệnh cho các viên đội quân giữ đồn bắn ra để giúp đoàn thuyền ta, nhưng không có một viên đạn nào bắn trúng thuyền giặc cả. Kết quả bọn giặc tàu ô bắt mất hai chiếc quan thuyền, trước cặp mắt chứng kiến của vua Tự Đức.

Thật là khổ tâm ! Nếu việc xảy ra từ các tỉnh xa xôi, ngồi trong cung điện đọc phiến sớ từ các nơi gửi về, tuy nhà vua vẫn lấy làm buồn bực, nhưng nỗi xúc động ấy còn nhẹ, nay nó diễn ra trước mặt rồng thì thật không còn gì nhục nhã hơn nữa.

Lúc về Đại Nội, Trần-Tiến-Thành dâng sớ xin chịu tội về công cuộc phòng thủ bờ biển không được chu đáo. Những viên quan có nhiệm vụ về việc hải phòng, cũng là một số đông binh sĩ đã phải giao cho Bộ Binh, Bộ hình nghi xử. Riêng về phần vua Tự Đức, Ngài đã có cái lối xử trị riêng của Ngài. Vua làm một bài thơ cay đắng để quở trách các quan, in ra thành 140 bản gửi đi các bộ nha và các tỉnh.

(Bài thơ này, trước đây, trong quyển Tự Đức thi tập của tôi, tôi có đem vào. Nhưng sau những ngày loạn lạc, tập thơ nôm của vua Tự Đức (gồm có 100 bài viết tay, có lời phê bình của bà Nguyễn Nhược Thị Bích) lẫn bản thảo quyển sách của tôi đều bị thất lạc. Nay tuy vẫn còn nhớ, nhưng tôi không nhớ được hoàn toàn. Nhờ có Ô. Phạm-Ngọc-Hương, giáo sư Quốc Học đọc lại cho tôi nghe trọn bài thơ ấy. Nhân tiện đây, tôi xin có lời cảm ơn Ô. Hương)

Sau đây là bài thơ nôm ấy :

CỬA BÈ THUẬN-AN

Rừng năm Quí dậu tháng tư,
 Ngựa vắng Hoàng Thượng, Thánh Từ
 sắc ban,
 Mười hai giá ngự Thuận an,
 Hiệp đoàn văn võ, quân quan hộ tòng.
 Tung-bùng cờ phất trống rung,
 Chèo hai mái nhẹ, thuyền rồng như bay.
 Vắng nghe tiếng trống vang dầy,
 Xa xa mấy bức buồm bay nhẹ nhàng.
 Cảnh này trông thấy vẻ-vang,
 Đủ kho cái tía lâu vàng xinh thay !
 Càng nhìn càng đẹp càng say,
 Dầu mà trăm cảnh, đâu tày Thuận An.
 Ai ngờ một phút tự nhiên,
 Bỗng đâu chín chiếc tãi thuyền chạy ra,
 Ngọn buồm nhấc thấy xa xa,
 Ngoài vời nghe tiếng súng ra ùng ùng,
 Tàu ô áp đến hành hung,
 Đều rân tiếng súng găm cùng to gàu.
 Trương buồm chạy dọc chạy ngang.
 Cầm hồn mấy lũ mấy đoàn tàu ô.
 Trăm trồ hổ mẹ xi xô,
 Đưa đâm đưa chém, đưa xô xuống tàu.
 Các quan khi ấy liền tâu
 Ngựa trông Hoàng thượng trên lầu ngự ra.
 Lệnh truyền hộ-vệ, thần cơ,
 Nào ai bắn trúng tàu ô nó rày !
 Quyền ban lộc thưởng cao dày !
 Sắc vừa ban xuống, nập ngay súng liền.
 Bắn thì phát veo phát xiên,
 Bắn ra chẳng trúng giữa thuyền tàu ô.
 Hờ ra thì nó chạy vô,
 Giết đi hai chiếc, ai mô chẳng tường.
 Thấy mà nửa giận, nửa thương,

Giận thay chúng nó, thương đường quân ta.
 Người thì bị thuốc cháy da,
 Kẻ thì bị đạn, máu ra đầm mình.
 Làm cho chúng nó dễ khinh,
 Găm lại tự mình chẳng biết cứu nhau.
 Phải chi diệu vợi nơi đâu,
 Đã toan lập lượng chước mưu tẩu vơ.
 Chẳng qua sự đã sờ sờ,
 Ai ai cùng lạng uhe tờ nín hơi.
 Nghĩ đời mà ngán cho đời,
 Làm quan ăn uống lộc trời lắm ru !
 Nghênh ngang vông vông dù dừ,
 Bằng vàng hia mào xuẩn thu phát đầu.
 Găm ra tài cán gì đâu ?
 Rồi ra múa mō vênh râu chồm chề !
 Phen này mắt thấy tai nghe,
 Tham sanh úy tứ, một bè như nhau.
 Ăn thì giành trước giành sau,
 Đến khi có giặc rút đầu rút đuôi.
 Cũng xưng là đáng làm tôi,
 Có sao chẳng biết hổ người trong mình.

Ngoài bài thơ trên này, vua Tự-Đức lại còn làm một bài thơ chữ Hán, ví bọn giặc cướp như loài cá mập, cá xà dưới bể, hổ báo trên rừng, cần phải trừ diệt chúng, chứ không thể đem nhân nghĩa ra mà nói được.

Thơ nôm cũng như thơ chữ Hán, chẳng qua là để thỏa mãn một tâm hồn thi sĩ, nặng về trào lộng châm biếm hơn là quả phật. Còn quả trách các quan thì vua đã có một bài văn xuôi, mà tôi xin dịch nguyên văn như sau :

« Sứ cho Bộ-Binh, bộ Công, và các quan Thủy - sư, các quan trông coi việc phòng vệ bờ biển, phải trừ-nghĩ về việc ghe thuyền và súng ống.

Buổi ấy, ta tuần-hành Thuận-An để xem lại cách đề-phòng cửa bể, nhân thấy tàu của bọn hải-phỉ, cướp bóc thuyền buôn. Vì bất lực nên một nghìn người ấy Trẫm đã giao cho sở quan nghĩ xử. Vả thuyền cướp chỉ có hai chiếc, mà quan thuyền đến những 9 chiếc, cùng một đoàn kéo ra, có sao lại địch không nổi để hư hỏng việc. Súng trên đồn, thuộc loại đại bác hạng dài, bắn để trợ chiến, lại không trúng lấy một phát. Trong cửa biển không dự sẵn ghe thuyền để phái đi đuổi giặc, gặp việc ngợ ngàng, mờ mịt. Chao ôi, bọn cướp hèn mọn mà còn chẳng trị nổi và giết được chúng, như vậy những bọn giặc cướp khác thì sao ? Rõ ra xem thường, cốt làm cho qua chuyện. Tàu tuần tiểu thì nặng nề chậm chạp, lui tới khó khăn, binh lính súng ống quá ít không lấy gì mà thủ thắng được. Bắn thì quay súng không lanh lẹ, nhắm đích không tinh, chỉ phí thuốc đạn, bắn trăm phát không trúng được một. Thuyền bị cốt kể số cho nhiều, kỳ thiệt sai phái quá ít, nằm nhàn trong xưởng, để hằng năm kể tiền chi phí về việc tu-bổ. Đó là hai bộ Binh, Công cùng các quan ở Thủy-sư, Hải-phòng, không giữ tròn chức vụ. Trước đây Trẫm từng thân sức, vậy từ nay về sau, phải gia tâm trù nghĩ thể nào khiến cho tuần thuyền binh-lính và đại-bác cho thích hợp, các tay súng phải luyện tập cho tinh, năng bắn thì tự nhiên lanh và trúng đích. Thuyền nào có thể lưu lại tại cửa biển, mùa xuân, mùa hạ phải thường thường dự bị để sai sử cho linh - diệu, phải trù nghĩ để thi - hành cho được chân xác và tận chức trách, ngõ hầu nước nhà cường - tráng và oai - nghi, đó là điều Trẫm rất trông mong vậy. Khâm thử.

Tự-Đức, ngày 21, tháng tư, năm thứ 26.

Trong bài th của vua có câu :

Phải chi iệu vợi nơi đầu,

Đã toan lập lượng chước mưu tàu vơ.

Chẳng qua sự đã sờ sờ,

Ai ai cũng lạng như tờ nín hơi

Chính nhà vua cũng tự biết quanh mình nhiều người đối trá. Luôn luôn ở trên ngai vàng trong Đại nội, ít khi tiếp xúc với dân chúng thì những công chuyện xảy ra bên ngoài làm sao thấu đáo được ! Các quan, tuy mang danh là trung quân ái quốc, nhưng phần muốn ban thưởng, phần sợ tội lỗi, nên có nhiều ông; việc gì dấu kín được thì nhất định họ dấu kín.

Trong sổ Bách-Khoa trước, hẳn các bạn đọc cũng đã thấy Phạm-Xích, Tôn-Thất-Thiếu đã cả gan giết một lần 102 người Trung-Hoa lương thiện rồi mang tầu vớ vua là giết được giặc. Lại một lần vua bảo Hiệp lãnh Lê-Thuận-Lý bắn chim đem vào cho vua dùng. Nào có phải chuyện đâu xa xôi, Lê-Thuận-Lý bắn ngay tại cái hồ trong Đại-Nội. Vua ngồi nghe rõ ràng là bắn mười phát, thế mà lúc Lý xách chim vào, dâng lên 6 con, vua hỏi thì ông tâu : Chúng tôi chỉ bắn có 7 phát liền trúng được sáu. Việc ngay sau lưng vua còn đối trá được hưởng hồ ở những nơi xa xôi khuất lấp. Cũng vì thế mà bọn giặc Chày Vôi nổi loạn ngay giữa Kinh thành, kéo vào Đại Nội, suýt nữa thì vua phải bỏ mình, thế mà trước đó vua vẫn không hay biết gì cả.

Trong quyển L'Empire d'Annam, Gosselin đã từng nói rằng vua Tự Đức

CỬA BÊ THUẬN AN

nghe, thấy nhờ ở Cơ mật, cũng không phải là quá đáng.

Phê bình vua Tự-Đức bị bùng bít thì đúng, chớ nói rằng vua hung ác như nhiều người lầm tưởng, thì tôi không đồng ý một chút nào.

Cũng như chuyện ngự giá Thuận An vừa kể trên, theo lệ thì các quan văn võ đều theo chầu, thế mà có những viên quan văn, quan võ đã tự tiện bỏ đi, khiến Đô sát đã phải dâng phiến để hạch tội (Hộ bộ Thị lang Nguyễn Phiên, Hình bộ Biện lý Phạm hy Lượng, Lại bộ Biện lý Đoàn văn Xứng, Chương vệ Lê Thập).

Tại Kinh, Lưu Kinh Đại thần Nguyễn Tư Giản đi kiểm soát tại các cửa thành, cùng là trong Đại-Nội, quan văn cũng như quan võ lẫn binh sĩ một số khá đông đến phiên trực đã bỏ phở không canh gác.

Hôm giặc tàu ô giao chiến với thuyền ta, các quan không ai tâu cho vua biết cả, chỉ tự vua nghe thấy, trông thấy mà thôi.

Cũng vì thế mà Thị vệ Hồ Oai và Tôn-Thất-Thại đã dâng phiến chỉ trích : « Ngày hôm nay, buổi chiều, bọn chúng tôi theo hầu, nhìn về hướng đông thấy thuyền giặc bắn và chiếm đoạt thuyền chở vật hạng, Tiếng đại bác huyên náo, chúng tôi run sợ tâu lên Hoàng-Đế. Việc quan hệ đến phòng luyện nhưng sao các viên Chánh phó tham biện không một ai tâu báo, như thế thật chẳng hợp chút nào cả.

Qua những việc tôi vừa kể ở trên, chắc các bạn đọc cũng thấy rằng Tự-Đức không phải là một ông vua độc tài hung ác. Vì nếu là một ông vua hung-dữ thì ai lại dám khinh lờn như vậy.

Tự-Đức chỉ là một ông vua Thi-sĩ, việc nước thì rắc rối khó khăn như một ngôi nhà đã bệ rạc chỉ chờ ngày sụp đổ, các quan thì nệ cổ không đủ tài đảm đang để làm cho Việt-Nam trở thành một cường quốc được. Đó là những lý-do khiến chúng ta mất nước.

BỮU-KẾ

- ★ Estelle ơi, anh có phải là một thằng hèn nhát không, em ?
- ★ Anh ơi ! Em không ở trong da thịt anh nên em không biết được. Cái đó tùy anh quyết-định.

(Sartre, Huis-Clos)

Sợ sống

Một câu nói của François Mauriac :

— Không sợ chết không phải là điều khó khăn ; điều khó khăn là không sợ sống.

**BANQUE COMMERCIALE ET
INDUSTRIELLE DU VIETNAM**

**VIỆT-NAM CÔNG THƯƠNG
NGÂN-HÀNG**

Số vốn : 50.000.000\$ V. N.

TỔNG CUỘC SAIGON :

*gốc Đại-lộ Hàm-Nghi (93-95)
và đường De Lattre de Tassigny*

Điện thoại : 21.558-21.559

Địa chỉ điện tín : Viêtcombank

CHI NHÁNH DANANG (Tourane)

Địa chỉ : 59 đường Độc-Lập

Đảm nhiệm tất cả công việc Ngân hàng

Có Đại diện khắp hoàn cầu.

**Société Indochinoise de Documentation
et de
Représentations Commerciales
(S. I. D. E. R. C. O.)**

Exclusivités :

Whisky BALLANTINE'S »
Cognac « COURVOISIER »
Sardines « LES Océanides »
Champagne « HEIDSIECK & C°
MONOPOLE »
Vins de Chianti et Vermouth
« MIRAFIORE »
Vin Rose Valpolicella Chiaretto
« MONTRESOR »
Huile d'Olive « ADOLPHE PUGET »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél: 20.055

**La Société Urbaine Foncière
(S. U. F. O.)**

18. BEN BACH DANG — SAIGON

NHỮNG GIẢI THƯỞNG

★ ĐOÀN-THÊM | CỦA CÁC VIỆN HÀN-LÂM PHÁP

MỘT trong những biện-pháp thông-thường để nâng đỡ các hoạt-động văn-hóa, hiện nay vẫn còn là những giải thưởng.

Nếu sự phát thưởng được tổ-chức kỹ-lưỡng và hợp-lý, thì giải thưởng rất có giá-trị, làm nổi danh các tác-giả và giúp cho họ có phương-tiện phổ biến tác-phẩm một cách dễ dàng và rộng rãi : tỉ như giải quốc-tê Nobel, do viện Hàn-Lâm Thụy-Điển cấp.

Song còn biết bao nhiêu giải khác, tuy ở trong phạm vi một quốc-gia, cũng vẫn có hiệu-lực khuyến

khích : để các giới quan-tâm đến văn-hóa rút kinh-nghiệm, xin lược trình về các loại giải thưởng thuộc các ngành khảo-cứu sáng-tác ở Pháp là nơi có tổ-chức lâu đời và phong-phú nhất.

Nhiều giải có tiếng, như giải Goncourt, giải Tổng-Hội Văn-Chương (Société des gens de lettres), do các đoàn-thể tư-nhân cấp ; song phần lớn do năm Viện Hàn-Lâm chánh-thức thuộc Viện Văn-Hóa Pháp-quốc (Institut de France), hoặc do toàn-viện Văn-Hóa cấp chung.

*
* *

NHỮNG GIẢI THƯỞNG CỦA CÁC VIỆN...

Số giải thưởng

Rất nhiều, theo tập-san của Viện Văn-Hóa, và chương-trình tam-niên 1960-1961-1962 (Annuaire de l'Institut de France, pour 1960-1961-1962).

của Viện Văn-Hóa Pháp-quốc (<i>Institut de France</i>)	55 giải thưởng
của Viện Hàn-Lâm Văn-Chương (<i>Académie française</i>)	122 — — văn-chương
và	201 — — đức-hạnh
của Viện Hàn-Lâm Khảo-Cổ (<i>Académie des Inscriptions et Belles-Lettres</i>)	87 — —
của Viện Hàn-Lâm Khoa-Học (<i>Académie des Sciences</i>)	218 giải thưởng
của Viện Hàn-Lâm Mỹ-Thuật (<i>Académie des Beaux-Arts</i>)	136 — —
của Viện Hàn-Lâm Khoa-Học Nhân-Bản và Chánh-Trị	111 — —
(<i>Académie des Sciences Morales et Politiques</i>)	
Tổng-cộng	930 giải thưởng

Tính-cách chung của các giải thưởng

a) Các giải có thể chia ra hai loại: một là để thưởng những tác-phẩm có giá-trị nhất (Prix), hai là để giúp đỡ tác-giả có tài, có công hay có đức, hoặc để đài thọ kinh-phí cho các cuộc khảo-sát (Fondations).

Tỉ-dụ :

Prix Charles Dupin (giao cho Viện Hàn-Lâm Khoa-Học) để thưởng tác-phẩm nào nghiên-cứu sâu rộng về kỹ-hà-học, cơ-khí-học hoặc hàng-hải thương-thuyền.

Fondation Mottart (giao cho các Viện Hàn-Lâm Khoa-Học và Văn-

Chương) để dùng tiền giúp những nhà bác-học hay nghệ-sĩ nghèo túng.

Fondation Pierre Handié (giao cho Viện Hàn-Lâm Khoa-Học Nhân-Bản Chánh-Trị) để giúp gia-đình nào đã nuôi trẻ mồ-côi con thủy-thủ xứ Bretagne chết ở biển, hoặc những bà vợ góa đông con.

b) Các giải lớn nhất thường do các Viện đặt lấy, tỉ như giải thưởng công-lao đối với Pháp-ngữ (Prix de la Langue Française) do Viện Hàn-Lâm Văn-Chương đặt từ 1914 ; hoặc do Chánh-Quyển đặt : các

Prix du Budget, về mọi ngành — nhưng rất nhiều do các tư-nhân nhiệt thành với văn-hóa, hằng-lâm hằng-sản, giao hẳn cho Viện sở-quan quản-trị một tài-sản, lấy hoa-lợi làm phần thưởng : ở trường-hợp này, các giải đều mang tên người sáng lập để kỷ niệm : Fondation Général Muteau, Fondation Madame Victor Noury, Donation Conacq-Jay v.v... Đại-khái cũng như ta đem ruộng đất hậu để nhà chùa lấy tiền thóc hàng năm mua oản chuỗi cúng giỗ họ.

Người ta đặt « hậu » như vậy, dĩ-nhiên về phương-diện pháp-lý, cũng như đề ghi ơn, các Viện nào đã nhận thì phải tuân đúng ý-nguyên của người sáng lập. Những ý-nguyên đó đều tỏ ra thiện-chí đáng khen đối với văn-hóa và các tác-giả, đều có lợi cho sự phát-triển các ngành học-thuật sáng-tác. Tuy-nhiên, nếu xét kỹ, nhiều khi thấy tí-mỉ, câu-kỳ, hoặc đáng dùng vào những ngành, những vấn-đề quan-trọng hữu-ích hơn :

Như giải *Prix Jacques Flach* do bà đặt để kỷ-niệm ông, bốn năm phát một lần, cho ai viết được cuốn sách nói về miền Alsace trước 1648 ; — giải *Prix Rémond Potin* phát hàng năm, cho một gia-đình ở quận Eure-et-Loir, ít nhất phải có 7 con, bỏ lại không được quá 40 tuổi, và phải cư-trú tại quận trên 7 năm rồi ; — giải *Prix Jean Marie le Golf*, bốn năm phát một lần, cho nhà sinh-lý-học nào có công nghiên-cứu về những huyết-cầu đỏ trong máu của người đi tiểu ra đường, và tính-chất sinh-lý cùng y-lý của kim-

loại cobalt và đồng-loại v.v... Tóm lại, cho mà trối buộc như vậy, thiết nghĩ không bằng đặt tín-nhiệm vào các nhà bác-học của Viện, để họ liệu mà sử dụng một cách hữu-ích nhưng mềm dẻo, hoặc có tỏ nguyện-vọng, cũng nên tránh những điều-kiện hẹp hòi.

Nhưng ngược lại, cũng có những nhà hảo-tâm rộng rãi quá, chỉ ngó ý cho Viện Hàn-Lâm Văn-Chương phát hai năm một lần, cho tác-giả sách nào có giá-trị nhất về văn-chương Pháp (à l'auteur du meilleur ouvrage de littérature française — Prix Narcisse Michaud). Kề cũng khó nghĩ cho các ông Hàn : thế nào là « văn-chương Pháp », thường về thơ, hay kịch, hay phê-bình, hay tiểu-thuyết, hay văn-học-sử ? Mà về thơ, thì thơ mới hay thơ cũ ? tại sao không về truyện ngắn ? Một truyện ngắn có đủ tiêu biểu cho cả văn-chương Pháp không ? v.v... Lại như *Prix Balleroy* để thưởng cho họa-sĩ nào có tài, không ai biết hoặc ít ra cũng không mấy ai biết (un peintre de talent, inconnu ou du moins peu connu), tha hồ mà đi tìm, nếu không ai biết cả, thì kiếm đâu cho ra ?

Cũng may mà đa-số đặt điều-kiện tương-đối dễ dàng : như *Prix Jules Faure*, để thưởng một tác-phẩm văn-chương của phụ-nữ, dù văn vần hay văn xuôi, dù về luân-lý hay giáo-dục, về văn-tự-học hay sử-học (une œuvre littéraire faite par une femme, que cette œuvre soit de la poésie ou de la prose, qu'elle traite d'une question de morale ou d'éducation, de philologie ou d'histoire).

NHỮNG GIẢI THƯỞNG CỦA CÁC VIỆN...

c) Nếu mục-dịch thường do các nhà sáng lập vạch ra, cách-thức treo giải, chấm thi và phát thưởng đều do các Viện hữu-quyền quyết định lấy, theo qui-chế chung, hoặc theo điều-lệ riêng của từng ngành. Đại-khái muốn dự thí phải nộp các bản thảo hoặc sách in rồi, trước ngày mồng 1 tháng 1 mỗi năm tại trụ-sở Viện Văn-Hoá, và ghi rõ gửi Viện Hàn-Lâm nào, một tác-phẩm không thể cùng một năm trình ở hai Viện; tùy theo hạng giải, người được thưởng sẽ có quyền ghi trên sách: được giải của Viện Hàn-Lâm (Lauréat de l'Académie...) được Viện Hàn-Lâm thưởng, nghĩa là được một phần tiền giải (Récompensé par l'Académie) hoặc được khuyến khích do Viện Hàn-Lâm... (Mention honorable au concours de l'Académie...)

Viện Hàn-Lâm Khoa-Học có quyền tự-do xét định về thành-tích của những nhà bác-học xứng đáng được giải, không bắt buộc các vị này phải trình nạp các tác-phẩm.

Đối với Viện Hàn-Lâm Khoa-Học Nhân-Bản và Chánh-Trị, nếu nộp bản thảo thì bản đó phải thuộc về tác-phẩm chưa từng in, và cầm không được để tên, chỉ có thể để bút-hiệu.

Về các giải kiến-trúc, âm-nhạc, hội-họa, v.v... Viện Hàn-Lâm Mỹ-Thuật đôi khi đặt những thể-lệ tỉ-mỉ cho từng kỳ thi, vì Viện phải vạch rõ cách-thức trình bày hay sáng-tác (tỉ như Prix Duc, 4 năm một lần, Viện nói rõ cả kích thước các họa-đồ kiến-trúc) Viện này mở kỳ thi lấy giải La-Mã (Prix de Rome) hàng năm cho hội-họa,

điều-khắc, kiến-trúc, sáng-tác âm-nhạc và 2 hoặc 3 năm một kỳ cho ngành chạm trổ.

Các Viện đều lập sẵn chương-trình treo giải trong một thời-kỳ vài năm, để người muốn dự-thí biết trước mà sửa soạn. Vì nếu có những giải hàng năm, cũng nhiều giải 2, 3, 4 năm mới phát một lần theo ý người đặt giải, hoặc mới đủ hoa-lợi để cấp; có khi cùng về mỹ-thuật, như Prix Le Guay Lebrun, mà năm 1960 phát cho một họa-công (dessinateur) năm 1961 sẽ cho một họa-sỹ (peintre) năm 1962, một nhà điêu-khắc.

Nhiều giải chỉ dành cho một hạng người định rõ, và rõ quá: muốn giạt Prix Desbrez, phải là nghệ-sỹ nặn tượng dưới 35 tuổi, mà tác-phẩm phải thực-hiện trên lãnh-thổ Pháp trong 2 năm vừa qua, như vậy biết bao nhiêu đồng-nghiep khác bị gạt bỏ? Ngược lại, có những sự tham-gia cạnh tranh khó tưởng tượng: đã là một ông Hàn, nghĩa là có thành-tích, có danh-vọng rồi, hà-tất phải khuyến khích hay cần quảng cáo? Thề mà cũng có những trường-hợp ông Hàn được dự thí: Prix Jean Reynaud, 5 năm một lần, về mỹ-thuật; Prix Osiris, 3 năm một lần, về văn-chương. Người ta còn ngờ vực sự vô-tư trong lúc chấm thi, các bạn đồng-viện xét, rất dễ thiên-lệch vì cảm tình: vì thề, những giải này phải do toàn thể 5 Viện đồng ý phát. Thực ra, nhiều ông Hàn cũng đáng nâng đỡ, vì tuy « bắt-tử » vẫn túng thiếu, và nếu không ai sáng tác hơn được trong khoảng 5 hay 3 năm treo

giải, sao lại chẳng thưởng nếu quả thật có ông Hàn chịu khó và xuất sắc ? Thiết nghĩ còn lý-do nữa : là một khi được bầu vào Viện rồi, thì cũng nhiều vị « tọa hưởng kỳ thành » chẳng sản xuất gì để công-chúng chú ý nữa, nên cũng cần đánh thức ; chúng có là đồ ai thuộc được tên 10, 15 ông Hàn, nhất là ở những Viện ít tiếng như Viện Hàn-Lâm Khảo-Cổ. Dù sao, muốn tránh sự dị-nghị và khỏi mang tiếng « cướp cơm chim », nên tổ-chức quỹ tương-tề thì hơn và để dành giải thưởng cho các nhà bác-học, văn-nhân, nghệ-sĩ giới bên ngoài.

Sở tiền thưởng của các Viện về mỗi giải không thể định trước, vì còn tùy theo sự thay đổi thời-giá tiền-tệ và nhất là lợi-tức hàng năm của các tài-sản được di-tặng. Cho nên, về thời-kỳ 1960-1961-1962, chỉ mới biết qua loa về một số giải. Có những giải cần tính sao cho người hưởng thụ đủ tiền du-lịch 4 tháng ở nước Ý (Prix Chaudesaignes cho kiến-trúc-sư) hoặc để xuất bản sách về khảo-cổ (Fondation Louis de Clerq) Những sở tiền đã ấn định, cũng không nhiều lắm : như của Viện Hàn-Lâm Khoa-Học, từ 80.000 đến 2.400.000 quan cũ ; hai giải lớn về Toán-Học, và Vạn-Vật - Hóa-học, chỉ có 2.000.000 quan cũ. Viện Mỹ-Thuật có nhiều giải cho những nghệ-sĩ đã được Giải La-Mã (Prix de Rome) khi họ trở về, từ Villa de Médicis là nơi những vị Prix de Rome được phép cư-trú an dưỡng (như các Fondations Pinette, Jules Henner, Dubosc, Maubert, Saintour, Cambacérès v.v.)

Khoa-học các ngành, và ngay đến mỹ-thuật các môn đều khó hiểu hơn tiểu-thuyết, thơ,... nên giải của các Viện không được đại-chúng quan tâm bằng của Viện Hàn-Lâm Văn-Chương (Académie Française) : vậy xin trình kỹ hơn về những phần thưởng do cơ-quan này cấp phát.

Phần thưởng của Viện có hai loại : Văn-Chương (Prix littéraire) và Đức-hạnh (Prix de Vertu), không kể một số mà Viện này phát chung với Viện Mỹ-thuật (như Prix Balleroy) hoặc Viện Khoa-học (như Prix Mme Alfred Barbier)

Các giải Văn-Chương

Có thể chia ra tùy theo mục-đích của người sáng lập :

— cho các nhà thơ : Prix Archon, Prix Verlaine, Prix Artigue, Prix Balleroy, v.v... tất cả 22 giải.

— cho các nhà văn hay nhà thơ góp phần vào sự phát triển văn-chương : Prix Louis Barthou, Prix Jean Jacques Berger, Grand Prix Broquette Gonin,...

— cho các tác-phẩm nào đề cao đạo đức : Prix Boudenoit, Prix Constant Dauguet, Prix Halphen v.v...

— cho các văn nghệ-sĩ trẻ tuổi, hoặc mới vào nghề : Prix Paul Flat, Prix Henri Dumarest, Prix Emile Clermont v.v...

— cho riêng các nữ-sĩ : Prix Anais Ségalas, Prix Alice Louis Barthou...

NHỮNG GIẢI THƯỞNG CỦA CÁC VIỆN...

— cho các văn-nghệ-sĩ từng thiếu tàn-lật : Prix Monbinne, Fondation Mottart, Fondation Tinardon...

Ngoài ra, Viện còn phát những phần thưởng lớn nhất, như sau :

— Phần thưởng đặc-hạng về Văn-Chương (Grand Prix de Littérature).

— Phần thưởng đặc-hạng về tiểu-thuyết
(Grand Prix du Roman)

— Phần thưởng đặc-hạng về thơ
(Grand Prix de Poésie)

Ở đây, chúng tôi không khỏi thắc mắc : đối với những giải thưởng do tư-nhân đặt, thì nhiều khi chỉ cần và cần phải theo ý-nguyện của người sáng-lập : như Prix Amélie Mesureur de Wailly : phải là thơ lời cổ-diễn, (du plus pur style classique).

Song nếu cứ khuyến khích mãi lời thơ cổ-diễn, nghĩa là cũ kỹ quá rồi, không mấy ai ưa chuộng nữa, chẳng hóa ra xúi đi ngược lại các trào-lưu tiên hóa, khi thơ đã trải thời-kỳ cổ-diễn, tân-cổ-diễn, lãng-mạn, khách-quan, tượng-trưng, siêu-thực, huyền-ảo, bí-mật v.v... và 300 trăm năm nữa cũng vẫn thưởng những thi-phẩm theo đường lối Racine hay sao ?

Ngoài ra, đối với nhiều giải, tư-nhân cũng chỉ hướng cho lựa chọn : như Prix Henri Jouselin, để

thường tập thơ nào nhẹ nhàng, hồn-nhiên, bình-dị như bài dân-ca.

Song khi phát giải thưởng đặc-hạng (Grand Prix de Poésie), thì các ông Hàn chọn loại thơ nào ? Vì theo thiên-kiến, về loại nào cũng có thơ hay hoặc được coi là hay nhất, thì Viện căn cứ vào những tiêu-chuẩn nào để các thi-sĩ khỏi kêu ?

Xin thử xét qua về giải thơ đặc-hạng 1960, mà người hưởng thụ là Philippe Chabaneix, được thưởng về toàn-thể công-trình sáng-tác của Ông, gồm những tập thơ « Les Rêves Unis », « Tendres amies », « Musiques du Temps perdu »... tất cả hơn 30 cuốn. Trong bài diễn-văn dài 22 trang đánh máy ngày 17-2-1960 đọc để tuyên dương thân-thể và sự-nghiệp tác-giả, ông Hàn Maurice Genevoix đã phê phán đại-khái : không có để tài gì lạ lùng, chỉ có tình yêu, sự chết, dục-vọng, v.v... Cần chỉ phải nói tới những sự cao xa, siêu-hình, khi chỉ cần sống và ca hát ?

Nhạc-điệu của ngôn-ngữ, du-dương vì luyện tiềc, hình ảnh thân mền của cảnh vật quen thuộc... đủ gợi cảm chứa chan và sâu xa...(Pas d'autres thèmes que les plus ordinaires, ou les moins inattendus, l'amour, la mort, le désir.... Pourquoi vouloir expliquer le monde quand il suffit de vivre ou de chanter?... Musique des mots,... Mélodie du regret... Images du monde,... visions familières et concrètes,... émoi vague et profond...)

ĐOÀN-THÊM

Những vần sau được kể làm tỉ-dụ và ca-ngợi :

Hình ảnh một nàng si tình
Một ngọc-nữ thần tiên của những ngày qua
Pha trong giấc mơ vào nhung mát dịu
Của đóa hồng đắm bóng
Mà tôi thông thả hút hương
Hương đưa lại cho tôi
Như mang về bóng bí-huyền của ngôi sao tắt
Cả một dĩ-vãng nhẹ nhàng yên lặng.

*Le souvenir d'une amoureuse
Divine enfant des anciens jours,
Se mêle en songe au frais velours
De cette rose ténébreuse
Que je respire lentement
Et qui dans son parfum m'apporte
Comme un secret d'étoile morte
Tout un passé doux et dormant.*

Thì ra đây vẫn là loại thơ sáng sủa, dễ hiểu, truyền cảm cho nhiều người, tuy bóng gió song càng êm dịu lại vẫn theo vần điệu quen thuộc còn được đa-số ưa chuộng.

Như vậy thì Viện vẫn có thói bo bo bảo-thủ mà các giới tối-tân thường trách ? Vẫn thường thơ đúng luật để mang tiếng hẹp hòi với kỹ-thuật giả-tạo (académisme) ?

Thiết nghĩ khó lòng xử trí theo những đường lối cách mạng. Nếu văn-nghệ-sĩ có quyền tự-do cá-nhân tìm hướng đi mới mẻ, thì một cơ-quan tối-cao về văn-hóa quốc-gia còn có bổn-phận bảo vệ văn-tự và những truyền-thống dân-tộc, và nếu không phủ nhận những sự cải tiến, thì cũng phải dè dặt trong sự chấp nhận, đợi cho thời-gian thử thách những sự phát-minh, rồi khi sự phát-minh đó

được dung nạp và hòa hợp với tâm-hồn đại-đa số quốc-dân, Viện mới xét lại để thừa nhận nếu xứng đáng, cũng như Tòa Thánh Vatican vô cùng thận trọng trong việc tuyên dương phong thánh những vị có công-đức với tôn-giáo : sau mấy chục năm say sưa với thơ và ra sức sáng-tác, P. Chabaneix mới được long trọng đến công, nghĩ như vậy giá-trị của ông càng vững chắc.

*
* *

Các giải Đức-Hạnh

Thoạt nghe, nhiều bạn và tôi tưởng rằng các giải đó thưởng những đức-độ cao siêu tốt bậc, của hiền-giả liệt-nữ treo gương sáng cho dân-tộc hay nhân-loại.

Soát qua một lượt, tôi hơi thất vọng : đa-số thực ra chỉ là những món tiền đáng lẽ giao cho các hiệp-hội từ-

NHỮNG GIẢI THƯỞNG CỦA CÁC VIỆN...

thiện, cứu-tê, để giúp đỡ người nghèo khó không có gì đáng chú ý ngoài sự túng quẫn, (như Fondation Ramonat) hoặc người tàn tật, trẻ mồ-côi (như Fondation Vermorel) hoặc những gia-đình đông con (như Prix Alfred, Fondation Barriol, Fondation Beausse, Fondation Bouley-Chaussivert, Donation Cognacq-Jay v.v...)

Lắm khi, ngoài điều-kiện nghèo túng và gia-đình đông đúc, người sáng-lập cũng đòi những đức tính tốt, nhưng lại ràng buộc vào thể-lệ khá chặt hẹp, như Fondation de la Caisse des Prêts populaires de Givet et du Frunay : giúp cho 12 gia-đình đông con và « xứng đáng » nhưng phải ở một trong 7 hạt định rõ ít ra 5 năm rồi ; không rõ điều-kiện cư-trú có liên quan gì tới phẩm-cách, cũng như điều-kiện kỳ-quặc ở Fondation Charreyre-Conort : trợ cấp suốt đời cho con gái (sao lại không con trai ?) một thượng-sỹ - quan (tại sao sỹ - quan không được ?) nếu nàng không có tài-sản (đã đành rồi) và nếu không được chánh-phủ cấp cho quyền đặc-nhượng bán thuốc lá (à une fille d'officier supérieur se trouvant sans ressources et n'ayant pu obtenir du Gouvernement la concession d'un bureau de tabac). Bán thuốc lá hay bán gì chẳng nữa, cũng chẳng vì thế mà tỏ rõ đức-hạnh nào hơn người.

Nói về đức-hạnh, nhiều vị sáng-lập quá rộng rãi, nghĩa là nói một cách mơ-hó : để thưởng những việc tốt (bonnes actions ; Prix Agemoglu, Prix Aubril, Prix Bausagessiome, Fondation

Broquette-Gonin, Prix Hyland v.v...) Có những vị chỉ giao cho Viện đề lập giải Đức-Hạnh, prix de vertu, không cho biết thế nào là đức-hạnh : (Prix Danvois, Fondation Buisson). Có rõ ràng hơn, thì cũng chỉ đến mức : sự tận-tâm hay sự can-đảm (Prix Laussat) một thanh-niên đứng đắn « sérieux » (Fondation Jean Lecourt) hoặc những sự tận-tâm thầm lặng không ai biết (dévouements obscurs, Prix Lestienne : thế thì các ông Hàn lâm sao mà biết ?) (1).

Tuy - nhiên, một điểm rất đáng chú ý, là ý-nguyện khuyến khích hiếu-đễ, và tôn trọng danh dự, thấy rõ ở mấy chục giải : thưởng những ai giúp đỡ săn sóc cha già mẹ yếu, thiếu-nữ chịu chăm nom em nhỏ thay hai thân, hoặc gia-đình sa sút mà cô sinh nhai lương thiện trong cảnh nghèo nàn chớ không chịu hy sinh danh-dự vì tiền của v.v.. (Fondation Berthier, Prix Louis Bigot, Prix Veuve Blouet, Prix Chadrin, Fondation Alexandre Darracq v.v...)

Tôi tự hỏi vì sao không thấy khen thưởng những hành-vi tốt đẹp đặc biệt, và không lẽ quan-niệm đạo-đức của những người sáng lập giải, lại tầm thường thấp kém như vậy ?

(1) Các giải thưởng Đức-Hạnh này phát hàng năm. Việc tốt đáng thưởng phải lâu ngày và tiếp tục cho tới 2 năm trước năm trình Viện. Một tờ trình đầy đủ chi-tiết và những bằng chứng cụ-thể, do những nhân-vật có tên tuổi sắc nhận, phải gửi tới trụ-sở Viện.

Đương-sự không được ký vào tờ trình và cũng không được tự mình gửi lấy.

Một là người có lòng tốt lại không có trình-độ trí-thức cao, hai là họ nghĩ những đức-tính cao siêu nêu chứng tỏ tất có những phần thưởng đích đáng rồi: như quân-nhân liều mình vì nước tất được thăng chức, bội-tinh, hoặc tượng đồng bia đá, nhà bác-học tận tụy vì nhân-loại có thể vào Viện Hàn-Lâm hoặc giạt giải Nobel v.v.. ba là họ e rằng sự định nghĩa đức-hạnh sẽ là trở lực lớn về sau này, vì quan-niệm thiện-ác sẽ tùy thời, tùy cảnh xã-hội mà thay đổi.

Chính vì thế mà ông François Mauriac, trong bài diễn văn đọc nhân dịp phát các phần thưởng Đức-Hạnh, đã tỏ vẻ ngần ngại về những tiêu-chuẩn cần áp dụng để vạch rõ những đức-tính gì đáng thưởng. Ông so sánh các quan-điểm trái ngược về luân-lý của các triết-gia và cũng thấy băn khoăn: của Pascal, của Balzac, của Gide, của Sartre, của Kierkegaard... Ông sợ lạc lăm trong sự khen thưởng, vì theo ông, con người hay dối trá, có khi chỉ để cao đức-tính tốt nào có lợi cho mình, xúi kẻ khác hy sinh để mình được hưởng, tỉ như ở trường-hợp nêu cao công lao của những gia-nhân trung thành mà Viện này ông tán dương (hầu chủ một cách tận tâm: Prix Péron; ở với chủ trên 20 năm và chỉ mới lãnh được một phần tiền lương tuy lương đó rất ít ỏi « restés chez le même maître plus de vingt années et n'ayant touché qu'une partie des gages qui leur étaient dus ou des gages très modestes »;

nghĩa là còn phải điều-kiện bị ông bà chủ ăn bớt mất lương mà không hề kêu ca gì hết: Prix Peyrard-Beauma-noir; — hoặc một đầy tớ gái ở vậy không lấy chồng, ở lại hầu hạ một bà hay một cô mặc dầu gia-cảnh bà hay cô suy vi rồi: Prix Savourat-Thénard, có khác gì khuyến khích người ta hy xả một đời ái-tình và hạnh-phúc gia-đình để mình được hầu hạ? — hoặc một người thợ máy ở hạt Seine tốt nhất thuộc về quận thứ X thành-phò Balê, và đã 30 năm làm việc trong một xưởng (dans le même atelier) như thế tức là chỉ muôn cho người lao-động đó đầu tắt mặt tối suốt 30 năm trong một xó, không thể tiến lên cấp trên hay đổi ngành chuyên-môn sang xưởng khác để có mức sống cao hơn, khi thợ ở các nước tiền-tiền có thể học tập để leo hết các bậc thang lên tới đốc-công, kỹ-sư, giám-đốc?? Prix Augustine Bon.

Cho nên ông Mauriac đã thốt ra một câu vô-cùng chua chát: nếu chúng ta có tâm hồn ngay thẳng, chúng ta không thể ca ngợi Đức-Hạnh mà chẳng tự xét lại mình, để nghĩ rằng ta không phải là chuyên-viên về môn Đức-Hạnh, và trong đời ta, ta chỉ khôn khéo nhất về sự lợi dụng đức-hạnh kẻ khác (Si nous sommes une âme bien née, nous ne pouvons célébrer la Vertu sans faire un retour sur nous-même et sans songer que nous ne sommes guère expert en fait de Vertu et que nous avons surtout été habile, au cours de notre vie, à profiter de la Vertu des autres).

NHỮNG GIẢI THƯỞNG CỦA CÁC VIỆN...

Dù sao, ông Mauriac cũng rất sung sướng nhận định rằng Đức-hạnh có thật, khi ông tuyên dương công trạng của Charles Passon, chủ thuyền cứu vớt các tàu đắm : 91 lần xông pha sóng gió, 50 chiếc tàu và 143 nhân mạng được cứu. Và ông kết luận với tin-tưởng lạc-quan rằng Đức-Hạnh và tánh-cách thiêng-liêng của nhân loại chưa bị sút kém (... cette permanence de la Vertu parmi les hommes, de la Charité au sens absolu, de ce plus grand amour qui est de donner sa vie... la sainteté du monde n'a pas

diminué. - Rapport de M. F. Mauriac sur les prix de Vertu - Séance publique annuelle de l'Académie Française 17-12-60).

Tóm lại, mặc dầu có những điểm khiến dư-luận thắc mắc, Viện Hàn-Lâm Pháp đã khéo lựa chọn những người đức-hạnh mà thưởng một cách xứng đáng, và sự khéo léo đó hình như sửa chữa lại được những vụng về sơ sót của một số nhà hảo-tâm đặt giải.

Đ. T.

NÊN HÚT THUỐC LÁ

JOB

吸請 金字烟

Cigarettes **JOB** Surfiner

COFAT CHOLON

GIAO THÔNG NGÂN HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI-BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 và 24.547

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 36.268 và 36.269.

Danh sách điện báo : COMMUBANK



Các hã*ng* Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có t*ủ* bảo hiểm cho thuê, mỗi t*ủ* tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.

PASTILLES: { **VANCO** MÙI • MENTHE •
CAM MÙI CAM

Chuyên-trị

Các chứng ho, đau Cường họng



VIỆN BÀO-CHẾ VANCO

TRU'ONG-VĂN-CHÔM

Dượckhóa Tân-sĩ Quốc-gia

134, Đường Yên-Đỗ — Saigon

tìm hiểu người thanh-niên

NGUYỄN - HỮU - PHIÊM

Đã mấy tháng nay trên khắp mặt báo ở thủ-đô, không mấy ngày là không thấy đăng tin những vụ trộm cướp, tổng tiền, lưu-huyết (như vụ giết một học-sinh vô tội ở đường Nguyễn-Thông, vụ đâm chết một ngoại-kiều ở phòng trà Kim-Điệp) hoặc vụ tự-vẫn rồi gây án-mạng (như ở Suối Lồ Ổ), phần nhiều, do thanh niên hay thanh-nữ gây nên, khiến cho các bậc phụ-huynh, các nhà giáo-dục, cho tới chính-quyền, không ai không lo ngại.

Nhiều báo-chí đã đề-cập tới vấn-đề này, đã nêu ra mấy lý do chánh-đáng (người đổ lỗi cho gia-đình, kẻ qui tội cho học-đường, người bảo tại ảnh-hưởng của chiến-tranh, của thời-đại, nghĩa là do hoàn-cảnh xã-hội tạo ra), và đề-nghị nhiều biện-pháp để, nếu không chặn đứng được tai-họa đó, thì ít ra cũng ngăn ngừa được một phần nào.

Nói cho đúng ra, không riêng gì ở nước nhà mới có nạn « cao-bồi, du-đăng »

(những danh-từ vẫn được thông-dụng). Hiện nay, trên hoàn-cầu không ai không chú ý đến « nạn » đó để đưa thanh-niên tới chỗ phạm pháp, không ai là không coi như một bệnh dịch - hạch, lan tràn khắp nơi, một thứ bệnh truyền-nhiễm, vô biên-giới, thấy xuất hiện ngay cả bên kia bức màn sắt.

Họ kết thành từng đảng để thi-hành thủ đoạn.

Ở Pháp, có đảng « Blousons noirs » ở Anh là « Teddy boys », ở Đức, kêu Halbstarken, ở Thụy-Điển, gọi là Shunna-folke ; ở Đan - Mạch : Anderupen ; ở Ba-Lan và Nga-Sô : Hooligans ; ở Ý : Vitelloni ; ở Úc : Boogies ; ở Nam-Phi-Châu : tsotis ; ở Nhật : Taiyo-zoku ; ở Đài-Loan : Lưu-Manh. v . . v . .

Để có một ý-niệm về « mối họa » của thời-đại, ta hãy mở tập hồ-sơ của thanh-thiếu niên phạm pháp trên thế-giới :

Ở Mỹ, số thanh-niên kết thành bè đảng, mỗi ngày một nhiều : báo chí Mỹ đã tường-thuật những vụ nổi loạn tại học-đường và cướp của, đốt nhà, những trận đấu đả giũa đảng nọ với đảng kia ở nơi thanh-thiên bạch-nhật và để lại xác chết trên công lộ. Viên tổng thanh-tra tòa án đại-hình ở Chicago đã có lần tuyên-bố : « Vì có những tội trẻ đó, nên chúng tôi khuyên dân-chúng đừng nên đi lãng vãng ngoài đường ».

Ở Nư-u-U-ôc, tỷ lệ thanh-niên phạm tội giết người, mỗi năm lên quá 25%. Theo tờ tường trình của ủy-ban điều tra năm 1957, với « cái đà này, chỉ trong hai năm nữa, có tới một triệu người sẽ phải đưa ra tòa », và ủy-ban đó khuyên các vị quan tòa liên-bang nên nhớ rằng « mặc dầu họ đứng trước những trẻ con, chúng vẫn là kẻ sát-nhân. »

Xứ Nư-u-U-ôc, từ năm 1959, đã bắt đầu thi-hành đạo-luật « cho phép các giáo-chức được áp-dụng thể-hình, đối với các học-sinh, nếu cần. »

Ở Anh-quốc, số trẻ dưới 20 tuổi, can tội sát-nhân, từ 1938 đến 1956, lên tới 19%. Chính-phủ Anh đã ban-hành một đạo-luật rất nặng — xử giáo — đối với teddy boy giết người.

Ở Nga, các báo-chí cũng phát-giác những đảng học-sinh gây rối ở Moscou, Leningrad. Đã có một cuộc hội-nghị thảo-luận về vấn-đề thanh-niên phạm pháp, trong năm 1956. Nhà tư-tưởng Makarenko, trước tình trạng đó, đã qui lỗi cho gia-đình. Một nhóm bác-sĩ, trong một bức thư ngỏ, đăng trên tờ Pravda, yêu-cầu chính-phủ lên án tử-hình tất

cả những hạng du-côn đã gây nên án-mạng, không có trường-hợp giảm-khinh nào cả. Có từng đội quân, tay đeo băng đỏ, chuyên môn đi lùng bọn « stiliague », vận quần rất hẹp ống, để đánh và cạo trọc đầu.

Ở Ba-Lan, riêng năm 1957, trong số 15.000 trẻ, từ 15 đến 25 tuổi phạm pháp, có 180 đứa bị kết án về tội giết người, và 7000 vì gây thương-tích. Chúng đã bị trừng phạt rất nặng.

Tại Trung Cộng, tờ nhật báo Nhân-Dân ở Bắc-Kinh, đã nói tới những thanh-niên « quần rộng, tóc dài », gây khủng bố ở Thượng-Hải.

Ở Nhật, cũng không thoát khỏi cái nạn đó, nhất là tại các đô-thị lớn như Tokyo.

Ở Pháp, năm 1954, trong số 5.565.000 trẻ từ 8 đến 18 tuổi, có 13.504 đứa bị giải tòa.

Năm 1958, trong số 6.352.000 trẻ, có 18.900 phạm tội, nghĩa là trong khoảng 4 năm, dân-số tăng lên 17%, thì số trẻ phạm pháp tăng lên 30%.

Năm 1959, có tới 23.000 trẻ từ 8 đến 18 tuổi phạm pháp. Người ta ước lượng con số đó, trong năm 1960, lên tới 30.000.

Về số thanh niên, từ 18 đến 21 tuổi phạm pháp, trong năm 1954, có 12.980 ; và năm 1958 : 24 000.

Có lẽ trong năm 1960 : 60.000.

Ở Việt-Nam, theo những bản thống-kê của bộ Tư-Pháp, từ năm 1953 đến 1958, có trên 9000 trẻ phạm pháp.

Ngoài những con số kể trên, cho ta thấy một phần sự thật, còn biết bao trẻ phạm

pháp, nhưng ở ngoài vòng pháp-luật, nên ta có thể kết-luận rằng : ở bất cứ nước nào nạn « du-đăng, cao-bồi » vẫn hoành-hành mặc dầu đã có những sự trừng phạt gắt gao.

Phải chăng đó là một bệnh của thời-đại ?

Phải chăng là một chứng bệnh nan y ?

Trước khi đề-cập đến vấn-đề thanh-thiếu-niên phạm-pháp, tìm ra những nguyên nhân chính, rồi bàn đến các biện-pháp thích-ứng để ngăn ngừa, thiết tưởng, ta cũng nên tìm hiểu người thanh-niên thường, nghĩa là chưa đi vào con đường tội lỗi, trên một vài lãnh-vực quan trọng, vì nếu không biết rõ cơ-thể của con người lành, thì chữa sao được một cơ-thể đau, và nói rộng ra, chữa sao khỏi người mắc bệnh ?

*
* *

Thanh-niên là gì ?

Đó là thời-gian của đời sống con người ta, từ thuở thơ-ấu cho tới lúc trưởng-thành.

Không phải là chốc lát, mà là một thời-kỳ dài, khó định được : con trai, bắt đầu vào khoảng 15, 16 ; con gái : 12, 13 (Nữ thập tam, nam thập lục, là tuổi mà thời xưa, có thể dựng vợ, gả chồng được rồi).

Bao giờ thôi không là thanh-niên nữa ?

Thường thường, con gái đến 17 tuổi, và con trai 18 trở đi, có thể coi như đã đến tuổi thành-niên rồi.

Về mặt pháp-lý : trẻ dưới 18, phạm-pháp, được coi như vô trách nhiệm, và được đưa vào trại cải-huấn (xưa kia là nhà trừng-giới). Ở một vài xứ bên Mỹ, trên 16 tuổi đã coi như thành niên rồi ; ở Nhật, dưới 20 vẫn còn là thanh-niên.

Về mặt dân-sự, 21 tuổi mới được coi là tuổi trưởng thành (được tự do kết hôn không cần cha mẹ cho phép) Thật ra, mỗi nước hạn tuổi một khác.

Về phương diện giải phẫu, sinh lý, bệnh lý, trên 18 tuổi, cho đến 25, vẫn còn là thanh niên, vì còn lớn, xương-cốt còn phát-dục, thớ giầy thần-kinh ở đầu não, vẫn chưa hoàn-tất hẳn. Nhiều bệnh truyền-nhiễm, và một vài bệnh thần-kinh của thanh-niên, từ 15 đến 25 - tiến-triển như nhau, có những hình-thức giống nhau. Và từ 25 trở đi mới khác hẳn.

Dù sao, ta chỉ cần biết rằng tuổi thanh-xuân kéo dài hàng năm, tiến-triển theo từng giai-đoạn một — trước khi dậy-thì, đang thời dậy-thì, sau khi dậy-thì — với những sự biến đổi, khi mau, khi chậm, và mấy giai-đoạn kia nối tiếp nhau không rõ rệt,

Như thế, tuổi dậy-thì không phải là một cuộc khủng-hoảng, một cuộc đổi thay đột-ngột, như ta thường nói.

Thật ra, danh - từ « thanh - niên, tuổi trẻ », nhiều khi cũng khó mà định-nghĩa được rõ ràng. Khi thì dùng câu « tuổi trẻ » để sánh với « tuổi già » ; khi dùng để nối thời thơ-ấu với tuổi trưởng - thành. Có khi lại không chỉ định tuổi nữa, mà chỉ - định một tâm-trạng, như « người này vẫn trẻ, trẻ lâu... » mặc dầu đã đứng tuổi, hay tới bậc lão rồi, trong lúc, có người còn trẻ mà tâm-hồn cho đến thể-xác, sớm cần-cối, như kẻ già nua, tuổi tác.

Những đặc-điểm của tuổi thanh-niên

Tuổi dậy-thì là tuổi mà các nhà tâm-lý, thần-kinh học, các nhà giáo-dục lưu-ý tới

TÌM HIỂU NGƯỜI THANH-NIÊN

nhất. Và đối với phần đông phụ-huynh, khi con cái đến tuổi dậy - thì, là lúc cha mẹ dễ tâm, lo ngại, hoặc bức mình hơn hết. Vì là tuổi hăng-hái, bông bột, liễu lĩnh và nguy-hiểm vô cùng.

Nhưng đâu là mẫu người thanh-niên đến tuổi dậy-then? Ai cũng rõ rằng trong thiên-hạ, không có hai người giống nhau « như đúc » dù là anh em sanh đôi đi nữa. Nhà văn-hào Mauriac đã gọi thanh-niên « một vị thần muôn mặt » là thế. Nhà triết-học Leibnitz, khi nghĩ đến thanh-niên, đã ví họ như những chiếc lá rờm rà của muôn ngàn gốc cây trong một khu rừng rậm, và đã bảo « không thể có hai chiếc lá giống nhau như hệt được ».

Nhưng xét cho cùng, tuy có khác nhau, lá kia cũng ở cành này mà ra cả. Sở dĩ xanh tươi là nhờ hút cùng một thứ nhựa, và đều phát-phơ trước gió như nhau.

Ở tuổi dậy-then cũng thế. Tuy không giống nhau, tuổi trẻ vẫn có những nguyên-vọng, thắc-mắc, những vấn-đề riêng của họ, cần được giải-quyết, nghĩa là có những điểm giống nhau. Họ vẫn phải sống theo các qui-luật bất-di, bất-dịch của tâm-sinh-lý.

Đặc-sắc mà chúng ta khám phá ra trước hết là *sự mâu thuẫn* của tuổi dậy-then.

Họ cần nhàn khi mẹ sai làm một việc rất nhỏ, nhưng ngày hôm sau, có thể ra đi, xông pha, mạo hiểm dưới mũi tên, hòn đạn, vì một chính-nghĩa, hoặc hi-sinh tình-mạng, vì một chuyện cực-kỳ phi-lý.

Họ là kẻ anh-hùng của thời loạn, can-đảm, vị-tha. Nhưng trái lại, cũng có thể là « con chiên ghê của xã-hội », cướp của, giết người không ghê tay, làm điều thương-luân, bại lý....

Những bảng thống-kê đều xác-nhận rằng, đến tuổi dậy-then, số thanh-niên phạm-pháp tăng lên rất mau.

Họ yêu thái quá, và ghét cũng thái quá. Cả đến tư-tưởng của họ, cũng quá-khích : cực tả, hay cực hữu.

Tính đa ương-ngạnh, lại thất-thường, thay đổi ý-kiến rất nhanh.

Có lúc họ đùa cợt rất chót nhả, ăn nói tục tằn ; nhưng ở nơi trù nhân, quảng tọa, họ lại rụt rè, nhút nhát, từ cử-chỉ đến ngôn-ngữ.

Tóm lại : Họ vừa đứng đắn, vừa trẻ con ; quảng-đại và vị kỷ ; có hành-động cao đẹp thấp hèn ; khi thì cởi mở, lúc thì giấu giếm. Và chính vì họ có thể, khi ngã về *bên* chính lúc đi với *bên* tà dễ dàng, mà cha mẹ băn-khoăn, lo ngại là phải.

Thật ra, *sự mâu thuẫn* và *do-dự* kia có thể giải-thích được.

Đến tuổi dậy-then, con trai lớn mau « như thổi » bắt đầu « vỡ tiếng ». Ở cằm, nách, nơi hạ bộ, lông măng đã bắt đầu xuất-hiện, cũng như bộ phận sinh-dục đều nở nang, làm cho đứa trẻ không khỏi bỡ-ngỡ, và có khi lo. Vào thời-kỳ này, có thể có những biến loạn xảy ra, mà quan trọng nhất là khi dục-tính chưa phát ra được, do hạch cùng những chất kích-thích-tổ trong cơ thể gây nên : lớn tuổi mà vẫn còn tính-chất trẻ con, như « con nít », bám mẹ... Hoặc có những nỗi khó khăn, hay quái-trạng : như không thích-nghĩ được với đời sống tình-cảm và dục-tính của tuổi thanh-xuân. Đó là trường hợp thường xảy ra trong những gia-đình không có bố (hoặc mất sớm, hoặc đi xa vắng, hoặc quá nhu - nhược) Đứa

trẻ, đến tuổi dậy-thì, bỗng nhiên hỗn với mẹ, hoặc lẩn tránh.

Thật ra, sự công-kích kia chỉ là một phản-ứng tự-vệ, để thoát khỏi ách mẹ, và biểu-lộ bằng nhiều cách. Nó có thể phải lòng một người đàn bà đứng đũa chằng hạn, vì người này thay thế cho hình - ảnh của bà mẹ đã « cứng, chiều » nó từ nhỏ ; hoặc nay yêu người này, mai người khác, không yêu ai lâu bền được.

Những trường - hợp « đồng - tính - ái » (homosexuel) (con trai yêu con trai), thủ-dâm, đến tuổi dậy-thì thường xảy ra luôn.

Còn về sự đồi-bại, như bạo-dâm, hiếp-dâm, loạn-luân, mãi-dâm...v..v.. cũng không phải hiếm, nhất là ở trong giới hạ-lưu, tại nơi cùng - cực, trai gái sống chen chúc, hỗn-tạp trong những căn nhà chật hẹp, tối tăm.

Có khi, đối với phụ-nữ, chúng có tự-ti mặc cảm, nên lòng trẻ em dễ hăm - hiếp. Một phần, vì tính tò mò, nhưng phần lớn, vì chúng là kẻ trì-độn, không có nhân cách. Trong trường-hợp dưới, chúng có thể gây nên án-mạng sau khi làm việc đồi bại, để phỉ tang.

Về phía con gái, khi đến tuổi dậy - thì (thường thường sớm hơn con trai), tính e-lẹ, thẹn thùng ngay đối với họ mỗi lần đứng trước gương soi, cùng những mối cảm-xúc,

lại càng rõ-rệt và hơn nam-giới. Lúc đó, không những chỉ có sự biến-hóa ở cơ-thể, mà lại còn rối-loạn của tinh-thần nữa. Một đấng, cảm thấy hãnh-diện từ nay không còn là trẻ con, — xung quanh mình, ai cũng « bầu » cho như thế — đã trở nên một « thiếu nữ » rồi, nghĩa là như thằm-nhủ, từ nay phải đứng đắn, cư-xử ra người lớn, có nhiều bổn-phận đối với gia-đình, đối với các em... Một mặt khác, thấy bao sự khó chịu, phiền-toái, có khi lo sợ khi hành-kinh, không hiểu tại sao, không biết có phải là « cái tội, cái nợ » như thường nghe nói chằng, bị thương, hay mắc bệnh ?

Vấn đề dục-tính là một vấn-đề rất quan trọng, đối với thanh-niên nam nữ, có ảnh-hưởng lớn đến tính tình, cũng như có liên-hệ mật-thiết đến sự phân phối của các chất kích-thích-tổ trong cơ-thể.

Không thể nói tới tuổi dậy-thì mà không bàn về dục-tính được. Ta đã biết từ Freud, nhà sáng - tạo ra môn tâm - phân - học (psychanalyse) rằng không phải đến tuổi dậy-thì mới bắt đầu có dục-tính. Dục-tính phát-khởi ngay từ nhỏ.

Như thế, không nên đợi đến lúc dậy-thì mới sửa lại những lỗ-lầm về dục-tính, cũng như, đừng mong đến lúc đó, thông-minh, trí-tuệ con người mới phát-triển hoàn toàn, e rằng quá muộn.

(Còn tiếp)

NGUYỄN-HỮU-PHIÊM

✱ Khi bọn giàu giao tranh với nhau thì bọn chết lại là bọn nghèo.

(Sartre, Le diable et le bon Dieu)

✱ Mọi cuộc phá hoại gây ra hỗn loạn đều làm cho kẻ yếu yếu thêm, kẻ giàu giàu thêm, kẻ mạnh mạnh thêm.

(Sartre, Le diable et le bon Dieu)

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện - Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Hàng-Hải

Linh-Tinh

Đại - Lý

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE

— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Nhánh : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE

HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)



DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742



Fabrication : **Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique.**

Vente : **Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane
— Protoxyde d'Azote — Argon etc...**

Matériel pour soudure oxy-acétylénique et électrique.

Installations de gazothérapie.

*Notre service technique d'application est à la disposition de la
clientèle pour toutes études et installations.*

Spring



Thuốc thơm điếu dài :

"MÙA XUÂN"

HƯƠNG-VỊ HUÊ-KỲ

**GIÁ
BÌNH DÂN**

10%

ĐỂ SỐNG MỘT ĐỜI SỐNG TỰ DO,
HÀNG NGÀY CÁC BẠN HÃY ĐỌC

NHẬT BÁO
TỰ - DO

ĐÃ PHÁT-HÀNH :

VIỆT - NAM DANH - NHÂN TỰ - BIÊN

của NGUYỄN HUYỀN - ANH

(DO HỘI VĂN-HÓA BÌNH-DÂN ẦN-HÀNH)

VOYAGEZ PAR QUADRMOTEUR STRATOLINER

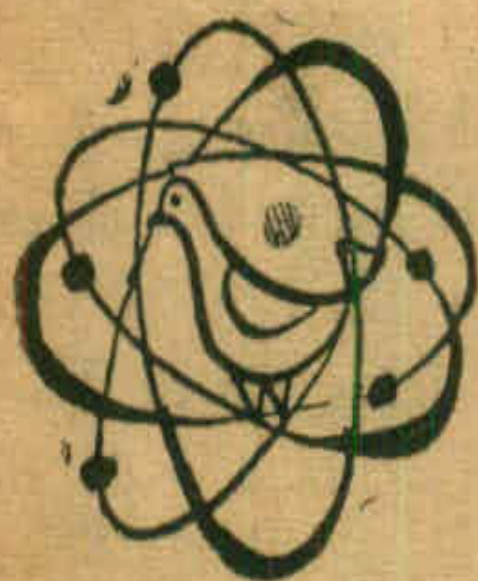
AIR LAOS

RENSEIGNEMENTS. RÉSERVATIONS
65, RUE LE-THANH-TON - SAIGON

TÉL: { 22.102
SGN. 34

CÓ THỂ CÓ CHIẾN TRANH VÌ NGỘ NHẬN KHÔNG ?

☆ DOÃN-VĂN



TRẬN chiến tranh nguyên tử có thể xảy ra vì ngộ nhận, có thể bùng nổ một cách tự động với những phương tiện quân

sự hai khối đã đặt sẵn, và ngoài ý muốn của các nhà chỉ đạo chính trị không ?

Câu trả lời sau đây sẽ chi phối những năm tới từ 1960 đến 1964.

Dưới sân bay bằng bê tông Offut gần Omaha (tiểu bang Nébraska), cách mặt đất 15 thước, tám chiếc đồng hồ treo từ trên trần một căn phòng địa đồ rộng lớn của bộ chỉ huy không-quân chiến lược (Stratégie Air Command, viết tắt S.A.C). Bảy chiếc đồng hồ màu đen, chỉ thường xuyên giờ của các nơi : Gram, Omaha, Alaska, Thulé, Londres, Moscou và Omok. Chiếc thứ

tám màu đỏ, kim đứng yên, chỉ bắt đầu chạy từ giờ H, khi trận chiến tranh thế giới thứ ba bùng nổ.

Ai có quyền cho chiếc đồng hồ đỏ dưới hầm phi trường Offut chạy ? Ai có thể ra lệnh tấn công cho 3.000 phi cơ oanh tạc rải rác trên 70 căn cứ không quân khắp 5 châu, trong số có 1.000 chiếc thường trực sẵn sàng cất cánh sau 15 phút báo động. Ai có thể châm ngòi những hỏa tiễn nguyên tử đặt trên các căn cứ Anh-Cát-Lợi, Ý - Đại - Lợi, Thổ-Nhĩ-Kỳ và Hoa-Kỳ đang chiếu thẳng tới các đích ở Nga-Sô.

Một trận chiến tranh vì ngẫu nhiên có thể xảy ra được không ?

Trước đây hai năm, câu hỏi đó đã gây nên rất nhiều cuộc tranh luận sôi nổi. Muốn đánh tan những sự lo sợ không chính đáng, Bộ chỉ huy không-quân chiến lược (S.A.C.) đã kể ra

CÓ THỂ CÓ CHIẾN TRANH VÌ NGỘ NHẬN KHÔNG ?

một số « khớp an toàn » có thể hãm bộ máy chiến tranh Hoa - kỳ. Bộ máy chiến tranh Nga - Xô chắc chắn cũng được tổ chức theo mẫu tương tự, tuy là ta không biết rõ chi tiết. Sự nhầm lẫn và sự ngẫu nhiên có hoàn toàn bị loại hẳn ra không ? Ta hãy nghe các vị sĩ quan của bộ chỉ huy không quân chiến lược giải thích.

Một màn lưới căn cứ ra-đa kéo dài trên 5.000 cây số miền Bắc Gia-Nã-Đại. Ta mệnh danh là đường D.E.W (tên tắt của ba chữ Distant Early Warning : Báo động sớm từ xa) tốn phí 4 nghìn triệu mỹ Kim. Nó tìm thấy bất cứ một vật gì hiện ra trong bầu trời Bắc Cực, từ chiếc tàu bay tiếp tế nhỏ đến mảnh sắt từ trên trời rớt xuống (lưới tầm sét) và chuyển ngay hình vật đó trên màn ảnh vô tuyến truyền hình của Bộ Tổng-Hành-Dinh phòng không (D.C.A.) ở Colorado Springs. Đài vô tuyến truyền hình ở đây sẽ tiếp sức và cùng ngay lúc đó chuyển hình ảnh ấy lên màn ảnh vô tuyến truyền hình của S.A.C.

Sau vài phân của một giây đồng hồ, những máy tính điện-cơ xác định hướng và tốc lực của những vật đó. Sự nhầm lẫn về bản chất cũng như về xuất xứ của chúng có thể xảy ra được không ?

« Không — Một sĩ quan cao cấp của S. A. C. trả lời. Chúng tôi chỉ ra lệnh báo động toàn diện khi những vật tìm được đó phù hợp với một hình dáng đã ấn-định sẵn. Một và ngay đến 5 vật tương tự, không khiến chúng tôi quan tâm. Chúng tôi chỉ ra lệnh hệ-thống báo động khi có từ 25 đến 50 vật đó hiện trên màn ảnh của chúng tôi ».

Một máy điện thoại màu đỏ

Việc đó đã từng xảy ra chưa ? Vị sĩ quan từ chối không trả lời. Ông chỉ quả quyết rằng trong trường hợp hệ thống báo động đã được ra lệnh nhầm, có thể cải chính sự nhầm lẫn đó trước khi chiếc phi cơ phóng pháo thứ nhất cất cánh.

Câu trả lời rất hợp lý : Nhân viên các phi cơ oanh tạc loại B-47, lúc nào cũng được ở trong tình trạng tiền báo động phải mất 5 phút để bay lên không trung. Đối với phi cơ B-52, họ cần 7 phút. Bộ chỉ huy không quân chiến lược chỉ cần 1 giây để liên lạc bằng vô tuyến điện, bằng điện thoại hay máy viên ấn tự — với bất kể căn cứ nào trong số 70 căn cứ ngoại quốc.

Ta tỷ dụ một hình ảnh đáng nghi được ra đa truyền đến. Đó là một đoàn phi cơ phóng pháo hay hỏa tiễn ? Muốn biết, S.A.C liên lạc với những căn cứ Thổ-nhĩ-kỳ. Những phi cơ ra-đa ở đó có tìm thấy những vật khả nghi không ? Nếu không thì có báo động lầm, vì nếu tấn công bất chợt và muốn thành công phải tấn công đồng thời mọi căn cứ chiến lược, nếu không những căn cứ còn được an toàn sẽ phản công lại và kẻ xâm lược sẽ bị tàn phá không kém.

Phương tiện kiểm soát bằng cách so sánh các tin tức do đường D.E.W. đưa đến chưa đủ. Trong những thời kỳ mà tình hình quốc tế căng thẳng, Nga-Sô cũng như Hoa-kỳ có thể để một phần phi cơ của họ luôn luôn bay trên không. Muốn gây áp-lực và đe dọa đối phương, họ có thể tổ chức những cuộc thao dượt không quân thường trực ngay trên Bắc-Băng-Dương, bể Ban-Tích

hay Bắc - Hải. Sự báo động nhằm của đường DEW có thể được những căn cứ ngoại diện của S.A.C. xác nhận.

Lúc đó mọi việc sẽ xảy ra như thế nào ? Ở Tổng-hành dinh Offut, Tướng Power sẽ cầm chiếc máy điện thoại màu đỏ, quay con số tự động gồm có 5 số (chỉ có ông và những phụ tá trực tiếp biết). Ngay khi đó, trên 70 căn cứ của SAC, hệ thống báo động cùng một lúc báo động, các phi công luôn luôn sẵn sàng y phục lao mình về các phi cơ của họ, những phi cơ phóng pháo đã bay sẵn trên không để dự phòng sẽ nhận lệnh tiến thẳng về những đích đã định trước cho họ.

Năm giây đồng hồ sau khi Tướng Power nhắc máy điện thoại, lệnh của ông sẽ được xác nhận trên khắp các căn cứ, sau năm phút, một cuộc tấn công sẽ được tiếp diễn có thể đổ xuống Liên Bang Nga Số một số chất nổ 2.000 lần mạnh hơn tổng số các bom đã nổ trong trận thế giới đại chiến thứ hai.

Số mệnh như thế là quyết định chăng ? Ta hãy xem tiếp : cùng một lúc với Bộ Tổng Hành dinh phòng không và của Tướng Power, tổng chỉ huy S.A.C. được báo động. Ủy ban các tham mưu trưởng Liên quân ở Hoa - Thịnh-Đốn cũng được báo động, tướng Power không chờ đợi một lệnh trên nào để khiến bộ máy chiến tranh của ông chuyển động. Ông đã làm việc cần thiết nhất ; Làm sao để lực lượng ông khỏi bị đánh bất chợt, và bị tiêu hủy, ngay phút đầu, mất 1/5 hay 1/12 tiềm lực.

Nắc an toàn cuối cùng

Trong khi các phi-cơ của S.A.C bay về các đích của chúng, các vị tham mưu trưởng

liên quân sẽ tham khảo ý kiến Tổng-Thống. Dù ở đâu, ngay đang ở sân đánh golf, ông cũng có một điện thoại có thể trực tiếp liên lạc với Ngũ-giác-dài — Pentagone —. Ông có bao nhiêu thì giờ để xác nhận cho các phi - cơ phóng pháo S.A.C. tiếp tục nhiệm vụ của họ, hay ra lệnh gọi họ về, và làm di động kim chiếc đồng hồ màu đỏ ở Offut.

Ở thời đại các phi - cơ phóng pháo : 2 giờ là thời gian cần thiết để những phi-cơ này tới một chiến tuyến vô hình mà họ không được phép vượt qua nếu họ không được lệnh — lệnh này phải được xác nhận lại, như vậy một nắc an toàn cuối cùng còn có thể hãm lại bộ máy chiến tranh, những phi-cơ phóng pháo sẽ tự - động trở về nếu tổng-thống để quá 2 giờ nghiêm-trọng ấy. Ở Ngũ-giác-dài, người ta cho rằng chỉ có khi nào bom bay lửa hỏa tiễn của địch bắt đầu rơi trên các căn cứ hay các thành phố Đồng Minh thì Tổng thống mới xác nhận tấn công.

Trên lý thuyết ta có thể vững tâm được nhưng ta hãy nghe những ý kiến khác, rất có căn cứ, của những nhà thực hành, trước hết là ý kiến của nhà phê-bình quân sự có danh tiếng người Anh-Cát-Lợi B. H. Liddell-Hart.

« Những sự cố gắng mới đây để làm giảm thời gian báo động và rút ngắn thì giờ cất cánh của các phi cơ phóng pháo lại làm tăng thêm những sự nguy hiểm trí mạng, nhưng sự nguy hiểm này tăng rất nhiều vì sự căng thẳng cân não ở các bậc chỉ huy cấp trung gian và ở các đoàn phi-công ở trong tình trạng tiền báo động liên tục.

Rất khó để chống lại với sự giải thích

CÓ THỂ CÓ CHIẾN TRANH VÌ NGỘ NHẬN KHÔNG

sai lầm hay sự lạm dụng các án lệnh để có thể hành động nhanh chóng ».

V Liddell-Hart kể ra hai vụ « ngẫu nhiên » trong trận đại chiến thứ hai, chỉ vì đã giải thích nhằm một án lệnh. Vụ thứ nhất đưa đến sự phá hủy bằng cốt mìn, những đường giao-thông ở bờ biển Anh Cát Lợi, và vụ thứ hai là sự phá hủy thành phố Rotterdam.

Hệ thống truyền tin và sự huấn luyện nhân viên đã tăng tiến nhiều từ năm 1940 nhưng trái lại ai dám đảm bảo sức chịu đựng cân não của các đoàn phi công trong trường hợp thật là nguy biến.

Vấn đề trách nhiệm sai phái đi đều tập trung trong tay bộ chỉ huy tối cao không phải là một đảm bảo đầy đủ khi đoàn phi-công có thể đặt mìn và thả bom mà không có người nào ngăn cản trước được. Trong khi kịch biến, khi sự phản nộ bùng bùng cháy, một thảm họa cho toàn thể thế giới có thể gây nên bởi một viên chỉ huy thuộc cấp, có khi bởi một toán phi-công liêu lĩnh, họ cho rằng những vị đứng đầu trong chính phủ của họ chỉ là một bọn đầu hàng hèn nhát.

Điều Liddell-Hart vừa nêu ra có thể không bao giờ xảy ra được dưới mắt 1 quan sát viên nào đã từng thăm viếng một trong 70 căn cứ của S.A.C. Ngay những quan sát viên không thiện chí cũng phải nhận thấy tinh thần đồng đội của các phi công, sự phục tòng vô điều kiện đối với cấp trên của họ, và sự bất lực của họ để có bất cứ một sáng kiến nào — sự hoảng hốt hay sự phản kháng của các phi công nếu không phải là hoàn toàn không thể có được, thì cũng khó tin.

Nhưng còn các đơn vị phóng hỏa tiễn ? Chừng nào SAC và cơ quan tương tự

của Nga - Xô chỉ sử dụng đoàn phi cơ phóng pháo do phi công điều khiển, chừng ấy ta còn có kỳ hạn ân huệ là 2 tiếng đồng hồ từ lúc có báo động nhằm đến lúc xảy ra thảm họa. Phi công phóng pháo còn có thể gọi về được. Nhưng hỏa tiễn thì không thể, các phi cơ phóng pháo có thể bay lên tránh cho khỏi bị oanh tạc dưới đất xong rồi lại trở về căn cứ. Những hỏa tiễn hiện thời đặt trên những dàn bê tông, chỉ có thể tránh được những vụ tấn công địch bằng cách bay thẳng đến những đích đã ấn định sẵn và không trở lại, những hỏa tiễn đó chỉ có giá trị cho kẻ nào sẵn sàng để bắn trước nhất.

Hơn thế, nếu ở thời đại phi cơ phóng pháo, quyết định *trả đũa* có thể trao cho bộ chỉ huy tối cao, ở thời đại hỏa tiễn đặt trên các dàn cố định, không có thể có thời gian để suy nghĩ hay để tham khảo ý kiến : Một hỏa tiễn đi từ Leningrad sẽ tới Chicago trong ba mươi phút (và ngược lại) hỏa tiễn đó chỉ có thể khám phá ra khi đi đến nửa đường, vậy chỉ có 15 phút để phản công và để năng lực phản công khỏi bị tiêu hủy hoàn toàn (muốn phóng những hỏa tiễn Thor và Jupiter tối thiểu phải mất 15 phút.)

Những quy tắc tự động

Mười lăm phút, có đủ để tham khảo các vị tham mưu trưởng và vị tư lệnh tối cao không ? Ta hãy nghe Đại Tá Alexandre Sheridan nói trong tuần báo « Air War College ».

« Chắc chắn phải quyết định tấn công sau khi được các cơ quan tình báo cho biết rằng địch thế nào cũng tấn công đến nơi. Một sự khuyến cáo đó khó lòng có thể có được. Và khi đã có, thì có thể dễ bị giải

thích một cách nhầm lẫn. Những lời khuyên cáo dãi hạn không đủ phần chắc chắn để cho ta quyết định những lời khuyên cáo ngắn hạn, chẳng hạn khi nhận thấy hỏa tiễn của địch đang bay tới, chỉ cho ta có vài phút, không đủ để thảo luận.

Hơn thế, tuy rằng có cả một bộ máy hành chính và kỷ luật được đặt sẵn để thông báo Tổng-thống, một sự tấn công bất ngờ có thể làm hủy diệt hệ thống truyền tin và ngay cả những phương tiện phản công.

Như thế, sự tồn tại của quốc gia tùy thuộc ở những quy tắc được ấn định trước, quy định một cách rõ rệt những trường hợp nào thì phản công ».

Có hay hông

Cũng vẫn theo Đại Tá Harvey Shelton, vì lẽ trên cho nên các vị chỉ huy các căn cứ có lẽ phải được phép tự ý mình ra lệnh phóng các hỏa tiễn « khi Tổng - thống hay các nhân viên cao cấp vắng mặt » hay trong trường hợp « nguy cấp, căn cứ có thể bị tàn phá ».

Nhưng làm sao có thể ấn định được sự khẩn cấp đó khi mà các tin tức nhận được khó mà tới sự hoàn toàn xác thực.

Trả lời của Đại Tá Shelton : Hệ thống phòng thủ phải tới mức tự động cao nhất, phần suy xét của con người phải hạ đến mức tối thiểu không thể rút bớt đi được, người ta phải chế tạo ra những máy quy tụ các vấn đề lại, và đệ trình những cơ quan có thẩm quyền suy xét trong một khoảng thời gian rất ngắn.

Những cơ quan có thẩm quyền này (theo Đại Tá Shelton có thể là các vị

chỉ huy cấp dưới hay khu vực) sẽ trả lời theo những tiêu chuẩn định sẵn bằng « có » hay bằng « không ». Bác sĩ Pickering, Giám Đốc thí nghiệm của học viện kỹ thuật Californie xét định viên tượng ấy như sau :

« Quyết định tiêu diệt địch quân, và liên quan vào đó, tiêu diệt cả chúng ta, sẽ do một hệ thống ra - đa, một đường dây điện thoại và một máy điện cơ sửa soạn. Nó không cần đến sự thông minh của con người. Chính phủ phải tin vào sự tiến hành hoàn hảo của một số đèn vô tuyến điện, và sự khéo léo của một vài nhân viên. Trong những trường hợp ấy, nếu sự căng thẳng của tình hình quốc tế kéo dài sự hư hỏng của một vài phần trong máy điện cơ có thể không tránh được, và do đó sự tiêu diệt của cả 2 phe ».

Tất nhiên, những sự cải thiện mới mẻ, việc dùng nhiều máy khác nhau để tính, có thể làm bớt sự nguy hiểm do các máy hư hỏng — nhưng dù cho vấn đề đó được giải quyết, ta nghĩ sao về sự nhầm lẫn do phần con người định đoạt. Vấn đề ấy càng quan hệ hơn bao giờ hết với quan niệm hiện nay đang thịnh hành trong giới « chiến lược gia » : Thuyết chiến tranh « tiên khởi » (preemptive). Chính tướng Power cũng vừa chủ trương như vậy trong một cuốn sách bị cấm : Chiến tranh tiên khởi là trận chiến tranh ta khởi sự tàn phá các cơ sở của địch quân để tránh một cuộc tấn công của địch, coi như là thiết bách, vào những cơ cấu phản công của ta.

CÓ THÈ CÓ CHIẾN TRANH VÌ NGỘ NHẬN KHÔNG ?

Một điểm thiết yếu

Sự thiết bách của một cuộc tấn công địch có phải ở trong phạm vi phỏng đoán không? Nhưng dự ý của một phe có phải là căn cứ trên những dự ý ta gán cho phe địch không? Bác sĩ Frugène Rabinovitch đặt câu hỏi ấy trong tập « kỷ yếu của các nhà bác học nguyên tử » mà ông làm Giám Đốc — ông viết :

« Trong một kịch biến tương lai mới địch thủ coi như một bốn phần để cho đối thủ mình tin rằng mình sẽ không lui trước sự đe dọa. Hai bên đều thực sự cho sửa soạn mọi mặt về phương diện binh bị — lúc đó, các quân nhân của mỗi phe đều đến tìm các vị lãnh đạo chính trị và trình rằng : « Theo những tin tức của chúng tôi, địch sửa soạn tấn công. Cách duy nhất để ngăn cản cuộc tấn công tai hại ấy, nhất là cho tiềm lực phản công của ta, là ta khởi công trước. Bây giờ hay không bao giờ hết ». Đó là trường hợp chiến tranh nguyên tử xảy ra ngẫu nhiên.

Năm 1963

Cuốn phim « On the beach » hiện đang chiếu trên màn ảnh gần khắp nước trên hoàn cầu (kể cả Nga-Sô) cũng căn cứ vào một trường hợp tương tự.

Trong phim, trận chiến tranh ngẫu nhiên đó xảy ra năm 1964, nhưng theo sự suy xét của chúng ta, năm đó có phải là năm nguy hiểm nhất không? Theo chúng tôi,

đến năm ấy chiến tranh không thể xảy ra được nữa.

Hiện nay bộ chỉ huy không quân chiến lược của Hoa-kỳ và của Nga-Sô đều không thể tấn công ồ ạt bằng hỏa tiễn xuyên lục địa được. Những đoàn phi cơ phóng pháo trong 2 năm tới đây hẳn còn là những phương tiện tấn công chính của mỗi bên. Ngay trong thời kỳ tình hình thế giới căng thẳng nhất, hệ thống ra-đa có báo động thì bộ chỉ huy S.A.C. cũng không dám phóng hỏa tiễn đi ngay, khi mà các phi cơ phóng pháo còn có hiệu lực, S.A.C. còn có thể giữ các hỏa tiễn lại dưới đất cho đến giây phút cuối cùng (có thể v lý do thận trọng) và chỉ phóng ra khi nào bom địch bắt đầu rơi trên đất Mỹ.

Nhưng đến năm 1962, tình thế sẽ thay đổi. Nếu căn cứ vào tin của Ngũ-Giác-Đài, bắt đầu từ năm đó, Nga-Sô sẽ có thể tấn công hoàn toàn bằng hỏa-tiễn. Cũng vào khoảng thời gian ấy, các phi cơ phóng pháo Hoa-kỳ sẽ ít hy vọng xâm nhập được hệ thống phòng thủ của địch.. Tuy vậy Hoa-kỳ sẽ có thể sử dụng được một số lớn những hỏa tiễn mà chất đốt là chất lỏng cần phải có những dàn phóng cố định. Vì muốn bảo toàn những căn cứ đó và để khỏi bị địch tiêu hủy hết tiềm lực tấn công của mình vì bất ngờ — nếu từ nay đến khi đó không có một thỏa hiệp tài giảm binh bị được ký kết — quan niệm chiến tranh tiên khởi, hay ngẫu nhiên có thể trở nên rất nguy hiểm và có thể biến thành sự thực.

Tuy nhiên, từ năm 1963 trở đi, sự nguy hiểm đó có thể giảm đi rất nhanh.

Các dàn hỏa tiễn dùng chất đốt đặc và các căn cứ lưu động (tàu ngầm hay các toa có nền bằng để di động hỏa tiễn) được mang ra sử dụng — Sự di động các căn cứ đó (bây giờ đã thực hiện một phần nào ở Nga-Sô theo tài liệu của Ngũ-Giác-Đài) khiến cho Hoa-kỳ có thể tránh được sự tiêu diệt đó. Chiến tranh tiên khởi sẽ không còn là một sự cảm dỗ hợp lý nữa. S.A.C. có thể ngang nhiên chờ đợi những hỏa tiễn đầu tiên của Nga-Sô rơi trên đất Hoa-kỳ để rồi mới phóng những hỏa tiễn của mình.

Như vậy những năm nguy hiểm nhất cho nhân loại là những năm gần tới đây. Nếu nhân loại có thể qua khỏi những năm 1962, 1963, chiến tranh và sự tiêu diệt lẫn nhau vì ngẫu nhiên, vì nhầm lẫn hay vì muốn khỏi sự trước sẽ biến đi khỏi chân trời của chúng ta. Và hiện nay chúng ta đang sống giai đoạn nghiêm trọng nhất.

DOÃN-VĂN

(Thuật theo tài liệu Paul Johnson)

CÔNG - TY ĐƯỜNG VIỆT-NAM

SẢN XUẤT VÀ BÁN

1— CÁC LOẠI ĐƯỜNG:

- Đường miếng lọc
- Đường cát trắng ngà
- Đường cát trắng tinh
- Đường cát trắng Hiệp-Hòa

2— CÁC LOẠI RƯỢU:

- Rượu đốt 90°
- Rượu thơm 90°
- Rhum Hiệp-Hòa

TỐT RẺ

Xin hỏi mua tại:

- Các tiệm tạp-hóa
- Văn-phòng **CÔNG-TY ĐƯỜNG VIỆT-NAM**

193 và 203 Trần-hung-Đạo — Sài-gòn

Đ.T. số 24.454

— Kho 6 Bến Vân-Đồn (Đ.T. số : 21.360)

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiếu Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do Ấn-Chiếu năm 1853)

SỐ VỐN : 5.500.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.500.000 Anh-kim



Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2



Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÍNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ hống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co).



Nam - Vang Chi Cục

10, Phlaur Preah Kossamac



*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

CALTEX (ASIA) LIMITED

*Phát hành ở Việt-Nam
tất cả nguyên liệu có giá trị*



và đặc biệt nhất là dầu

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H. D.

Chận đứng : Mệt mỗi

BIOTONE

ỐNG THUỐC UỐNG

TRỊ:

THIU MÁU
MỆT MỎI
YẾU SỨC
BIẾNG ĂN
GẦY CÒM
LÀM VIỆC
QUÁ SỨC



TỔNG PHÁT HÀNH : Việt-Nam Dược Phẩm Cuộc

NGUYỄN CAO-THANG, Dược-Sư

34 Đại-lộ Nguyễn-Huệ—Sài-gon

tiếng buồn

☆ m a i t r ú c d i ê n ☆

Còn ai nghe chẳng tiếng địch buồn
của chiếc thuyền câu neo trên sông
đêm hôm dòng vắng êm êm ngủ
đèn đóm bên kia nhòe trong sương

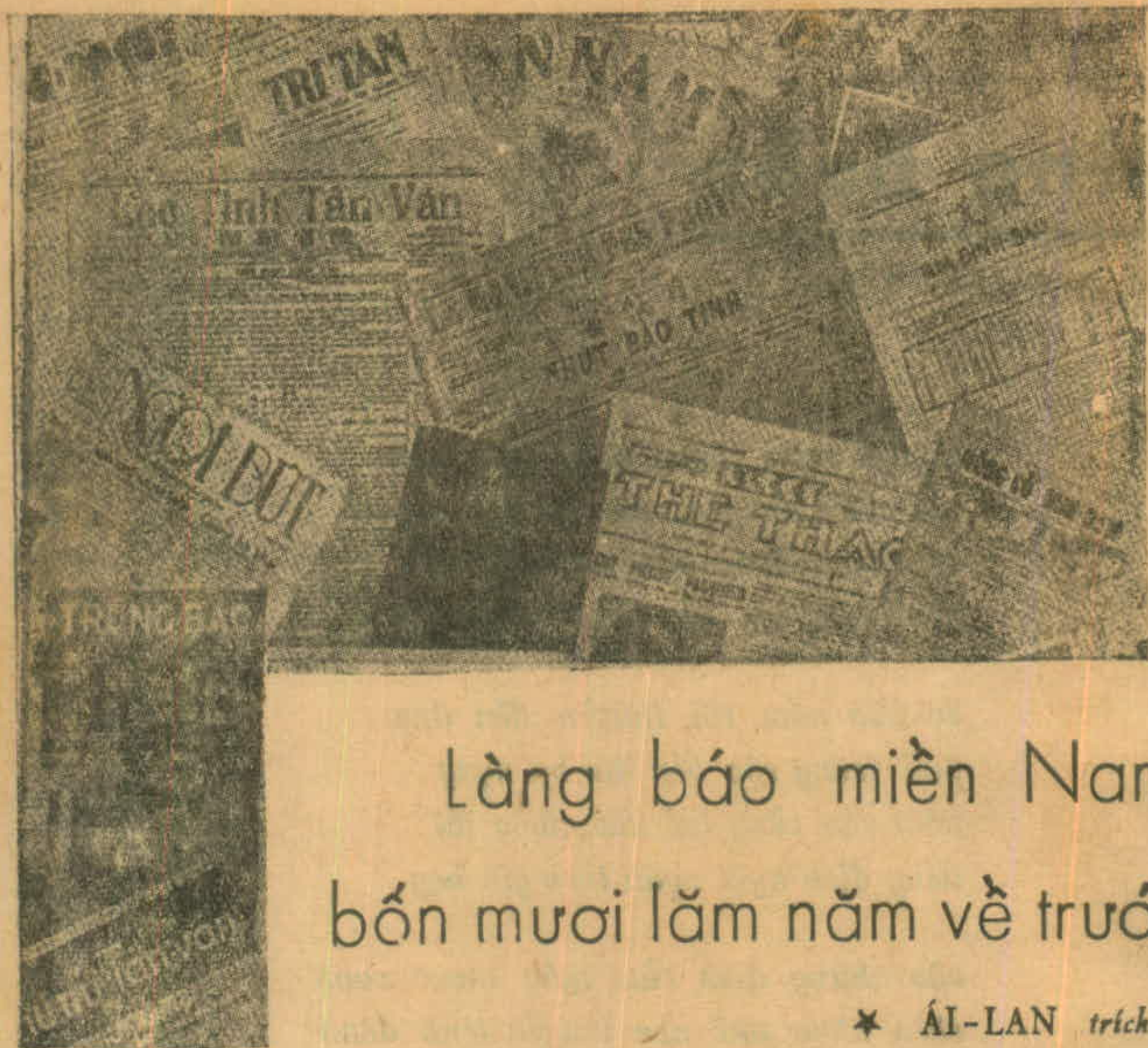
ba bốn năm rồi thuyền đến đây
mỗi trăng cập bến đôi ba ngày
hôm nào cũng thế khi chiều tắt
tiếng địch ngút ngàn theo gió bay

vào những đêm rằm mây nước xanh
chèo khua nhẹ nhẹ thuyền lênh đèn
rồi khúc nhạc sầu ngân tê tái
khiến cả trời sao trăng lảng im

tháng ngày thăm lặng rủ nhau rơi
ba xuân ba thu ba đông dài
và ba hè nước ngân hà cạn
châu rặng xuống trần cho sông vơi

còn ai nghe chẳng tiếng địch buồn
của chiếc thuyền câu neo trên sông
hơi trúc quen hương từ vắng bóng
có người trên bến thở dài luôn.

M. T. D.



Làng báo miền Nam, bốn mươi lăm năm về trước

★ AI-LAN *trích lục*

CÁCH đây 45 năm (1915), làng báo miền Nam chỉ vốn vẹn có hai tờ : « Nông-Cổ Mìn-Đàm » (1) và « Lục-Tĩnh Tân-Văn ».

Tuy thế, hai tờ báo Việt-Ngữ này cũng còn là đàn em. Tờ « Gia-định báo » mới là anh cả trong làng. Nhưng tờ anh cả ấy hình như đã vắng mặt trong thời gian mà hai tờ em của nó đang có mặt trong lúc này : 1915.

Kể về hình thức thì báo ngày nay với báo 45 năm trước không khác chi mấy. Báo

ngày xưa cũng có những mục như báo bây giờ. Tuy thế, về văn - chương, văn-phạm, cú-pháp, và chính-tả thì khác xa. Báo xưa hay dùng lối văn biền-ngẫu như thể nói lối của cái lương. Đôi khi, tác giả dùng nhiều ý ngây ngô không kém trào lộng. Thật rõ ràng là một tiêu-biểu cho thời-đại phôi-thai của Việt-ngữ.

Vâng, nó phôi-thai là phải. Bởi vì thời ấy đã thuộc về lịch sử. Bằng chứng là trên tờ Nông Cổ Mìn Đàm số 60 ra ngày 17 Aoút 1915 có đăng tin Tư Quân tự tử trong nhà lao ; mà Tư Quân là người có

chun trong hội « Tập lập làm nguy » của Tư Mát.

Cuộc « khởi loạn » của Tư Mát để chống Pháp lúc bấy giờ, nay đã thuộc về lịch-sử. Vì từ ấy đến nay đã gần nửa thế kỷ rồi. (kể ngày báo Nông-cổ đăng tin)

Chúng tôi trích lục các đoạn văn dưới đây, không phải có ý nêu lên một lối văn cổ-lỗ của các cụ ký-giả xưa để chế-nhạo, chỉ trí-h. Chúng tôi chỉ có một ý-định là sưu-tầm lại một tài liệu văn học, nhất là tài-liệu lịch-sử cho báo giới miền Nam nói riêng, để hiển độc-giả dễ phân-biệt giữa làng báo xưa và nay. Chỉ có thể thôi.

Những dòng, những đoạn nào chúng tôi trích đăng ra đây, đều chép y nguyên văn của tuần báo « Nông Cổ Mím Đàm », không dám sai một chữ, một dấu nào cả. Những chữ chú thích thỉnh thoảng chen vào những đoạn đó mà có đóng dấu ngoặc đơn là của kẻ viết bài này chưa thêm.

* *

Sau đây là một trong những tin tức trong nước mà Nông Cổ Mím Đàm đã đăng tải với cái tựa :

BÙ

« Sở tuần-thành ngày nào không đao sát mà sao cứ đánh mãi chẳng chừa. Biết rằng cò bạc không đánh đánh thì thua chớ không thấy ăn đồ đạc về xâu ăn hết mà cứ hễ có đồng nào cũng đem tới sòng ngồi « coi phải ». Lúc đang tranh cao thấp, kẻ kêu ách người kêu già, biện Tây với biện Chà nhảy vào xâu hết. Lời nói đây chẳng luyến có

chúng sòng bài cào tại đường Lefèvre và đồn ông và đồn bà và thổ và tay con 14 vị Bời sớm bắt mỗi gầy sòng nên bạc không bao nhiêu, lượm được chừng năm trụ. Bù chẳng bằng ! »

* *

Và dưới đây là một lối văn nói lối để viết tin-tức :

« Rồi trái oan »

« Một phu nhon ở đường d'Espagne ngó qua chùa chà chưa biết đạo xướng tùy có chi cay đắng hay là nghĩ trần ai ngán sự đời, tạm nha phển một chung trộn với dấm mà lều má phẩn. Vào nhà thương thôi rồi nợ phong trần trả sạch còn cái giây oan trái buộc ràng. Bời vì không rõ cơ quang nên quan mới lập đảng tra vấn. Vấn cho rõ vì sao mà tự tận, có phải vì tình trường mà giận hờn ghen. Vấn cho ra coi ai ép uổng phận nhỏ nhen, làm đến đổi cánh sen chôn lấp ? »

* *

« Ruồi chon »

« Lê-văn-Búp ở Thủ - dầu - Một đi xách nước giếng hời nào không biể, đến chừng người ta hay tri hồ lên thì thấy anh Lê-văn-Búp trồng chuối ngược. Bộ đó chống khu xách nước té dọng đầu xuống giếng nên mớ ! ».

* *

Dưới đây là một đoạn trong mục « Vui trang thời sự ». Lối viết giống như các

mục : « Lóng nghe », « Thiên hạ đồn »... của các báo hiện nay :

« Anh kia quê ở Biên-hòa vì gia-đạo bất bình, buồn mà cười, nựng vợ một thoi vô con mất bên tả. Vẫn biết anh ta xưa nay là tay lương thiện, chưa hề chuồng mặt tới quan nhưng mà chẳng đợi vợ cáo chồng, tự nhiên phép quan bắt thứ. Phép ở Saigon chẳng phải y như vậy. »

* *

« Biết cô Hằng ở Khánh - hội không anh ? Cổ mất có một con chuột — không phải con chuột — tôi nói vợ quàng, mất đầu tóc mượn và vỡ lỗ thành phố. Hết thấy Phú - lịch (police) đều ra sức tìm kiếm. Không biết con quỉ nào mà khuấy chời của ấy cũng dị phải chời ! »

* *

« À, may dữ không, cô Hằng mất tóc mượn bữa hôm qua nói trên đó kiểm lại đặng rồi. Vì chẳng vậy thì tội nghiệp cho sở tuần thành nhọc lòng lo về đầu tóc mượn ! »

* *

« Cô nầy hết sức tới cô kia, chuyện kia vừa dứt đến chuyện nọ. Một ả ở tàu kê số 6 đường Marchaise lên bước thừa cơ cắp hết của tú bà vòng vàng quần áo đưa cho trang điểm »

* *

« Đó là mấy ả, bây giờ mới sang qua gái có chồng. Một tên lính thủy bỏ làm đầu bếp thủy trại binh cáo rằng vợ quá

biệt thuyền đoạt của anh ta tám chục đồng làm lộ phí ».

* *

« Chẳng phải hết, tuy vậy chớ cũng nên cho là một thứ bình — vì có người khác cùng bị vậy — người khác ấy là một thầy làm việc phòng nhứt dinh quan Hiệp lý có rằng. . . đây tôi muốn nói là con đầy tớ của thầy bỏ nhà chủ đi mất biệt từ bữa thứ năm không thấy trở lại ».

★

Đại khái những cái tin văn thời sự như thế đã cho ta thấy làng báo trước đây cũng biết lợi dụng tin tức viết thành lối vui vui. Và cũng nhờ tin văn đó, ta thấy rằng 45 năm so với hiện nay vẫn không khác mấy về những việc xảy ra hằng ngày trong nước. Thuở ấy cũng có cờ bạc bị bắt bớ, trộm cắp, và gái điếm trốn tàu kê, gái lộn chồng, trốn chủ. . . Một việc khác hẳn ngày nay là cô Hằng chỉ mất cái đầu tóc mượn mà làm cho vỡ lỗ cả thành phố, lính tuần thành phải ra sức tìm kiếm gắt gao.

* *

Giữa báo « Nông-Cổ Mìn Đàm » và « Lục Tỉnh Tân văn » đã nổi lên một cuộc bút chiến kịch-liệt chỉ vì một bài luận tựa là : « Văn-minh vật chất và văn-minh tinh-thần » của báo Nông-Cổ.

Bài ấy đại khái bảo rằng văn-minh là do nơi tinh-thần tiến-bộ của con người chớ không phải văn-minh ở bề ngoài là nói được vào câu tiếng Tây, viết được vài hàng chữ Pháp và mặc Tây là văn-minh. Rồi báo ấy công kích những người mặc đồ tây ba rọi như mặc áo « bành tô » vận quần

lãnh đến, chân mang giày tây mà đầu thì đội khăn đóng.

Báo Lục-Tĩnh phản đối lại. Đại để cho rằng văn-minh tinh thần phải đi đối với văn minh vật chất, và báo các ông bên Nông-Cổ là văn-minh giả.

Cứ thế mà hai bên cứ cù cưa qua lại, bút chiến với nhau cả tháng này qua tháng khác, và lời cuốn theo cuộc bút chiến đó cả độc giả hai bên. Độc giả bên nào gửi bài bình vực bên ấy và chửi tước đối phương. Một cuộc bút chiến giữa hai tờ báo lại biến thành cuộc bút chiến cả hai phe độc giả mà hai tờ báo kia là hai bãi chiến trường.

Những bài do nhà báo viết hay do độc giả gửi lại đều đăng vào mục « Tự-do diễn đàn (đàn có g) đã mở thường xuyên từ khi có cuộc bút chiến.

Bên Lục-Tĩnh chẳng tiếc lời tặng bên Nông-Cổ những danh từ hết sức quạu như :

- « Văn-minh giả hiệu.
- Văn như vị gân gà.
- Ngu nhân thuyết mộng.
- Nói lai nhai như đĩa dói.
- Điện khí thật ọc cũng không thông.
- Nội côi Đông-dương hể ai ọc trống thì nó nhiễm vào... »

* *

« Để phản kích ông Thạch-Lân bên Lục-Tĩnh, ông Võ-Kim-Trọng viết một bài gửi đăng vào mục Tự-do diễn đàn của báo Nông-cổ :

« Ký gửi Monsieur Lê-Thạch-Lân
Lục-Tĩnh Tân-văn số 405 »

Đời hàng ví dũ là sư-tử, gấm không bằng cái tiếng của Thạch-Lân. Bực thương-

lưu sao ông luận rất gần, ông thì những quân mạnh lữ tối ?!! Ông cao kiêu cho rằng không lỗi, chớ kể hạ lưu tướng quấy lắm đa ? Ông là người rộng thầu nghe xa, lời ông nói xin ông nghĩ lấy !? Chẳng cần chi cái lấy cho mỗi mắt khán quan, ông chê rằng bọn đốn củi hằm thang không xứng đáng cùng ông luận biện ? Dám hỏi : xứng đáng cho ông nói chuyện. Bực công-hầu hay là bực đế-vương ??? Tôi là tay thô kịch tâm thường tưởng đâu cũng là người đồng loại đa ông ?!! Lời ông phân thậm phải ! Ngặc một điều ông tự đắc tự kiêu ! Ông khoe ông là bực học nhiều ? Nền ông thì kể nhom-nhem đôi chữ !! Miệng ông nói xin tai ông nghe thử, mình khen mình không tốt đa ông ?? Ông nằm đêm nghĩ nghĩ coi phải không ? Câu hữu xạ tự nhiên hương giả !! Ông bắt cập nặng lời thái quá ? Thường cho ông Tân-Dân một cái ọc không đây !!!

« Ông Thạch-Lân ôi ! Thiếu chi câu ông lại xưng tụng câu này ! Ông cho ông Tân-Dân nói lai nhai như đĩa dói !!

« Ái ! Ôi !! Nói thì nói xin khá dè lời nói : cũng là người nhút là ngời văn chớ tưởng rằng : quân tử tiểu nhơn ; vô tiểu nhơn bất thành quân tử đa ông ??? Hèn chi phải miệng thế không làm ! »

✱

Để kết luận bài trên, ông Võ-Kim-Trọng làm một bài thơ sau đây :

« Văn-minh giả

« Tục rằng dạn nói nhác òng.

Nói ra mà chối, anh hùng với ai ?

Ấy là con nít chẳng sai.

Còn khoe lưỡn nhọn dọng dài làm chi.

Văn-minh giả mực ghi rành rạnh.

Tiếng xô bồ còn tránh đi đâu.
Mực đen giấy trắng làm đầu.
Chẳng phải lời nói mà hầu bay xa.
Miệng thốt ra nhìn lấy vậy mới là người.
Mắt ta là ngọc, tức cười, tức cười ! »

* *
*

Và sau đây là bài vè của ông Võ-Hương
đăng ở Nông-Cổ Nín-Đàm để trả lời cho
những độc-gả bên Lục-Tĩnh tình nguyện
bút chiến với Nông-Cổ. Đặc biệt chỉ trích
cô Tuyết-con, người Bắc mà cô ấy có
bài công kích Nông-Cổ kịch-liệt :

Văn minh

« Đua tranh trận bút, Tiếng nói hung hăng.
Vùng vẫy trường văn, Lời phản chối-lối.
Chê người đĩa đôi, Là ông Thạch - Lân.
Nói chẳng cân phân, Là ông Trương-
Mạnh.

Khoe mình bảnh lành,
Là Lục-Tĩnh nói lái : cợn-ế, an - nhàn
chánh thị.

Ngỡ mình tác trí ; Hà-nội Tuyết - con.
Giống mũi cầu lòn ; Vĩnh-long Trần-thị.
Già mà hát khi : Hữu-Nghĩa thùng xèng.
Xương ít ai khen : Lê ái - Kiền quính-
quán !!!

Hiếu không ? Không hiếu ?
Quand on n'est pas très fort...
il faut être très souple...
Này cô Tuyết-con ơi !
Cô muốn biết cho chắc,
Thường là người ở Bắc,
Hờ dưng giả hồ hoài (?)
Kẻ chớ khoe phụng sắc.

Người cô tiếng dịu dàng,
Tàn văn lời chát ngát.
Thấy sao nói vậy,
Chẳng phải la tỵ-đầu. »

* *
* *

Ông Võ-Lâm làm hai câu lục bát để cam
những « chiến-sĩ » bút chiến cả hai bên :

« Khoan khoan hề huội hổ khoan,
Võ-Lâm cóm róm xin cam mấy ngài. »

* *
* *

Để xỏ báo Lục-Tĩnh, Nông-Cổ viết một
chuyện vui ngắn như sau :

Không kể tốn nhựt trình ước (uớt)

« Buổi chiều chúa nhựt thừa cơ rảnh
rảo bước theo đường hóng mát, đi qua tiệm
khách trú ở đường Tổng-Đốc-Phương xảy
nghe tiếng một người đàn bà kêu trẻ nhà
bảo :

— Lấy xu đi mua cho tao một số nhựt
trình ước.

Thằng nhỏ nói :

— Muốn xài nhựt trình ước thì lấy nhựt
trình ở nhà đó mà nhúng nước cho ước đi
chớ mua làm gì cho tốn tiền.

Chủ nhà trả lời :

— Tốn thứ 3, 4 chiêm (xu) quí báu
gì mà tiếc ! Bối tao muốn gói thuốc cho
yêm ; nếu dùng nhựt trình củ ở nhà mà
nhúng nước thì nắng gió một lát nó cũng
khô, chi bằng mua nhựt trình ước mà dùng
nó ước hoài, khỏi lo thuốc hốc.

— Mà nhựt trình ước đó là nhựt trình
gì ở đâu ?

— Mấy cứ việc hỏi thứ nhật trình nào bị nước Lục thì nó là nhật trình ước đó !»

* *

Những mục những loại trên tờ báo đại khái như báo hiện nay, nhưng những cái đề mục của nó thì lại dùng như sau : Nếu tường thuật một trận đá banh, các ký giả xưa đề cái tựa là : « Điều cầu fool ball luận » Mục thơ tin thì : « Tin tức văn lai ». Cổ động kiêm thông tin viên gửi thư về nhà báo thì đề : « Viên-môn xạ-kích ».

Mục chuyện vui thì : « Tiểu đàm ».

Trách đồng nghiệp xoi bói mình thì : « Xuy mao cầu tỉ ».

Dịch thơ Tây ra Việt văn thì : « Pháp, Nam liên lạc đòi bài ».

Bài độc giả gửi đến đề « Tự do diễn đàn » (có g) Tiểu thuyết trình thám đề là : « Mật thám truyện ». Trên cái tựa tiểu thuyết « Ba gái cầu chồng » lại đề là Roman chứ không là tiểu thuyết, truyện dài gì cả. Thách họa thơ thì gọi là : « Thi quại »

* *

Cổ động kiêm thông tin viên của Nông Cổ Mìn Đàm là ông Võ-Sâm đi cổ động đầu tiên độc giả dưới tỉnh ; lơ thâm thủng tiền báo không có trả. Lại thấy hai tờ báo bút chiến với nhau làm độc giả bất bình, khó cổ động bán báo nên gửi thơ về khuyên can cả hai bên và tâm tình kể lể thân phận mình trong báo Nông Cổ ngày 14-10-1915 :

Viên môn xạ kích

Mang chữ nghèo ngày treo thảng trể, khiến nên đường nghĩa lẽ u ơ. Trước kính thăm Nguyễn-Kim với Lê-Hoàng (2) nhị vị. Xin hai ngài rộng ý, đoái thương phận sĩ hèn. Tôi mấy trắng văng bặt mùa men, mình mảng nổi khuynh nguy bịnh hoạn.

Tôi hổ vì !!! Chức thông tin phụ âm cả hai đều lãnh choán, tờ báo chương Nông Cổ mấy tháng luống lếp ngơ. Công linh đã chẳng cậy nhờ Lời vốn lại còn thất phát. Trọn mấy tháng thân danh hằng lưu lạc. Đi mấy ngày về việc kiểng mấy ngày, Mỗi một tuần anh Đinh gửi nhật trình. Nổi danh giá đã hư mình danh giá. Ông rộng ý mọi đều đều ân xá, Tôi hổ lòng cư xử xử vô kham. Kia ! Kia ! Kia ! văn chương ngôn ngữ kẻ luận người đàm. Ua ! Ua ! Ua ! thì phú kinh nguyên mình tôi trọc lóc. Ân nghĩa ví chẳng ra cái cóc, Như tình so chẳng đáng chàng hiếu. Ông Nguyễn-Kim Lê-hoàng ôi ! Bạn trông tin phụ-diễn ôi ! Trách bấy nhiêu cũng chịu bấy nhiêu. Lỗi bạc nả đành cam bao nả. Còn bịnh oan (có lẽ muốn nói hoạn) an nguy buồn bã. Mảng lần hồi phận sự náo nường. Thấy mấy ông tranh luận phô trương. Buồn biến thốt phải răng hay rứa. Nhật trình là một tấm bản rất quý báu, muôn ngàn mắt đều ước nghe xem, nở đem vui bưng đất lọ lăm lem mà chẳng chọn lời vàng tiếng ngọc. Kẻ răng chân tóc, kẻ đọc người coi, còn để truyền roi, mỗi tuần một xấp. Tuy van cao thấp, đạo vị cho thanh, đừng đem sâu mà hại nổi canh, ông chủ bút phải siêng xé nét, chẳng nên dùng khô khét, cho lộn với ngọt ngon, nếu lăm tiếng vàng son, ắc lu bù đạo lý.

Cái bài thơ « đưa chồng » tranh luận với nhau mấy tuần đã đậm, coi hơi còn xịch

mích tương tranh — Vậy chớ ! Từ thuở bên đông bóng mới lò, đưa chông ứng thí mắng lần mò, hay là mắng lần dò, hoặc mằn mò, lò mò v.v... »

Ký tên Võ-Sâm Tây-ninh

* *

Phóng-viên Lê-Sum tường thuật cuộc tiếp rước « quan Nguyên-soái Nam-kỳ » tại làng Đông-Sơn Gò-Công như sau :

« ...Mỗi ngã đường trong làng đều có cửa tam-quan đơm bông kết tụi, và cứ cách 100 thước là có một cây cột cò, dưới cột cò có bàn hương-án, có chưng lổ bộ lọng tàn, lư hương đốt trầm ».

Để chấm dứt bài tường thuật, phóng-viên nhà báo viết tiếp :

« Cuộc thanh lễ nghinh tiếp quan Nguyên-soái đây trước sau đều có tôi rõ ràng sự tích, nên tôi xin lược trần kỳ sự đăng thượng báo chương cho chư vị khán quan lục châu nhàn lãm ».

* *

Ông Lê - Hoàng - Mưu mượn hai câu Kiều đề dưới cái tựa tiểu - thuyết « Hà-hương Phong-nguyệt » của ông :

*Thiếp như con én lạc đàn,
Thấy cung thì phải sợ làn mây cung.*

Ông Nguyễn-Văn-Nghĩa, một độc-giả Nông-cổ gởi bài bẻ lại đại khái :

« Ông Lê-Hoàng-Mưu chép trật hai câu Kiều. Theo ông biết thì hai câu đó như vậy mới đúng :

Thiếp như con én lạc đàn chớ không phải lạc đàn, vì con chim én nó sợ lạc đàn. Tác-giả Nguyễn-Du đã có ý viết như thế... »

* *

Về quảng-cáo trên mặt báo lúc bấy giờ thì cũng đủ các nhà buôn như báo hiện nay. Nhưng có một cái quảng cáo làm chúng tôi đặc biệt lưu ý là cái quảng-cáo : « Bụi nhùi hộp quẹt đá Hồng-Mao. » Có lẽ thời bấy giờ chưa có hộp diêm, còn xài đá chọi vào nhau cho ra lửa rồi để bụi nhùi vào cho cháy.

Còn giá lúa nêu lên trên báo lúc ấy thì : « mỗi tạ 68 kí lô chở tới nhà máy Chợ-lớn, lấy bao lại, mỗi tạ từ 2\$90 đến 2\$95. »

Bấy nhiêu đó cũng đủ cho chúng ta thấy nó xưa như thế nào ? Thế thì báo chí thời đó với văn-chương như trên, ta không lấy làm lạ. Thời này với thời đó cách xa nhau gần nửa thế kỷ rồi, còn gì ?

ÁI-LAN (trích lục)

(1) (Đáng lẽ chữ Mìn phải có g) Nông - Cổ Mìn-Đàm lúc bấy giờ chủ nhơn sáng lập là ông Canavaggio. Chủ bút : Lê-Hoàng-Mưu. Chủ-nhiệm : ông Nguyễn-Kim-Đỉnh.

(2) Nguyễn-Kim Đỉnh và Lê-Hoàng-Mưu.

Cừu đội lốt chiên

Winston Churchill vừa phê bình một chính khách có tính ưa che giấu sự phản bội dưới một bề ngoài thật hiền lành :

— Ông ta là một con cừu đội lốt chiên.

LÀNG TÔI

• trúcliên •

Làng tôi đấy
Năm năm rồi quanh quẽ
Tôi về thăm
Chiều sầu lên tím lè
Ông tôi buồn đăm đăm
Cúi gập mình dưới gánh nặng tháng năm
Mắt đau xót xa xăm nhìn đất chết
Môi mím chặt nghẹn ngào không nói hết
Tay gầy nâng quờ quạng vờ trong không
Còn chi đâu ?
Hay chỉ nặng thêm lòng
Hình bóng cũ và mảnh đời vô vọng.

Buồn tan tác đã dập vùi xứ mộng
Tôi tìm trong dòng sông
Bóng trời quẽ trong sáng
Tôi tìm trong khói sóng

Tiếng chày khua rả róng mỗi đêm trăng
Tôi nhìn nước màu son
Ngỡ như máu lệ ai còn
Pha sắc đỏ chiều héo hon hoang dại
Làng tôi đấy
Bao năm rồi trở lại
Còn chi đâu
Sóng vỗ rưng rưng buồn
Một tôi về không ấm lại mùa thương
Một tôi về đời cũ chẳng lên hương
Men xuân mới không buồn vương nếp áo
Ngơ ngẩn giữa nước trời tràn tráo
Tôi hỏi người
Vì đâu thế, người ơi
Và ghen ngáo người chẳng trả lời tôi
Câm lặng đứng giữa nước trời câm lặng

Xa xôi lắm
Những mái tranh vàng nắng
Những vành nón trắng đơn sơ
Những môi cười rục rở
Dòng sông trong sóng gợn tỏa đôi bờ
Xa xôi rồi
Đời không đẹp như thơ
Đây tường rêu
Miếu cổ giăng tơ nhện
Sóng nước chiều hôm vỗ bập bênh.



Có ai về lối cũ
Thuyền buồng mái lênh đênh
Năm êm trôi bất định
Nghe nước réo bình minh
Mùa chẳng ngỡ như
Vang đâu
Câu hát đượm ân tình
Của nàng thôn nữ
Má bầu phình phình
(Chiều hành quân
Anh lính ngần ngơ nhìn).



Có ai về lối cũ
Thương trời nhạt sắc xanh
Ai về qua lối cũ
Thương cây lá trơ cành
Ngần ngơ sâu nước lữ
Hồn chiều lên âm u
Ai về qua lối cũ
Mà nhớ...
Mùa xa xưa
Rừng cây vàng sắc lá
Mái ngói đỏ màu son
Nụ cười dưới nón ai tha thiết
Áo thắm da trời biêng biếc xanh.

TRÚC - LIÊN

MƯỜI HAI TỶ NĂM TRƯỚC ĐÂY VŨ TRỤ THẾ NÀO ?

★ CỐ-LIÊU

MỚI đây nhà thiên văn học Rudolph Minkowski, ở đài thiên văn Wilson và Palomar, mới công bố một công trình khám phá vĩ đại : ông mới chụp được bức hình hai tinh vân (1) đụng nhau trong chòm sao Bouvier. Nhìn vào bức hình ta thấy hai chòm sáng dính với nhau, sáng chói lạ thường. Trước đây đã thấy được một hiện tượng trong chòm sao Persée, một trong chòm Centaure, một ở chòm Cygnus A.

Những hiện tượng này ít có và khó thấy, nói là khó thấy thì đúng hơn, vì vị tất đã hiếm, chỉ tại phương tiện quan sát vũ trụ của ta không đủ tinh vi

cho nên trên trời có gì loài người không biết.

Có hai phương tiện quan sát, bằng viễn kính và bằng vô tuyến viễn vọng (Radiotélescope) hai phương tiện bổ túc nhau, đúng hơn, dùng phương tiện này để kiểm soát phương tiện kia.

Trong số những luồng sóng do một hiện tượng đụng độ tinh vân phát ra thì có những luồng sóng thuộc phạm vi tần số quang học, thấy được bằng viễn kính, và những luồng sóng thuộc tần số vô tuyến điện, thu nhận bằng Vô Tuyến Điện.

Trong hiện tính khoa học, viễn kính chỉ nhìn được một khoảng trời bé nhỏ của vũ trụ thăm thẳm bao la, lại có những tia sáng ở xa quá nên yếu ớt, cần tới 9 giờ mới chụp được bức hình khả dĩ nhiên cứu được. Như vậy

Xin tạm dùng danh từ *tinh vân* để dịch chữ *galaxie* và *chòm sao* để dịch chữ *Constellation*. Nhiều sao và mây mù hợp lại thành tinh vân, nhiều tinh vân hợp lại thành chòm sao.

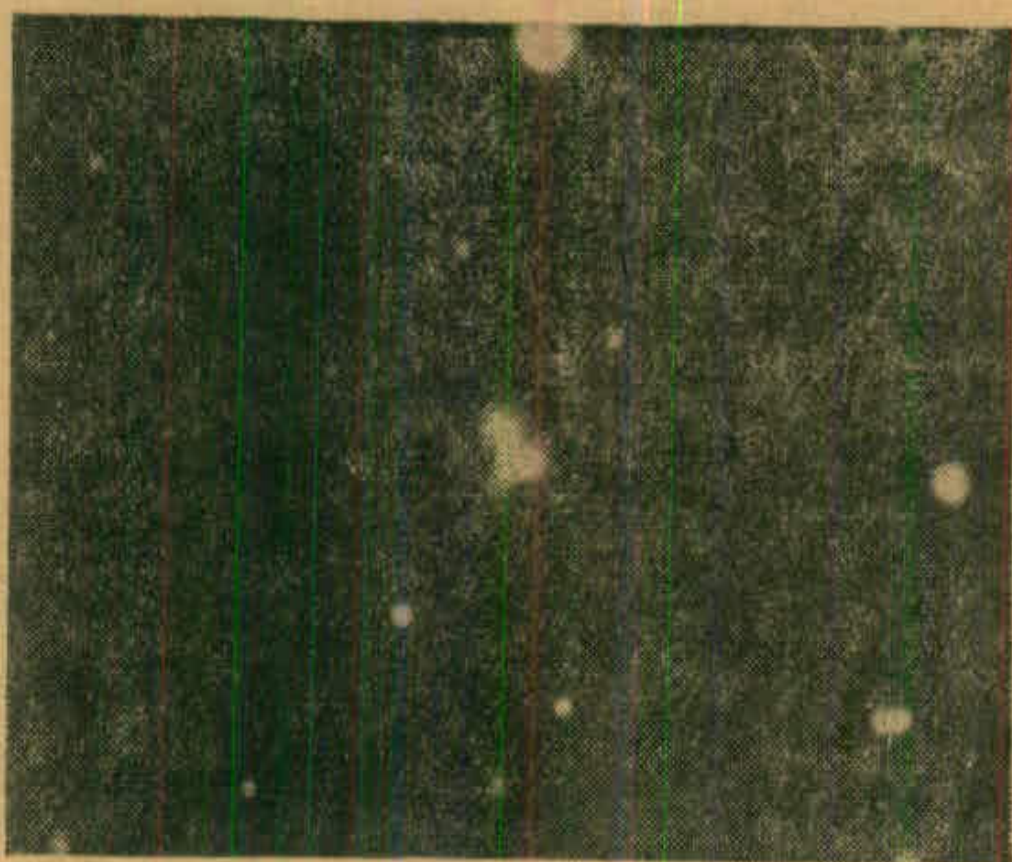
ai biết đâu góc trời nào có chuyện mà dòm. Chắc là rất nhiều chuyện trên trời xảy ra cũng kín mít như chuyện hàng xóm khi tắt lửa tối đèn. Người ta đành phải bằng lòng với kết quả do sự tình cờ mang lại. Tình cờ viễn kính đã thấy một tai nạn đụng độ giữa hai tinh vân thuộc chòm sao Cygnus A. Phân tích ánh sáng phát ra người ta tính được tai nạn tinh vân này ở cách trái đất 700 triệu năm ánh sáng. Một tia sáng đi từ khởi điểm xuất phát mãi 700 triệu năm sau mới tới mắt ta, nghĩa là khi ta thấy nó thì hiện tượng sinh ra nó không chừng đã biến mất, con mắt người ta nhờ viễn kính đã nhìn thấu 700

triệu năm về quá khứ vậy.

Vô tuyến viễn vọng xuất hiện vừa hợp thời để bổ túc sự khuyết điểm của viễn kính. Bầu trời rộng lớn quá không biết chiều kính đèn chỗ nào đáng nghi ngờ là có chuyện, thì đã nhờ có tai của vô tuyến viễn vọng thính hơn nhiều kiếm ra những chỗ nghi ngờ đó, để định hướng mà chiếu viễn kính. Chính nhờ phương pháp làm việc này mà Minskowski thành công.

Một hiện tượng xảy ra cách đây 6,5 tỷ năm

Cách đây 10 năm, các bác học trường đại học Cambridge đã khám phá ra một nơi xuất phát sóng V.T.Đ rất yếu trong chòm sao Bouvier. (thứ tiếng nổ lạo xạo thường che mắt điện hiệu của máy thu thanh, giới khai thác vô tuyến điện gọi là parasite hay QRN, chính là những sóng V.T.Đ từ vũ trụ đưa đến). Hồi ấy máy móc chưa được tinh xảo nên không định rõ được điểm xuất phát. Trước kia Minskowski đã cố công tìm tòi bằng viễn kính 5 thước của đài Palomar, một vết tích gì phù hợp với luồng sóng V.T.Đ. ở chòm sao Bouvier nói



Hình hai tinh vân đụng nhau chụp được trong chòm sao Cygnus A năm 1954. Hai chấm sáng khít với nhau, ảnh hưởng hấp lực làm cho méo mó đi.

trên kia, nhưng không thấy gì cả. Chỉ tại kính chiếu không trúng điểm xuất phát mà thôi. Muốn kiếm ra phải biết kiếm ở chỗ nào. Đài vô tuyến viễn vọng sẽ kiếm ra chỗ ấy với điều kiện là máy nhạy và sóng mạnh để khi đèn trái đất còn nhận được. Những hiện tượng đụng độ tinh vân phát ra sóng V.T.Đ cực mạnh nên trả lời vào điều kiện thứ 2, sự tiên bộ của kỹ thuật trả lời đúng điều kiện thứ nhất.

MƯỜI HAI TỶ NĂM TRƯỚC ĐÂY...

Nhờ vậy Minskowski đã biết đích điểm phát sinh sóng V.T.Đ. ở chòm sao Bouvier để phóng « mắt thần » của ông đèn. Để phim ảnh trong 2 giờ đóng hồ thì chụp được hình rất nhỏ của 2 tinh vân đụng nhau.

Ta biết rằng các tinh vân ở xa, mỗi ngày một chạy xa thêm với tốc lực kinh khủng, — vũ trụ đang nổ tung. Phân tích ánh sáng đỏ của hiện tượng trên đây người ta tính ra hai tinh vân đụng nhau đó đang chạy xa ta với tốc độ 145.000 cây số/giây, nghĩa là gần phân nửa tốc lực ánh sáng. Theo cách tính của Hubble thì với tốc lực ấy, hiện tượng này ở cách ta 6,5 tỷ năm ánh sáng. Nói như vậy nghĩa là hiện tượng đã xảy ra cách đây 6,5 tỷ năm rồi, loài người đã trông thấy quá khứ xa vời, thấy một hiện tượng xảy ra từ trước khi có trái đất, có lẽ trước khi có mặt trời. (tuổi trái đất vào khoảng 4 tỷ năm, tuổi mặt trời khoảng 6 tỷ năm)

Mười hai tỷ năm về trước vũ trụ là gì ?

Tốc lực 145.000 cây số giây là tốc lực của hiện tượng hai tinh vân đụng nhau xảy ra cách đây hơn 6 tỷ năm. Tốc lực ấy cứ mỗi ngày một tăng, ta thử tưởng tượng xem trong 6 tỷ năm, nó tăng gấp bao nhiêu lần, phải gần tốc lực ánh sáng ! Tia sáng nó phát ra bây giờ xa quá rồi không thể tới ta được nữa.

Bây giờ ta thử tưởng tượng có một ống viễn kính thị-độ thật lớn để nhìn

thấu vũ trụ tới một điểm cách xa 12 tỷ năm ánh sáng, nghĩa là nhìn thấu cái quá khứ của vũ trụ cách đây 12 tỷ năm, ta sẽ thấy gì ?

Căn cứ vào khoảng cách trung bình từ tinh vân nọ đến tinh vân kia, và tốc lực chạy xa của các tinh vân, người ta cho rằng lúc khởi thủy các tinh vân đều tụ lại làm một khối đặc chặt, một nguyên tử nguyên thủy. Vũ trụ phát sinh do nguyên tử nguyên thủy đó nổ tung. Trên đây là thuyết của Gamow.

Nếu nhìn thấu 12 tỷ năm về trước có thấy trung tâm chỗ nổ tung ấy không ?

Vì chưa có kính đủ sức mạnh để mục sở thị cho nên người ta chỉ phóng đoán, mà đã phóng đoán thì nhiều thấy khỏi ma.

Mỗi người đoán một khác là vì mỗi người tưởng tượng ra một hình tượng không gian khác nhau.

Trong không gian phẳng (espace plan), lấy một điểm làm trung tâm, từ đây tinh vân cũng như ánh sáng tản đi mọi phía theo đường thẳng như đường bán kính một khối cầu. Tốc lực ánh sáng mau hơn tốc lực tinh vân, trông về quá khứ ta chỉ thấy được vũ trụ hình một cái quầng bao lấy một trung tâm chẳng có gì cả.

Tưởng tượng ra những mẫu không gian uốn cong hình hyperbole, tiêu cực, hay vô tận không có trung tâm cũng vậy.

Tưởng tượng ra một không gian vô tận, không có trung tâm, trạng thái

đông đặc của vũ-trụ cũng vô tận, lại càng khó hiểu.

Chỉ khi nào tưởng tượng ra một vũ trụ hình cầu (chứ không phải khối cầu) (2) thì trông vẻ quá khứ mới có thể thấy khối đặc nguyên thủy nổ tung nói trên kia. Trên một hình cầu, cốt nhiên không có trung tâm và đi một điểm nào hết một vòng lại trở về chỗ cũ. Ấy, ánh sáng cũng uốn cong theo không gian hình cầu vậy, cho nên trên lý thuyết ta có thể trông thấy quá khứ của tinh vân ta ở khi ánh sáng phát ra đi hết một vòng không gian lại trở về chỗ cũ. Ánh sáng đó đi không phải theo một hướng nào, nó tỏa đi đủ mọi hướng, lúc trở về sẽ từ mọi hướng mà về.

Einstein đã tưởng tượng ra không gian như một quả bóng bằng cao-su

(2) Thí dụ khối cầu là quả cam thì cả khối tròn của quả cam là khối cầu, còn hình cầu là cái vỏ ngoài không kể ruột.

trên vẽ các tinh vân. Khi thổi quả bóng phồng lớn các tinh vân rãn xa, nhưng khi xì bớt hơi, bóng bé đi, các tinh vân lại trở lại gần nhau.

Trước kia vũ trụ bé như quả bóng bơm ít hơi, cái khối đặc nguyên thủy nói trên kia sẽ là một vùng sáng cũng choán khắp mặt hình cầu.

*
* *

Những sự phỏng đoán trên lý thuyết sẽ còn lâu là sự phỏng đoán, vì trên thực tế vũ trụ lớn quá, vũ trụ lại nở phình thêm với tốc lực kinh khủng, rất có thể ánh sáng nguyên thủy phát ra từ khối nguyên tử nguyên thủy nổ tung đã tắt ở nửa đường, không đủ sức đi hết một vòng không gian.

CÔ-LIÊU

Theo La Nature
tháng 10-1960

ĐÃ PHÁT HÀNH :

NHỮNG LỖI THÔNG THƯỜNG

Trong

THUẬT VIẾT VĂN

Của **NGUYỄN-VĂN-HẦU**

Sách viết công-phu, đầy đủ gãy - gọn ; chẳng những giúp ích rất nhiều cho giới học sinh mà còn có lợi cho những bạn nào muốn bước vào nghề văn nghiệp báo.

Tự - Do xuất - bản giá 40\$

GIÓ NHỆ TRẮNG NON

Đây chút tơ lằm trả nghĩa dân
Đem lòng người trước gửi người sau
Mong làm gió nhẹ qua hiên gác
Luống thẹn trắng non xẽ mái lâu
Ai xót Thanh-Liên bờ Thái-Thạch
Ta sầu Đỗ-Mục đất Dương-Châu
Đêm đêm đọc lại dòng thơ cũ
Có thấy tâm tình gập gờnhan

BÙI-KHÁNH-ĐÀN

(tự đề Đường thi trích dịch)

Từ tài Lý Đỗ

Chợ một fan theo mây bẻ dân
Nghìn xưa còn sống với nghìn sau
Thời gian nửa đời bỏ Kim cổ
Hôn mộng tho xây nếp thâu lâu
Đàn sáo đặt đĩa ca vờ tía
Vang sơn lông tây để vừng châu
Đâu là Lý Đỗ đâu Bùi Đỗ
Khéo thộn vào nhàn cho lãn nhàn

Đông hồ



học đề Đường thi trích dịch

VÀNG REO NGỌC ĐỘNG

Xin giữ nguyên trình ý tháp ngà
Thơ thời nay hiện bút thời qua
Một chiều khói sóng mơ Hoàng-Hạc
Hai ngả mây trời lạnh Bích-Sa
Giấc tỉnh nghe vàng reo gió sớm
Lòng say thấy ngọc động trăng tà
Nghìn sau trên những dòng tâm sự
Còn thoảng hương thần vĩnh viễn hoa

BÙI-KHÁNH-ĐÀN

(tự đề Đường thi trích dịch)

Số gia Thịnh Đường
Màn thơ dâng ý nước ngà ngà
Đặt nước trời thơ mở ngõ
Đài Phụng chim ca quanh án sách
Đỉnh Trâm hương tỏa ngát song sa
Đốt dân ngọn thơ sương về tối
Nghien nước ao gần hàng quách tạ
Chàng Khanh Thịnh Đường ti trúc Việt
Cổ Kim mở nước hội tài hoa
Dâng hồ
hơn đề Đường thi trích dịch



ĐƯỜNG VỀ SA-MẠC

★ *Phóng sự ngắn của MINH-ĐỨC*

SAU bao nhiêu ngày bàn tính lo lắng, hôm nay chúng tôi mới có thể nói chắc rằng ngày mai chúng tôi lên đường. Vấn-đề được giải-quyết trước nhất là vấn-đề giấy tờ, vì, không biết chính - phủ Pháp muốn gì mà tất cả mọi người ai đi về Nam, tức là về lối Sahara đều phải có giấy thông-hành như đi qua một nước khác.

Trường hợp tôi may mắn nhất, lúc xin sang Bắc-Phi, quá vội vàng nên quên không xóa chữ Sahara, nhờ thế giấy phép của tôi có thể đi đến Sahara được. Trái lại, Lucc,

người bạn đồng hành thứ nhất, tính vốn ngay thẳng và cẩn thận khi làm đơn xin sang Bắc - Phi anh chàng đã xóa bỏ chữ Sahara ngỡ rằng chẳng bao giờ đi đến, nên bây giờ phải ra sở cấm đứng nổi đuôi, viết đơn xin giấy phép khác, đợi 8 ngày như tất cả mọi người. Péra, người bạn đồng hành thứ hai, thì giấy phép đã có từ lâu nhưng vẫn chờ cơ hội.

Mãi đến 6 giờ chiều tôi mới nhận được điện thoại của Lucc báo tin ông chủ đã cho phép nghỉ. Đang sửa soạn hành lý thì

Péra đến kêu ầm lên rằng tất cả các bạn bè đều ngăn cản bảo nên đi bằng máy bay chứ đi đường bộ lúc này rất nguy hiểm, nhất là ngang vùng Chiffa và Boghari. Có những đoạn đường bắt đầu từ 4 giờ đã cấm tất cả mọi giao-thông, rất nhiều vụ bắn nhầm (hay không nhầm) vì trái phép.

Dầu sao đã định tất phải làm, nếu cuộc đi không có một chút lo sợ nguy hiểm thì có khác gì đi chợ mỗi ngày. Thấy tôi đầy can đảm nên các cậu Lucc và Péra cũng đành phải can đảm theo. Đây là một cơ hội tốt, nhân có ông Boukamel một chủ xe giàu nhất ở Ghardaia cần giao bán chiếc xe Peugeot 403 cho một ông đốc tờ nhà binh Pháp. Chúng tôi có bốn phận phải đưa chiếc xe mới tinh hảo ấy từ Alger về đến Ghardaia.

Những người yếu bóng vía chắc không bao giờ dám nhận lời đi như thế, với một chiếc xe lạ, lần thứ nhất mới ra đường, cần phải chạy chậm và rất cẩn thận. Anh em miền núi (du kích Á-Rập) lại chưa hề biết đến, đây là tất cả những lý do để lo sợ. Biết trước tất cả mọi sự nguy hiểm có thể xảy ra nhưng cả ba chúng tôi đều liều, phó mặc cho số mệnh.

Hành trang xong rồi, còn một vấn đề thắc mắc là con mèo của tôi không biết gửi cho ai, thôi thì đành phải mang theo vậy (« người » bạn đồng hành thứ ba).

Suốt đêm trời mưa tầm tã, chưa bao giờ trời Alger lại mưa gió sấm chớp nhiều như thế này, hẹn 5 giờ mà mãi đến 6 giờ Lucc và Péra mới đến đón. Péra yêu cầu tôi ăn mặc sao cho có vẻ Á-đông để các anh trên núi (tiếng á-rập vẫn gọi những người du kích là « khoua » : các anh) có định bắn

xuống, trông thấy người Á - đông may ra các anh sẽ tha cho.

Trời còn tối mịt, Péra và tôi ngồi đằng trước, con mèo và Lucc ở đằng sau với hành lý. Lái độ 50 cây số, Péra bỗng kêu ầm lên vì anh chàng đã đi nhầm đường, lúc quanh, đáng nhẽ phải theo hướng chỉ lối về Blida thì Péra đã quay về lối Oran. Lucc cầu nhàu, thâm vào chương trình mất một tiếng rưỡi đồng hồ, trưa nay thế là khởi độ lại ăn. Nếu 4 giờ chiều mà chưa đến Laghoat thì đành phải ở lại đêm, trái với chương trình đã định không anh nào muốn. Nhận đi như thế này tất nhiên là vì anh nào cũng không nhiều tiền, nếu giàu thì đã lấy máy bay, chỉ có mấy tiếng đồng hồ, vừa mất ít thì giờ vừa khỏi sợ. Đành rằng đi máy bay thì sẽ không được ngắm phong cảnh.

Qua khỏi Blida trời vừa mờ sáng nhưng vẫn còn mưa tầm tã, đằng xa đã thấy hiện ra những giãy núi chập chùng, đường sá lầy lội quanh co rất khó đi. Con đường Chiffa vừa mở cửa, bao nhiêu xe lớn, nhỏ, nối đuôi nhau chờ. Đây là một trong những đoạn đường nổi tiếng nguy hiểm, những dốc núi quanh co không sao nhìn rõ đằng trước và đằng sau có gì.

Tôi còn mãi nhìn về phương xa mấy áng mây trắng đục lơ đang rơi dần trên chóp núi, bỗng nghe tiếng Lucc hét lên ở đằng sau :

— Cúi đầu xuống.

Không biết chuyện gì nhưng chúng tôi vâng lệnh ngay. Tay lái của Péra loạng choạng chạy ra ngoài lề đường làm bắn những hạt sỏi vào lưng xe nghe ran rạt. Một vài tiếng nổ không biết từ nơi nào. Péra cố sức trấn tĩnh lái thật nhanh, đường càng đi càng quanh co.

ĐƯỜNG VỀ SA MẠC

Phút lo sợ tạm gọi là qua khỏi, vì chiếc xe mới không theo kịp các xe khác, thui thủi đi một mình nên có anh nào đấy muốn dọa chơi chẳng. Thấy bánh xe vẫn quay đều và ba chúng tôi không ai có thương tích gì nên Péra và Lucc định chờ đến Djelfa vào hẳn trong phố mới dám xuống xem xét lại. Dầu sao những phút đặc biệt như thế này không phải ngày nào cũng có và ở đời, cái gì hiếm mà lại chẳng quý.

— Cô sợ không ? Lucc hỏi tôi.

— Tôi chỉ sợ cho các anh có chuyện gì bỏ vợ con bơ vơ.

— Chúng tôi chỉ thương cô chết không được thấy sa mạc, đi từ nước Việt sang đến đây.

Thật ra lúc ấy anh nào cũng sợ nhưng qua khỏi rồi thì ai cũng muốn nói khoác cho oai. Không sợ tại sao lúc sáng vừa đến, Lucc lại nhắc tôi nhớ mang theo tròng hạt trên bàn thờ mẹ tôi.

Phong cảnh vẫn chỉ là những đồi núi nhấp nhô, mọi người ai cũng chỉ lo đến muộn đường đóng cửa nên xe nào cũng tranh đi trước và vì thế đã xảy ra rất nhiều vụ đụng xe. Qua hết đồi núi đến đồng bằng mỗi đoạn đường một màu sắc khác nhau, xám, vàng, nâu, tùy theo ánh sáng từng lúc.

Đến Djelfa chúng tôi xuống tìm quanh xe xem chỗ nào thủng chẳng, may quá chẳng có vết thủng nào cả, anh chàng du kích ấy còn phải huấn luyện nhiều vì bản thể nào mà cả người lẫn xe đều không bị gì, quả là còn tồi lắm. Chúng tôi lại tiếp tục đi nữa.

Sau khi đã vượt qua những giãy núi tuyết phủ trắng xóa, những đồng ruộng nhỏ,

những vườn cam bao la chúng tôi đến Laghoat. Phong cảnh thay đổi hẳn, màu sắc sa mạc đã hiện ra với những đồi đá khô ghồ ghề tăm tắp (tiếng Ả-rập gọi là «reg») khí hậu cũng khác, trời không mưa nữa trái lại ánh nắng ngập đường sá. Bóng con lạc đà thấp thoáng ẩn hiện đằng xa. Có những đoạn đường thăm thẳm dài hàng mấy chục cây số, không nhà cửa, không bóng cây, bỗng trời lên một đàn cừu với người chăn cừu. Chẳng biết họ từ đâu đến, họ sẽ đi lối nào và đêm nay họ sẽ về ngủ ở đâu. Các thành phố lớn sợ sinh đẻ bị hạn chế vì sợ chật đất, nơi đây chắc khỏi phải đặt thành vấn đề.

Laghoat là một thành phố nhỏ, hiện giờ đi đâu cũng chỉ thấy nhà binh với những chiếc xe đồ sộ. Nhà cửa kiến trúc theo lối sa mạc, mái bằng, tường giầy, đằng xa nhìn đến chỉ thấy hết như những khối đá vuông to. Ngoài đường toàn các ông già ra ngồi từng nhóm phơi nắng và nói chuyện. Đàn bà Laghoat không mặc màu trắng như các vùng khác mà chỉ mặc toàn màu xanh chàm, khăn quàng đầu cũng màu xanh, lúc nào thấy có đàn ông thì vội vã kéo khăn quàng che lấp cả mặt mũi trán chỉ chừa mỗi một con mắt vừa thấy lối đi. Laghoat là bắt đầu biên giới của sa mạc, nhìn ra hai bên đường tầm mắt có thể phóng đi rất xa, không bị một cái gì vướng víu. Và lạc đà đi từng bầy như trâu bò ở các xứ khác.

Đúng năm giờ chúng tôi đến Ghardaia.

Ghardaia là một vùng lớn nhất ở miền Nam, gồm tất cả 7 thành phố. Vì sao lại có cái tên Ghardaia. Người ta kể rằng xưa kia lúc vùng này chưa có dân cư gì, chỉ mỗi một vị thánh sống (Marabout) cùng với

gia đình đến ngụ trên quả đồi đá. Một hôm có đoàn lữ hành ngang qua bỏ quên lại một người thiếu nữ tên là nàng Daia. Người thiếu nữ bị bỏ quên đành nhận lấy số phận, tìm hang trú ẩn, kiếm đá đập lửa, và săn bắt thú vật làm cái ăn lần hồi. Ánh sáng trong hang đá của nàng Daia, một đêm nào đã lập lòe sang tận bên kia đồi, ông Marabout trông thấy vội sai một trong những người con trai sang xem. Người con trai gặp nàng Daia yêu ngay, về thưa cha xin cưới, thế là họ ăn ở với nhau sinh con đẻ cháu lập thành vùng Ghardaia (ghar tức là cái hang) cái hang của nàng Daia, hiện giờ cái hang ấy vẫn còn và dân trong vùng mỗi lần có gì thắc mắc đều đến cầu xin ở đấy. Bao nhiêu đèn dầu đã được đốt lên, nên quanh miệng hang bị khói bám đen thui.

Ghardaja ở gọn trong một thung lũng của sa mạc, bao quanh bằng những giãy đồi đá với cát khô. Đây là nơi quê quán của dân tộc Mzab, một dân tộc rất sùng đạo, bảo cổ và du mục. Nếu dân Mzab tìm đến vùng núi non hiểm trở như thế này để lập nghiệp cũng chỉ vì họ muốn bảo tồn lễ lối gặt gao của tôn giáo. Ở đây tôn giáo nghiêm khắc hơn mọi vùng của người Ả-rập và người Kabyles rất nhiều, cố nhiên các giống người này không ưa nhau. Người Ả-rập chê người Mozabit là lạc hậu, cổ hủ, vì tuy cùng một tôn giáo nhưng người Mozabit sùng đạo đều không được hút thuốc, uống rượu, không được ca hát cười đùa. Cấm tất cả những sự văn minh dễ dàng, cấm lê la ở hàng quán, ai có nhà nấy và chỉ được sống trong nhà mà thôi.

Sáng nay chúng tôi đến cảm ơn ông Boukamel, nhờ chiếc xe của ông ấy mà chúng

tôi đi khỏi mất tiền. Ông Boukamel, người mozabit, thuộc phái bảo cổ, giàu nhất xứ, một phần ba tài sản trong vùng là của ông ấy, ông Boukamel đã điển hình của những phú ông mà ta vẫn thấy trong các truyện cổ Ả-rập. Đầu vấn khăn lụa trắng, trong mặc áo thêu màu xám nhạt, bên ngoài khoác tấm áo lụa trắng, chân đi hài da, thái độ nghiêm trang điềm đạm. Ở Sahara mà hỏi đến ông Boukamel thì dầu cho một đứa trẻ con cũng biết.

Sau vài câu xã giao lịch sự, ông Boukamel cho một người thư ký hướng dẫn chúng tôi đi xem các nơi.

Như tất cả những khách du lịch khi đến một vùng nào trước hết là chúng tôi ra chợ xem cách buôn bán làm ăn của dân chúng. Đặc biệt hơn mọi vùng khác là chợ Ghardaia không có một người đàn bà nào cả. Câu ca dao của xứ Việt: « trai khôn tìm vợ chợ đông » đành không thể áp dụng vào đây được, hoặc phải đổi lại: « gái khôn tìm chồng chợ đông » chăng?

Họa hoàn lắm mới thấy bóng một bà lão (vì bà chưa lão thì không ra đường) trắng toát thấp thoáng bước nhanh, cố nhiên là cũng chỉ có mỗi một con mắt được lộ ra mà thôi. Tệ hơn phong tục Ả-rập, vì người Ả-rập còn cho đàn bà ra chợ mua bán, và cùng một lối áo khoác nhưng đàn bà Ả-rập còn chừa ra cả hai mắt. Phải công nhận rằng lần đầu tiên thấy cái bóng trắng toát đang tiến lại gần và một con mắt đang nhìn chăm vào mình, ai cũng có cảm giác rợn rợn. Về sau thì quen đi, không rợn nữa.

Chợ có một góc dành riêng cho hàng lạc đà. Người ta ngờ rằng lạc đà nguyên thủy là ở miền Ấn-độ rồi đi dần đến Si-ri (Syrie) và A-ra-bi (Arabie) thuở ban đầu

của cơ-đốc kỷ-nguyên. Tên thật của nó là Đon-phong đà (lạc đà một bướu), người Châu-Phi gọi là Méhari. Giống vật này nổi tiếng là nhịn khát giỏi nhất, sống đến 25 tuổi nếu phải làm việc nhiều, 50 tuổi nếu được cuộc đời nhàn nhã. Nhàn và sò cái bướu thì biết là một con lạc đà nuôi năng đầy đủ (cỏ tươi, nước trăm lít) hay là bị hành hạ, nuôi năng thiếu thốn. Trước khi mang ra chợ người lái đã không quên nuôi thúc mấy ngày (như bên ta nuôi thúc lợn) để cho cái bướu được cứng rắn và to lớn. Một con lạc đà mà cái bướu mềm nhũn thì chẳng ai thèm mua. Mạnh khỏe và được ăn uống đầy đủ mỗi con lạc đà có thể chở hàng 300 cân trên lưng và đi bộ suốt ngày bằng một người, vào quãng 5,6 cây số một giờ.

Bên cạnh hàng bán lạc đà có hàng bán lừa, con nào cũng bị cột hai chân trước để cho khỏi đi lang thang phá phách láng giềng. Trong thành phố với những con đường lổm chổm đá sỏi chỉ có đi lại bằng lừa là tiện nhất. Tất cả những hàng bán rong như rau cải, hoa quả đều chở trên lưng lừa. Khắp các nơi ở Châu-Phi, ngay cả ở Alger, không có ngựa vì không có cỏ cho ngựa ăn. Chợ lại còn một góc quan trọng nữa là góc hàng bán datte tiếng ta gọi là trái chà-là, thô sản và cũng là một nguồn sống, một thức ăn quan trọng của người sa-mạc. Datte là một thứ trái cây thuộc giống cây kê (palmier) trái datte hợp thành từng buồng giống như buồng cau khi xanh thì chát như trái hồng, trái chuối. Cây datte chỉ chịu khí hậu của xứ nóng cảnh lá phải ở dưới ánh mặt trời năm sáu chục độ mà gốc rễ thì phải luôn luôn ẩm ướt. Ở các vườn lớn người ta đào rãnh

cho nước chảy vào dưới gốc. Trong thành phố vì trồng từng cây rời rạc nên dưới mỗi cây phải có một cái vòi đưa nước đến. Mỗi một lần tưới quả là phải tưới một lớp lá dọn chỗ cho mùa sau. Tuổi cây datte được đếm qua từng dấu lá mỗi năm. Hoa datte chia ra hai thứ hoa cái và hoa đực. Đợi khi hoa trở đều, người ta phải giúp cho sự kết quả bằng cách lấy phấn hoa đực chấm lên lòng hoa cái. Tuy đây là công việc của gió và bướm nhưng chờ gió với bướm thì không biết đến bao giờ. Người phụ trách việc này cũng phải có nhiều kinh nghiệm. Cây datte có ích như cây mít, cây tre ở bên ta, ngoài sự nuôi sống bằng trái cây mỗi mùa, lá khô còn dùng để đốt thay củi vì ở sa mạc, củi cũng là một thứ hiếm. Thân cây còn là một thứ gỗ rất bền, để làm nhà cửa bàn ghế dùng hàng ba bốn trăm năm chưa nát. Hạt của trái datte, mỗi khi người ta ăn xong còn lại, là món ăn của giống dê. Có thể bảo rằng người ta không bỏ một tí gì ở giống cây quý hóa ấy, tuy rằng phải đợi năm năm cây datte mới có quả.

Chung quanh chợ là những hàng bán đồ đồng và thảm giải nhà (tapis), tiểu công nghệ của dân trong xứ.

Ở chợ chúng tôi cùng với người hướng dẫn đi vòng đường đời để lên viếng mosquée. Có rất nhiều con đường cắt từ trong lòng một ngọn đồi, không cần phải xây đắp vì chỉ việc đục núi đá ra làm thành nhà cửa đường sá, thang cấp. Bởi thế đường nào cũng có bờ ở hai bên, và người ta lại còn đục hai bên bờ đường, thành từng cái hốc nhỏ; ban đêm đổ dầu vào đấy đốt lên là những ngọn đèn đường cho ai cần đi về khuya.

Chúng tôi vừa đến Mosquée thì người gác đến vội vã trèo ngay lên sân thượng la hét om lên, loan báo cho đàn bà con gái đi trốn hết vì có đàn ông sắp lên sân thượng. Đây cũng là một điểm rất đặc biệt của người Ả-rập nói chung và riêng đối với người đàn bà vùng sa mạc. Vì phong tục cấm không cho để đàn bà ra đường, sống mãi trong nhà thì lạnh vì không có ánh mặt trời và không phải nhà nào cũng có vườn riêng, nên tất cả các bà các cô đều lên sân thượng. Có những sân thượng còn được xây tường chung quanh để cho người láng giềng khỏi nhìn thấy. Sân thượng ở đây không phải là cái hành lang như các nơi mà là cái mái nhà. Mùa hè đến thì mọi người phải lên ngủ cả trên mái nhà vì ở dưới, hầm hơi không thể nào sống được. Súc vật như dê, gà, chó, mèo cũng đều được nuôi trên mái nhà.

Đợi cho đàn bà trốn hết, người gác mới xuống báo cho chúng tôi lên (công tâm đến thế thì thôi, nào có phải vợ con riêng gì của người ấy cho cam). Quả thật không còn bóng một người đàn bà nào ở trên mái nhà nữa. Chỉ có một vài con dê ngơ ngác chờ ăn. Mỗi nhà đều có một con dê để uống sữa vì ngoài sữa hộp ra không có sữa tươi bán ở ngoài. Tục ngữ Mzab bảo rằng không có sữa tức là không có bạn, có sữa là có tất cả.

Vì tôn giáo cấm con người tìm đến những sự xa hoa, và các tiện nghi nên dân tộc Mzab nổi tiếng giàu có mà vẫn phải chịu một cuộc sống rất chật hẹp cực khổ. Với những kẻ ngoan đạo thì đến máy truyền thanh cũng bị cấm. Tôn giáo chỉ muốn con người dừng lại mãi ở thời kỳ nguyên-thủy. Nghe phát thanh tức thì phải nghe những tin tức đó đây làm xáo động tinh thần con

người và tôn-giáo sẽ vì thế mà bị lung lay đi chăng ?

Trẻ con Mozabit rất sạch sẽ và có giáo dục, thấy chúng tôi đang xa đến là đang nẩy lên tiếng ngoan ngoan chào và gọi nhau ầm ĩ ra xem con mèo (« moche » tiếng Ả-rập). Vì ở phòng trọ cấm nuôi mèo nên tôi phải dấu kỹ bỏ con mèo trong bị, đi đâu mang theo, lúc ra vào phòng trọ phải đẩy cái giỏ lại cho chủ nhà khỏi trông thấy. Người ta bảo dân Mzab rất hay ăn thịt mèo, nên ở đây mèo rất hiếm không phải như ở Alger mà đêm nào cũng vang tiếng nhạc mèo, nghe nhức cả đầu.

Tôn giáo cấm ăn thịt heo nên tình không thấy bóng một con heo. Cổ nhiên nếu hỏi họ vì sao lại không ăn thịt heo, vì sao tôn giáo lại cấm con heo mà không cấm một con thú vật khác, họ sẽ không trả lời được. Họ không biết rằng theo trong Cựu-ước, Yawei, Chúa Trời của người Do-Thái đã ra điều lệ rằng những con vật nào không nhai lại, không có bàn chân chia đôi và không có những cái móng rời nhau thì không được ăn. Con heo tuy móng rời và bàn chân chia đôi nhưng không thuộc về loại nhai lại nên người Do-Thái và người Ả-rập đều không ăn. Yawei không giảng vì sao lại ra những điều lệ ấy.

Người Mozabit được phép lấy nhiều vợ nhưng phải thương cho đều, vợ này có một chiếc áo mới thì vợ kia cũng phải có, đám cưới phải tổ chức giống nhau nếu cô vợ nào cũng còn đồng trinh (đàn bà góa hoặc li dị thì khỏi). Nếu một người Mozabit có hai ba vợ mà không thương đều thì những người vợ ấy có quyền đi kiện, tôn giáo sẽ xử. Tuy vậy người Mozabit không lợi dụng cái đặc quyền ấy (có lẽ vì tốn quá

chăng) trừ những người hay đi buôn bán xa, cưới nhiều vợ để mỗi bà ở một vùng.

Hết khu vực Mzab đến khu vực Do-Thái tuy ở cạnh nhau, hai tôn giáo có rất nhiều điểm giống nhau nhưng hai dân tộc không ưa nhau chút nào. Không phải riêng gì người Mozabit với người Do-Thái ở Ghardaia mà là chung tất người Ả-rập với người Do-Thái mọi nơi. Khu vực của người Do-Thái cầu thả hơn, không được quét dọn sạch sẽ như khu vực Mozabit. Về đây mọi người sẽ được trông thấy những người Do-Thái với lối ăn mặc giống hệt như những hình vẽ trong các sách thánh kinh cách từ hơn nghìn năm trước.

Ở sa mạc cái gì cũng phải mang từ xa đến nên cái gì cũng quý, người sa mạc hà tiện tất cả mọi thứ, ngay cả một giọt nước. Người ta xây bờ đá ở những mẫu đất rộng để giữ nước mưa, về mùa nóng mưa càng hiếm, họa hoàn lắm mới rải rác một cơn và có khi từ mùa nắng này sang mùa khác không hề có một hạt mưa. Người ta đào giếng nhưng phải đào sâu lắm mới có nước.

Tuy nóng đến trên 60 độ nhưng dân sa mạc bao giờ cũng mặc mấy lớp áo. Đàn bà thì dầu nóng hay rét cũng mặc toàn hàng len dày. Đây là một phương pháp

tránh sức nóng của mặt trời mà chỉ người sa mạc mới biết, hàng ni lông thì đi mấy vòng phố cũng không tìm thấy.

Ở đây nghề dệt thảm là tiểu công nghệ đặc biệt của địa phương, đàn bà người nào cũng biết dệt. Chúng tôi không đến xem ở nhà riêng nhưng đến ngay chỗ dạy do các bà « so » nhà trắng (soeur blanche) trông nom. Một gian nhà rộng có hàng chục khung cửi đang dệt dở. Khung cửi đóng dọc tự trên cao xuống chứ không đóng ngang như vải lụa bên ta. Người dệt ngồi trên một chiếc ghế rất thấp và bắt đầu từ dưới lên. Đủ các màu len họ xe và nhuộm lấy bằng các thứ lá và vỏ cây. Từng sợi len nhỏ cắt sẵn sắp riêng từng màu; người dệt đã quen thuộc chỉ cần nhìn vào khung là biết ngay với hình nào thì phải xếp len màu gì. Có những tấm thảm to lớn và cầu kỳ mà phải hàng năm công mới xong. Thảm được chia ra hai thứ, thảm len nổi và thảm len thường. Thứ len nổi đắt gấp đôi vì tốn công và nhiều len hơn. Ngay tại Ghardaia, chỗ dệt, giá mỗi thước vuông đã mười hai nghìn quan, (thứ thảm len thường). Nhà người Ả-Rập nào cũng giải thảm với mấy cái đệm da chứ không có ghế bàn như ở xứ ta.

Hôm đầu vừa đến, tôi trọ ở khách sạn Transatlantique nhưng vì ở đây cấm nuôi mèo, tiền phòng lại đắt hơn tất cả mọi nơi

Tình bằng hữu

Vadim cho rằng :

— Không thể nào có tình bằng hữu chân thật vì không bao giờ người ta có thể nói hết với bạn những điều người ta nghĩ xấu về bạn, và những điều người ta nghĩ tốt về mình.

ĐƯỜNG VỀ SA-MẠC

vì nghe bảo rằng đây là khách sạn hạng nhất ở sa-mac nên hôm sau tôi chuẩn bị. Mục-dịch của chúng tôi nào phải đi tìm xa hoa, nếu thể thôi thì ở lại Alger hoặc về Paris cho xong. Người ta giới thiệu tôi đến khách sạn Rocher.

Khách sạn này nổi tiếng nhờ ông chủ rất bình dân, vui vẻ. Một phần nhờ cái « ba » bán rượu và một phần nữa nhờ bà chủ khôn ngoan biết tâm-lý đàn ông sa-mac nên thay đổi cô chiêu-đai (barmaid) luôn.

Kỳ này chúng tôi đến thì gặp cô Agnes, đi đâu cũng nghe nói đến cô ấy. Chẳng có gì lạ, ở nơi sa-mac mà có một cô bán rượu nhí nhảnh, xinh đẹp, biết nói đùa và biết chịu đựng những lời nói đùa (có khi không lịch sự tí nào) thì ai mà không chạy đến. Có

những chàng trai làm việc từ những vùng dầu hỏa mà cũng lái xe hàng bao nhiêu cây số đến uống rượu ở Rocher xem mặt cô chiêu đai.

Ông Pétremant chủ khách sạn đã tiết lộ chương - trình với chúng tôi nghĩa là mỗi cô chỉ nên giữ ba tháng là nhiều. Mỗi lần đổi cô là như có một sự biến đổi lớn trong vùng, rượu tha hồ mà bán. Vì thanh-niên không vợ rất nhiều, người nào cũng tìm đến hoặc là để ngắm cho đỡ ghiền, hoặc là để thả lời « ong bướm ». Nếu được càng tốt, không được thì rán chịu. Một cô dễ tính quá thì khách sẽ nhàm mà khó tính quá thì khách hàng lại sợ và chán không muốn đến.

MINH-ĐỨC

KỲ SAU : Mélika — Beni-Isghen — Zelfana

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME - ORIENT (INDEO)

Adresse Tél. IDEORIENT - SAIGON

Tél : 20.221 — Boîte postale : 276

1, Duong Nguyên-Sieu — SAIGON

IMPRESSION DE TOUS OUVRAGES, REVUES, BROCHURES,
CATALOGUES, TOUS IMPRIMES DU COMMERCE,
REGISTRES, FACTURES, CARNETS, EN TÊTE DE LETTRES,
ENVELOPPES, ACTIONS, OBLIGATIONS, CHÈQUES,
CONDITIONNEMENTS, ÉTIQUETTES PAQUETAGES TOUS
MODÈLES, FAIRE PART NAISSANCE, MARIAGE, CARTES
DE VISITE ET D'INVITATION, CALENDRIERS DE FIN
D'ANNÉE. TOUS TRAVAUX NOIR ET COULEUR,
TYPO — OFFSET.

REPRÉSENTANT EXCLUSIF :

MACHINES A ÉCRIRE "HERMES"

PAPIER HELIO

"DOREL"

KHÚC HÁT

mùa xuân

• DU-DU-TỬ

Cho các em Bé Nhỏ

Đôi xuân phơi mình trong nắng
Lung linh gió mới thơm nồng...

Lá vuốt ve nhau mừng gió
Cỏ ôm nhau múa trên đồi
Nhạc chim vang lừng vì vút
Dặt dìu ai hát chơi vơi...

Ai hát? Đàn em Bé Nhỏ
Miệng còn thơm sữa hây hây
— Nắng lên cho đào mau chín
Nắng lên cho má em đầy!

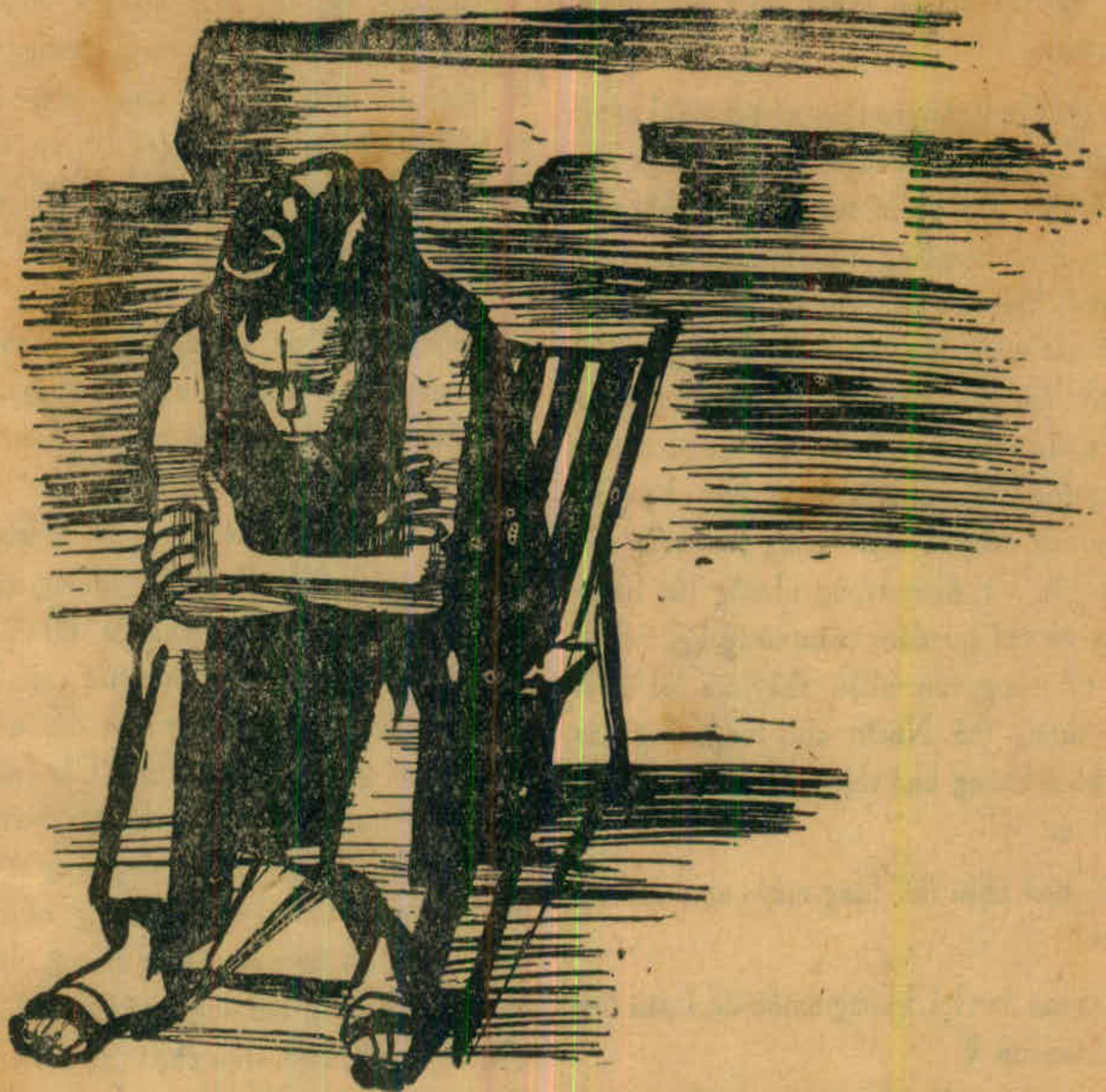
Tay nắm tay nhau tìm bướm
Như bầy nga trắng đi ăn
— Bướm ơi, xin đừng bay nhé
Cùng em vui dưới trời xuân...

Hoa bướm nghiêng nghiêng cùng hát
Trần gian ngọc sóng âm thanh
Khói sương la đà xao xuyến...
Mây hồng ngậm nắng long lanh

Tay nắm tay nhau cùng múa
Như bầy nga trắng sang sông
Dưới khe ta ngồi như chết
Giả làm tảng đá băng khuâng...

Đôi xuân phơi mình trong nắng
Lung linh gió mới thơm nồng...

D. D. T.
(Thời-gian)



LINH HỒN TÔI

★ DOÃN-DẪN

CHIỀU hôm ấy khi Loan vừa bước chân ra về, mẹ tôi gọi tôi vào nhà trong, nhìn tôi, dịu-dàng bảo :

— Lần sau con đừng đưa Loan đến đây nữa. Mấy lần mẹ đã định bảo con mà mẹ cứ quên đi mất...

Rồi mẹ tôi lại cúi xuống chế tiếp cuống rau muống trên tay, nét mặt bình thản.

Tôi đoán có chuyện gì không hay nên hỏi mẹ tôi :

— Mẹ không muốn Loan đến đây ? Mẹ tôi ngẩng đầu lên nhìn tôi như muốn nói điều gì. Nhưng chẳng hiểu nghĩ sao bà lại cúi xuống se-se gặt đầu.

Hơi ngạc nhiên về cử chỉ ấy của mẹ tôi, tôi ngồi xuống mép giường, cạnh bà, hỏi lại :

— Tại sao mẹ lại muốn thế? Mẹ không ưa Loan?

Mẹ tôi vẫn ngồi yên lặng và nét mặt không thay đổi, như thể bà không nghe thấy câu nói của tôi. Tự nhiên tôi hơi khó chịu với mẹ tôi. Bình thường tính mẹ tôi vẫn vậy. Bà rất ít khi tỏ nỗi vui - vẻ hoặc buồn rầu ra nét mặt. Mẹ tôi luôn luôn giữ thái độ bình thản gần như lạnh lùng trước mọi sự xảy ra, dù vui hay buồn và trước tất cả mọi người trong nhà, nhất là với ba tôi. Tuy nhiên, bà vẫn dịu - dàng âu - yếm với chúng tôi. Và ngay trong những lúc bà có những cử chỉ dịu-dàng và những lời nói âu yếm, tôi cũng vẫn nhận thấy mẹ tôi điềm nhiên thong thả. Nhiều khi, tôi không sao tránh khỏi không khó chịu về sự điềm nhiên ấy của mẹ tôi.

Tôi hơi nhúu đôi lông mày nhìn mẹ tôi, hỏi lại:

— Tại sao mẹ lại không muốn để Loan đến đây thăm con?

Mẹ tôi lại ngẩng lên nhìn tôi. Trông ánh mắt mẹ tôi, tuy chỉ trong một thoáng, tôi cũng hiểu là bà tỏ vẻ ngạc nhiên về giọng nói hơi gắt của tôi. Tôi hơi hối hận, nhìn mẹ tôi, dịu giọng hỏi lại:

— Loan đã có điều gì làm phật lòng mẹ?

Mẹ tôi vẫn nhìn tôi, thong thả nói:

— Không! Có điều gì đâu!...

Rồi mẹ tôi hơi mỉm cười, tiếp:

— Loan thông minh và ngoan lắm...

Tôi hiểu là mẹ tôi muốn đánh lạc ý nghĩ của tôi, như nhiều lần trước, mỗi khi tôi nhắc đến Loan. Tôi ngắt lời bà:

— Vậy tại sao mẹ lại không muốn Loan đến đây?

Nụ cười vụt tắt trên môi mẹ tôi. Đôi mắt bà chớp nhanh. Rồi bà cúi xuống như để tránh tia mắt tôi. Tôi đang ngạc nhiên và không hiểu tại sao mẹ tôi lại có cử chỉ như vậy thì bà nói với tôi bằng một giọng trang nghiêm, bình tĩnh, như những lần bà khuyên bảo tôi:

Không phải mẹ không muốn con giao thiệp với Loan. Trái lại nữa. Nhưng... con phải hiểu tính ba con. Ba con mà biết Loan lại đến đây hôm nay...

Nói đến đây, mẹ tôi ngập ngừng rồi yên lặng. Tôi hiểu là mẹ tôi không nỡ nói tiếp để diễn tả thái độ của ba tôi đối với tôi. Đột nhiên, một nỗi bức tức chợt bùng lên trong lòng tôi. Tôi vụt nhớ đến nét mặt luôn-luôn cau-có của ba tôi. Câu nói bỏ lửng của mẹ tôi vừa rồi cho tôi biết rằng nếu ba tôi biết Loan đến đây ông sẽ mắng mỏ mẹ tôi và tôi. Tôi hình dung rất nhanh đôi mắt ba tôi trợn lên trừng-trừng nhìn mẹ tôi trong những lần ông tức giận. Một cảm giác bức bối khó chịu chợt gợn lên trong lòng tôi. Không hiểu sao, mỗi khi nhìn ba tôi mắng mẹ tôi hoặc tôi, tôi cứ có cảm tưởng là ông phải căm thù chúng tôi về một điều gì lắm, ông mới có được cái nhìn và những lời nói tàn tệ như vậy. Tôi không hiểu tôi bắt đầu có cảm tưởng này từ hồi nào và tại sao. Nhưng tôi không sao xóa bỏ nó đi được. Tôi luôn-buôn bấn-khoăn, thắc-mắc về sự lạnh lùng của mẹ tôi và cách đối xử của ba tôi với tôi. Đã nhiều lần tôi muốn hỏi mẹ tôi về điều này. Nhưng tôi không biết phải hỏi thế nào để diễn tả ý nghĩ của tôi cho mẹ tôi hiểu. Cách cư xử quá nghiêm-ngặt của ba tôi trong gia đình và sự thản nhiên quá độ của mẹ tôi làm nhiều lần tôi thầm tự hỏi: « Tại sao ba-mẹ tôi lại chỉ im-lìm như những chiếc bóng,

bên nhau ? » Càng lớn lên, tôi càng nhận rõ sự im lìm ấy lan rộng ra, và b o trùm lấy bầu không khí trong gia đình tôi làm tôi có cảm tưởng mình phải sống giữa một nơi ngột ngạt, khó thở. Tôi luôn-luôn muốn vùng-vẫy để thoát ra khỏi nơi đó, nên tôi hay cãi lại ba tôi mỗi lần ông mắng me tôi. Tôi không thể yên lặng nhìn me tôi điềm nhiên trước những lời day nghiền của ba tôi. Lắm khi tôi ước ao me tôi nói một câu để phản đối những lời gay-gắt của ba tôi, dù sau đó, ba me tôi có cãi nhau, tôi cũng vẫn vui lòng hơn là phải trông me tôi lạnh nhạt. Nhưng kể từ ngày biết ước-ao như vậy cho đến bây giờ, chưa một lần nào tôi được toại nguyện về niềm ao-ước đó ! Me tôi vẫn chỉ điềm nhiên, như không nghe thấy ba tôi nói gì. Và me tôi càng yên lặng bao nhiêu tôi lại càng cãi ba tôi nhiều hơn bấy nhiêu. Có lẽ vì vậy nên ông tỏ ra ghét bỏ tôi hơn cả trong mấy anh em tôi. Những khi cãi lại ông, nhìn tia mắt giận dữ của ông, tôi uất ức đến độ không kiềm được lòng mình. Tôi đem hết trí suy-đoán của tôi để bênh vực me tôi hoặc tôi. Bởi vậy, nhiều khi tôi không sao tránh được những lời nói kém lễ-phép với ba tôi. Tuy ngay trong những lúc nói những lời ấy, tôi cũng mang-máng hiểu rằng sau này tôi sẽ hối hận suốt đời và niềm hối hận này sẽ dày-vò, day dứt tâm tư tôi khi ba tôi mất đi. Nhưng khi nghe ba tôi dùng những lời tàn tệ để mắng mỏ me tôi, hoặc tôi, tôi không thể nào đứng yên-lặng được. Lúc ấy, hình như có một người nào khác trong tôi, thúc đẩy tôi cãi ba tôi.

Tôi không nhớ, ngày xưa — hồi tôi còn nhỏ — me tôi có thái độ bình-tĩnh, lạnh-lùng như bây giờ không. Tôi chỉ nhớ rằng đối với tôi thì ba tôi vẫn giữ vẻ nghiêm

khắc như vậy. Ông cấm đoán tôi tất cả. Hồi còn bé, tôi không được nô đùa, nghịch ngợm như các em tôi bây giờ. Tôi luôn-luôn nơm-nớp, lo-sợ bên cạnh ba tôi. Những lúc ba tôi ở nhà, tôi hoàn toàn phải sống trong sợ-sệt. Vì bất cứ một lời nói, một cử chỉ vô ý nhỏ nhặt nào của tôi cũng có thể làm ba tôi nổi giận. Nhưng phút phải đứng trước mặt ba tôi, tôi coi là một hình phạt nặng nề nhất đối với tôi. Bởi vậy, tôi hay tìm cách tránh mặt ba tôi. Tôi giữ-gìn cử chỉ, lời nói một cách quá độ thành ra vụng-về trơ-trẽn. Có lẽ cũng bởi thế, ba tôi lại càng ghét tôi hơn. Tôi còn nhớ, mỗi lần trong tôi làm việc gì, ông thường chép miệng, thở dài, tỏ vẻ thất vọng rồi nói : « Rõ người làm sao chiêm bao làm vậy ! Tao không hiểu rồi về sau này, mày làm nên được cái trò trống gì !!! » Lời nói này trước còn thoáng qua trong trí óc tôi. Sau, vì sự nhắc lại nhiều lần của ba tôi, nó đã dần-dần in sâu vào tâm trí tôi lúc nào tôi không biết. Mỗi khi nghe ba tôi nói vậy, tôi đâm ra nghi ngờ chính tôi. Tôi không hiểu tôi có « tệ » như lời ông nói không sự nghi ngờ này làm tôi đau khổ. Tôi cố tình tỏ ra cho chính tôi biết rằng : tôi không « đốn mạt » như những lời ba tôi gán cho tôi, để an ủi tôi và nhất là để cho ba tôi biết : « tôi cũng khôn-ngoaan như tất cả mọi người ». Nhưng dù tôi cố « tỏ ra » thế nào chăng nữa, tôi cũng vẫn không sao thay đổi được cách cư-xử của ba tôi đối với tôi. Tôi đâm ra oán hận ba tôi và cãi lại ông trong bất cứ lần nào ông đánh mắng tôi.

Tôi còn nhớ, tôi bắt đầu cãi ba tôi và oán ghét ông, từ một buổi tối mùa Đông, năm tôi lên mười ba tuổi.

Tối hôm ấy, sau khi chúng tôi học bài xong, ba mẹ tôi và bốn anh em tôi ngồi quây-quần chung quanh chiếc hỏa lò đặt ở giữa nhà. Bên ngoài, gió rít lên từng cơn làm tôi, tuy được ngồi bên ngọn lửa mà vẫn cảm thấy lạnh-lạnh khắp người, cái lạnh êm-dềm, ăm-cúng. Ba tôi ngồi xem lại sách vở của chúng tôi trong khi mẹ tôi rang hạt dẻ. Tiếng nổ lách-tách nho-nhỏ của những hột hạt dẻ nổ ra trong chiếc chảo con, nghe thật vui tai. Mấy anh em tôi ngồi sát vào nhau, hơ tay trước ngọn lửa, nói những chuyện « chẳng có đầu có đuôi gì cả » và thỉnh thoảng lại cười khúc-khích với nhau.

Một lúc sau — chắc là hơi lâu — ba tôi vẫn ngồi yên, bảo :

— Đưa cái đồng hồ đây cho tao lên đây.

Vì đang mãi nói dở câu chuyện vui nên tuy có nghe thấy tiếng ba tôi, nhưng tôi vẫn chưa hiểu rõ là ba tôi muốn nói gì.

Đến khi tôi vừa hiểu ra thì ba tôi lại nói, giọng có vẻ hơi gắt :

— Có đứa nào nghe thấy tao nói gì không ? ! Đưa cái đồng hồ đây !

Sau câu nói ấy, mấy anh em tôi, không ai bảo ai, cùng im bặt. Tôi hơi lo sợ, ngờ-ngác nhìn các em tôi xem có đứa nào đứng dậy không ; rồi lại nhìn nhanh sang ba tôi. Khi gặp tia mắt ba tôi, tôi hiểu ngay là ba tôi muốn sai tôi. Tôi vội-vàng đứng dậy, với chiếc đồng hồ trên mặt tủ đưa đến cho ba tôi. Ba tôi cầm lấy chiếc đồng hồ ở tay tôi, nghiêm mặt nhìn tôi, hỏi :

— Có phải tao không gọi đến tên mày thì mày không « thêm » nghe lời tao phải không ?

Câu hỏi đột ngột của ba tôi làm tôi cảm thấy như vừa có một cái gì chột nhói lên trong lòng tôi rồi tỏa mau ra làm toàn thân tôi tê tê lạnh. Tôi thấy rõ hai đầu gối tôi run run. Tôi bàng hoàng nhìn ba tôi không biết nói sao. Chẳng hiểu cái nhìn của tôi thế nào mà ba tôi bỗng quắc mắt lên, quát :

— Mày còn dương mặt lên à ! Cút ! ! !

Tôi thấy mặt và hai tai tôi chột nóng bừng lên. Tôi biết rằng : nếu tôi nói lại một câu — chỉ một câu thôi — là bàn tay của ba tôi sẽ được dịp « tung hoành » trên hai má tôi ngay. Bởi vậy, tôi lạng-lẽ, cúi đầu, « cút » về chỗ cũ.

Khi tôi vừa ngồi xuống cạnh mẹ tôi thì có tiếng ba tôi hỏi, giọng lạnh-lùng :

— Đứa nào vặn lại kim báo thức đây ?

Vì sợ ba tôi phải « gọi đến tên » nên tôi vội trả lời ngay :

— Thưa ba, con... không biết !

Ba tôi nhìn tôi thật nhanh rồi quay sang mẹ tôi, hỏi :

— Mẹ nó có vặn không ?

Mẹ tôi vừa bắc chảo hạt dẻ ra khỏi bếp, vừa trả lời là « không ».

Ba tôi lại quay sang chúng tôi, nói như không định chỉ ai :

— Lạ nhỉ ! Không ai vặn mà cái kim tôi để chỉ số năm, tự nhiên nó lại biết nhảy lên số sáu !

Nghe giọng nói có vẻ « sắp nổi giận » của ba tôi, tuy tôi không động chạm gì đến cái đồng hồ, song, theo thói quen, tôi cũng

vẫn lo sợ. Chẳng hiểu sao, tôi lại tin là ba tôi đang nghĩ cho tôi để lại kim báo thức để được dậy muộn một giờ — Vì mọi khi chúng tôi vẫn phải dậy từ năm giờ sáng để học lại bài trước khi đi học — Tôi chợt nghĩ đến mỗi buổi sáng, khi chuông báo thức đã reo, tuy tôi cũng nghe thấy, nhưng tôi vẫn nằm yên, vờ ngủ, đợi mẹ tôi phải gọi mấy lần tôi mới tung được chiếc chăn bông đang trùm kín người tôi, để ngồi dậy. Ba tôi vẫn mắng tôi là « lười » vì điều đó.

Nghĩ vậy làm mỗi lo trong lòng tôi tăng lên. Tôi đưa mắt liếc nhanh ba tôi. Đột nhiên tôi chợt gặp tia mắt ba tôi cũng đang nhìn tôi. Tôi bỗng cảm thấy người tôi lạnh bần đi. Tôi nhắm vội mắt lại và cúi nhanh đầu xuống.

Có lẽ vì cử chỉ này của tôi nên ba tôi cất giọng, đồng dục, hỏi tôi :

— Thằng Doãn có vắng không ? Tôi lăm lét nhìn ba tôi :

— Thưa ba... con không vắng.

Nói xong, tôi mới nhận ra là giọng nói của tôi run run. Tuy nhiên tôi cũng hơi mừng vì tôi yên trí rằng ba tôi sẽ không nói gì đến nữa. Tôi lấy lại bình tĩnh ngẩng đầu lên nhìn ba tôi và chờ ông sai tôi đi cắt đồng hồ.

Tôi thấy ba tôi đưa mắt, lừ lừ nhìn mấy anh em tôi. Rồi bất giác ba tôi bảo :

— Thằng Hoài cắt cái đồng hồ đi cho tao.

Mặt Hoài bỗng tái mét đi. Nó đứng phắt ngay dậy cầm chiếc đồng hồ đến trước cửa tủ. Nó ngáp ngừng một vài giây rồi quay lại nói với ba tôi :

— Thưa ba... con không với tới... Ba tôi như chợt tìm ra điều gì, thở một hơi dài « à » một tiếng rồi nói .

— Thằng Hoài không với tới mặt tủ thì con Bích, con Dung cũng không với tới...

Nói đến đây, ba tôi quay sang tôi, đồng dục hỏi lại :

— Thằng Doãn nghĩ sao ? Còn cái nữa không ?

Bao nhiêu nỗi ngạc nhiên và lo lắng như đã buông tha tôi, lúc này lại chạy nhanh về ập vào đầu óc tôi. Tôi bàng hoàng, hỏi lại :

— Ba bảo con « cái » gì ạ ? Bỗng ba tôi đập mạnh tay xuống bàn đứng phắt dậy, quát :

— Mày còn vờ à ? Cầm chiếc roi mây đây !

Tôi lo sợ cuống cuống như thể ba tôi đang đánh tôi thật. Tôi đưa mắt hết nhìn ba lại nhìn mẹ không biết nói sao.

Mẹ tôi thấy tôi đứng yên, dịu dàng, nhìn tôi, nói :

— Doãn quay lại đây mẹ bảo.

Tôi nghe theo lời mẹ tôi. Mẹ tôi hỏi :

— Con phải nói thật cho mẹ nghe. Mẹ hứa sẽ không mắng con. Con có nghịch đồng hồ không ?

Nghe giọng nói êm đềm của mẹ tôi, nỗi lo-lắng trong lòng tôi hơi dịu đi. Tôi trả lời ngay :

— Không ! Thưa mẹ, con không nghịch thật. Con không nói dối mẹ ..

— Mẹ tôi quay sang ba tôi, bình-tĩnh, nói :

— Con nó không vắn đâu ! Cậu... Ba tôi không để me tôi nói hết, ngắt lời :

— Mẹ không phải bênh nó ! Nó không vắn thì còn đưa nào vào cái nhà này mà vắn bây giờ ! Thằng Hoài thì còn nhỏ...

Hoài nghe thấy ba tôi nhắc đến tên, lặng-lặng đứng dậy, lúi vào màn, nằm im thin-thít. Me tôi hơi cau đôi lông mày nhìn ba tôi, rồi bà nhìn tôi rất nhanh và lặng-lẽ cúi xuống, khe-khe thở dài. Trông nét mặt me tôi, tự nhiên tôi cho là me tôi đã đau khổ lắm. Tôi biết là me tôi muốn bênh vực tôi; muốn ba tôi không đánh tôi, nhưng me tôi không dám nói ra.

Nghĩ vậy, tôi bỗng thương xót me tôi cùng độ. Tôi muốn tỏ ra cho me tôi biết rằng tôi không nói dối me tôi ; tôi muốn me tôi tin tôi. Đột nhiên bao nhiêu lo lắng chợt biến hết trong lòng tôi. Hình như tôi không sợ ba tôi nữa. Tôi nhìn ông, nói :

— Con không vắn lại đồng hồ... Ba tôi sẵn đến gần tôi :

— Không mày thì còn đưa nào vào đây !

Tôi vẫn đứng yên :

— Con không biết ai. Nhưng không phải con.

Ba tôi hét lên :

— Không được cãi ! Chỉ có một mình mày !

Trông đôi mắt ba tôi quắc lên như nhất định bắt tôi phải nhận điều tôi không làm, tự nhiên lòng tôi uất lên, tôi nói không suy nghĩ :

— Không phải con... Con không cãi... Nhưng không phải con.

Ba tôi không nói thêm một lời nào, giựt mạnh chiếc roi mây treo trên tường, quất lia-lịa vào người tôi...

Đến bây giờ tôi cũng vẫn chưa quên được những cảm giác đau đớn của tôi lúc ấy. Mỗi lần chiếc roi mây rơi xuống người tôi, tôi tưởng như hàng trăm ngàn

mũi kim chích sâu vào da thịt tôi.

Ba tôi vừa đánh tôi vừa quát :

— Này cái này ! Cái này ! Mày có nhận không thì bảo ! ? Tao đánh đến phải nhận thì thôi...

Tôi không còn nghĩ gì được nữa. Mọi vật trước mắt tôi như múa tít lên...

Một lát sau, toàn thân tôi nóng ran và tê buốt như chỗ nào cũng bị kiến đốt. Chẳng hiểu tôi đã nghĩ gì và có ai xui tôi mà tôi vừa giãy lên đành - đạch, hai tay cuống-cuồng che đỡ, vừa nói thật nhanh :



— Con vắn... Me ơi... Con vắn... Đau quá me ơi... Con nghịch đồng hồ lúc mọi người đi vắng...

Tôi tưởng nghe tôi nói vậy, ba tôi sẽ ngừng tay đánh tôi. Nhưng ba tôi lại càng đánh tôi nhiều hơn và nói :

— Thế mà mày còn già mồm cãi tao ! Tao đánh cho chừa cái thói cương hòng lên đi !

Tôi hét lên :

— Ba ác lắm ! Con ghét ba... Con oán ba lắm... Me ơi...

Ba tôi chợt ngừng tay đánh tôi. Đôi mắt ông mở to nhìn tôi, hai tay buông thõng, mặt ông đỏ gay và ướt đầm mồ hôi.

Tôi định chạy đến ôm chầm lấy me tôi. Nhưng bất giác ba tôi sẵn đến, túm chặt lấy áo tôi, kéo tôi ra cửa sau, chỉ ra ngoài, bảo :

— Ra quỳ đấy !

Tôi nhìn ra ngoài đêm tối bao la. Một luồng gió lạnh buốt thốc vào người tôi làm toàn thân tôi như nhũn ra. Hai hàm răng tôi đập vào nhau, bật thành tiếng kêu càn cạch.

Tôi đang ngập ngừng thì cánh tay ba tôi đẩy tôi ra ngoài ngưỡng cửa...

Trước khi cánh cửa khép lại, tôi còn kịp trông thấy đôi mắt me tôi long lanh. Bà lặng lẽ nhìn tôi rồi lại lặng lẽ gục đầu xuống hai cánh tay khoanh trên đầu gối, giữa lúc các em tôi đang chu chéo khóc quanh bà...

Tôi không còn nhớ rõ mãi đến lúc nào ba tôi mới cho tôi vào nhà. Tôi chỉ nhớ rằng : sáng hôm sau, khi ba tôi đi làm rồi, tôi vẫn còn khóc. Me tôi ôm tôi vào lòng, xoa đầu tôi, âu yếm bảo :

— Me tin con. Me tin ở con...

Tuy nghe me tôi nói vậy. Nhưng nỗi tủi thân vẫn làm tôi không sao cầm được nước mắt. Theo trí suy xét non nớt của tôi, tôi nghĩ là mọi người đã bắt hủi, ruồng rẫy tôi.

Cho đến mấy hôm sau, mỗi khi nhớ lại những phút phải quỳ, bị gió lạnh làm người tôi tê buốt, tôi vẫn còn tin là ba tôi đã cố ý bắt tôi ra đấy để tôi không được hưởng cảnh ấm cúng trong nhà. Nghĩ vậy, tôi lại ôm lấy me tôi mà khóc. Có lúc đang ngồi học bài, tôi chợt nhớ đến cánh tay ba tôi đã túm lấy áo tôi, đẩy tôi ra ngoài đêm tối, tôi cũng khóc bật lên.

Mãi năm ngày sau, me tôi thấy tôi vẫn chưa quên chuyện đó và thỉnh thoảng lại khóc như vậy, bà mới hỏi vắn các em tôi. Và lúc đó Hoài mới chịu thú thực với ba me tôi là chiều hôm ấy, chính nó đã bắc ghế trèo lên vắn lại kim báo thức để khỏi phải dậy sớm. Lúc ba tôi hỏi đến, nó sợ bị đòn nên không dám nói ra.

Sau khi nghe Hoài cho biết như vậy, tôi chỉ muốn tát vào mặt nó mấy cái trước mặt ba me tôi. Nhưng vì sợ ba me tôi và có lẽ cũng vì bộ mặt tái nhợt của Hoài nên tôi lại chỉ biết... khóc oà lên một lần nữa...

Tôi oán ba tôi vô cùng. Tôi muốn ông nói vài lời để an ủi tôi và nhất là để nhận lỗi của ông. Tôi chờ đợi những lời trách móc ba tôi của me tôi. Nhưng me tôi vẫn điềm nhiên kéo Hoài vào lòng, dịu dàng nói :

— Me chắc con đang hối hận nên me không nổi mắng con. Nhưng tại sao đã bao nhiêu lần me hỏi, con đều chối với me ? Lần sau, nếu đã trót làm lỡ điều gì, con phải nhận ngay để anh con khỏi bị đòn. Me hứa sẽ xin ba tha lỗi cho con.

Rồi quay sang tôi, mẹ tôi nói to hơn, như cốt để ba tôi nghe thấy ;

— Ai cũng có lúc lầm lỡ. Và ai cũng có lúc phải chịu cái kết quả của sự lầm lỡ một cách oan uổng, con ạ ! Con đã biết thì mẹ mong sau này con tránh được.

Lúc ấy, tuy tôi không hiểu được ý nghĩa câu nói của mẹ tôi, nhưng đôi mắt dịu hiền và giọng nói êm ái của bà cũng làm tôi cảm động.

Ba tôi nghe thấy mẹ tôi nói vậy, ông chỉ thở dài, vừa quay đi, vừa nói :

— Ôi dào ! Lại còn oan à ! Ngày xưa tao còn oan bằng bốn !

Tôi không được biết sự « oan bằng bốn » của ba tôi nó « ghê gớm » đến thế nào, nên bắt đầu từ hôm đó, nỗi sợ hãi ba tôi, dần dần giảm đi trong lòng tôi. Từ đấy, tôi bắt đầu nhận ra rằng : ba tôi cũng có lỗi như tất cả mọi người. Chứ không « hoàn toàn » như trước kia tôi vẫn tưởng.

Có lẽ một phần vì luôn luôn bị ám ảnh bởi ý nghĩ này nên sau này lớn lên tôi hay cãi lại ba tôi.

Nhưng có điều tôi không hiểu được ở ba tôi là tại sao ba tôi lại ghét tôi đến thế ? Tôi luôn luôn tự hỏi .

« Hay trước kia tôi đã có điều gì để ba tôi phải oán giận tôi ? ». Và tôi không thể nào trả lời được câu hỏi đó. Vì tôi nghĩ : « Đối với con, dù thế nào chăng nữa, cha mẹ cũng không khi nào nỡ ghét bỏ con như ghét kẻ thù ».

Tôi cố tin là : vì muốn tôi « thành người » nên ba tôi phải đe-nạt mắng mỏ tôi như vậy. Nhưng niềm tin này cũng bị tắt đi ngay khi tôi nghĩ đến cách đối xử của ba tôi với các em tôi. Tôi cố nhớ lại những lúc ông đánh mắng chúng và tôi

chịu, không sao tìm ra một lần nào ông nói chúng tàn-tệ như đã nói tôi. Chưa bao giờ tôi nghe thấy ông mắng một đứa nào là : « cái gai trước mắt » ông, như ông đã mắng tôi. Nhận ra như vậy, tôi càng ngấm-ngấm đau khổ và càng oán ghét ba tôi. Nhiều khi, tôi đau khổ và oán ghét ông đến độ, tôi bất cần tất cả, tôi tự đầy-đọa thân tôi và tôi cố ý làm theo tất cả mọi điều mà ba tôi đã gán cho tôi.

Đã nhiều lần, tôi cố hỏi gặng mẹ tôi về ba tôi cho tôi nghe. Song, không một lần nào mẹ tôi không đánh lạc ý-nghĩ của tôi. Bà như cố tình giấu-giếm tôi một chuyện gì

Một lần, bị tôi hỏi vặn, nét mặt mẹ tôi hơi đổi sắc, nhưng bà lại lấy được bình-tĩnh ngay, rồi nhìn tôi như trách móc và nói bằng một giọng thật trang-nghiêm :

— Nếu quả thật con thương mẹ thì mẹ xin con một điều là : từ giờ con đừng hỏi mẹ bất cứ chuyện gì không thuộc về hôm nay và ngày mai...

Rồi như sợ tôi lại hỏi nữa, mẹ tôi cúi xuống để tránh tia mắt tôi, nét mặt bà hơi tươi lên, nói tiếp :

— Sau này con sẽ có con và lúc đó con sẽ tự hiểu những điều làm con thắc-mắc bây giờ...

Thế là từ đấy, tôi không dám hỏi vặn mẹ một lần nào nữa. Và tôi lại sống trong niềm hoang-mang, thắc-thở giữa thái-độ nghiêm-khắc của ba tôi và giữa sự âm thầm khó hiểu của mẹ tôi.

Tôi mơ hồ cảm thấy niềm hoang-mang ấy mỗi ngày một lan rộng ra vây lấy quanh tôi và tôi hoàn-toàn bất lực...

(còn tiếp)
DOÃN-DẪN

Một quyển sách đã được dư-luận trong nước đặc biệt chú ý :

VĂN - HỌC VIỆT - NAM

VĂN-HỌC-SỬ — GIẢNG VĂN

của PHẠM - VĂN - ĐIỀU



☉ Một tác-phẩm mở đầu trong « Tủ sách biên-khảo — Văn-khoa — Tân-Việt ».

☉ Một cuốn sách vĩ-dại trong văn-học giới.

☉ Một thiên khảo-cứu và giảng-bình về văn-học Việt-Nam mà ta có thể tự-phụ từ năm mươi năm nay chưa có quyển nào đầy-đủ tinh tường-hơn.

☉ Một công-trình đã được học-giới trong nước tán-thưởng và hoan-ngênh đặc biệt :

...« Công-trình khảo-cứu của nhà học-giả họ Phạm n'ý rất lớn-lao và đáng tin cậy... có thể nói là đầy-đủ hơn cả những sách Việt-Nam văn-học-sử đã xuất-bản từ trước đến nay »...

Bộ Quốc-gia giáo-dục, VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN,
số 49, tháng 3-4 năm 1960

...« Trước hết chúng tôi muốn giới-thiệu **Văn học Việt-Nam** là **một công-trình đáng kể**. Tuy tác-giả rất thấu-đáo vấn-đề, vẫn tỏ ra thận-trọng trong việc biên-soạn cũng như trong việc th'nh hình một quan-niệm văn-học-sử mới. Trong lúc có những người đầu óc rỗng-tuếch mà cũng đua-đòi soạn văn-học-sử, tác-phẩm của ông còn là một bằng chứng lột trần những mảnh-khóc vav mượn, chấp-nối của những kẻ tiểu-xảo đang định nhập-nhằng khoát áo học-giả »...

TIN SÁCH, tháng 5, 1960

...« Ông đã cố gắng nhiều và khá thành-công, cống-hiến độc-giả được nhiều điều bổ-ích, nhất là trong phần nhận định về sử, phần khảo-tiểu-sử, văn-nghiệp của các văn, thi-sĩ, nhờ ông đã nghiên-cứu trực-tiếp trong những sách cổ viết bằng chữ Hán hoặc chữ Nôm... Sự cống-hiến của ông đáng kể là có giá-trị nhất sau công-việc khởi-khảo của giáo-sư Dương-Quảng Hàm »...

Nguyễn-Hiến-Lê, BÁCH-KHOA, số 84
ngày 1-7-1960, và số 85 ngày 15-7-1960

Sách dày hơn 800 trang — Gồm 14 bức phụ bản quý giá — Bìa bốn màu của Họa-sĩ Mai-Lân — Văn khảo-chứng gồm hơn 20.000 chữ Hán và chữ Nôm — Loại thường giá 200 \$ 00.

Nhà xuất bản TÂN VIỆT

235, Phan-Thanh-Giản — SÀI GÒN

TIẾNG CA

miền bắc

Tôi ngồi nghe buổi ca nhạc của anh
Những điệu ca từ Vạn lý trường thành
Đâu rồi tiếng sông Lô gầm thét ?
Đâu rồi tiếng hát rừng xanh ?
Đâu rồi « Chiều qua tôi đi ngang qua vùng chiêm đống... » ?
Đâu rồi « Người mẹ Gio-Linh », lời ca mộng mệnh ?

Bài ca sông Lô, những điệu quân hành, tiếng hát núi
rừng Lạng-Sơn, Việt Bắc
Không được là tiếng nói Việt-Nam
Kháng chiến xong rồi, tiếng quê hương chấm dứt
Bây giờ tiếng núi sông phải nhường cho tiếng « quân
đàn anh ».

Anh phải già từ tiếng sao khuya nước nở
Anh phải già từ tiếng mẹ ru ban trưa
Anh phải già từ tiếng sáng rừng thắc đồ
Anh phải già từ tiếng ai đi ngoài mưa
Già từ Việt-Nam, già từ tất cả
« Trung-Hoa là quê hương ta á a á a
« Trời Bắc-Kinh bao la á a á a
« Kia là bác Mao... ánh sáng soi đường chúng ta... ».

Đâu rồi hồi chuông « Kinh cầu nguyện » ?
Đâu rồi tiếng nói « Hội nghị Diên-Hồng » ?
Đâu rồi « Bà mẹ quê » chờ mong bạc tóc ?
Đâu rồi nhạc triều quân hành ca vang lừng chiến công ?

Nghe anh mà đau mà muốn khóc
Nghe anh mà thương mà đắng cay trong lòng
Xa cách quá rồi, các anh, chúng tôi, đôi ngã
Tàn xa nhau rồi, từ đây, đôi bờ một dòng sông.
Tôi đợi ngày về nhìn anh e thẹn
Tôi đợi ngày về hát cho anh nghe bài ca Việt-Nam
Anh có sẽ chịu nghe bài ca chúng tôi không nhỉ ?
Anh có sẽ chịu ca bài ca núi sông ?

Màu trời ở đây sao mà xanh thắm thiết
Vì trời xanh ở đây mà tôi thương anh vô cùng.

Đỗ-Tấn

TAMAN

Nguyên-tác : Mikhaïl Lermontov

Bản - dịch : NGUYỄN-CHÂU



TAMAN là một tỉnh lỵ gồm
ghiềc nhất trong các tỉnh miền duyên
hải Nga-Xô. Tôi đã suýt chết đói ở
đây, ấy là chưa kể đến vụ thoát bị
dìm chết trong đường tơ kẽ tóc.

Tôi đến bằng xe thư lúc trời đêm
đã về khuya. Gã đánh xe dừng chiếc
troika mỗi một trước cổng của ngôi
nhà đá độc nhất đứng sừng sững ở
địa đầu tỉnh lỵ. Tên lính canh, một gã
Cô-Zắc miền Hắc-Hải, nghe tiếng nhạc
rung, đang còn ngái ngủ hát vọng ra
bằng một giọng man dại :

« Ai đi kia » ?

Một viên hạ sĩ quan Cô-Zắc và viên
toán trưởng bước ra. Tôi cho họ hay
tôi là một sĩ quan, vì nhu cầu công vụ,
được bổ tới một phân đội chiến đấu,
và tôi yêu cầu họ trưng dụng giúp

một trú sở. Viên toán trưởng dẫn tôi
đi khắp tỉnh, chúng tôi hề cứ ghé vào
đâu là y như nơi đó đã có người chiếm
mất rồi. Trời thì lạnh mà tôi thì đã ba
đêm không ngủ, tôi nhược cả người
và bắt đầu mất bình tĩnh.

« Đưa ta đến đâu cũng được, đổ
mặt giặc ! » tôi hét « đến với Diêm-
vương cũng chẳng sao, miễn là có chỗ
trú ».

« Còn có một căn nhà khác, » viên
toán trưởng gãi đầu gãi tai đáp.
« Chỉ có điều là nơi đó chẳng được
hợp ý ngài thôi ạ ! Nhà ấy hung lắm ».

Không hiểu rõ ý nghĩa chính xác
của câu cuối, tôi truyền cho hân tiền
tới, sau một cuộc viễn du dài đằng
đặc qua đường hẻm bùn lầy, hai bên
chỉ có những hàng giậu nát, chúng tôi

tiền tới một túp lều nhỏ, ngay bên bờ biển.

Vầng trăng tròn dãi trên chiếc mái sậy nhỏ và những vách tường trắng. Trong vuông sân có dãy tường đá tảng vây quanh và một túp lều tiểu tụy nhỏ hơn, lâu đời hơn và đã xiêu vẹo cả. Gần như sát ngay mí chân tường, bờ biển đổ xuống dựng thẳng như vách, phía dưới kia những đợt sóng xanh sẫm vỗ vào bờ, rì rào bất-tuyệt. Chì hàng lặng ngắm giải nước mênh mông, dẫu xáo động nhưng vẫn phục tòng mình, nhờ ánh trăng tôi nhận ra được hai con tàu đậu ở xa xa phía ngoài khơi, cột buồm và những sợi dây trương buồm đen sẫm im lìm, nổi bật trên đường chân trời nhợt nhạt như những màng lưới nhện.

« Có tàu đậu ở trong cảng », tôi tự nhủ. « Ngày mai mình lên đường đi Gelenjik được rồi ».

Tôi có một tên lính Cô-Zắc trong đội binh biên-cảnh làm binh-sĩ hầu cận. Truyền hấn mang hành - lý xuống và cho tên đánh xe ra về, tôi cất giọng gọi chủ nhà. Không một tiếng trả lời! Tôi gõ cửa — bên trong vẫn lặng như tờ!... Thề là thề nào? Mãi sau mới có một thằng bé trạc độ mười bốn từ trong buồng ló ra.

« Ông chủ đâu? »

« Làm gì có. »

« Sao! Không có chủ nhà hả? »

« Không! »

« Thề còn bà chủ? »

« Bà ta ra vùng ngoại ô. »

« Thề thì ai mở cửa cho tao đây, hả? » miệng nói, chân tôi đạp vào cánh cửa.

Cánh cửa bật tung, một luồng khí ấm từ trong lều thoát ra. Tôi bật một que diêm soi sát mặt đứa bé: ánh lửa rọi sáng đôi mắt trắng rã. Thằng bé mù, mù ngay từ lúc mới sinh. Nó đứng chôn chân trước mặt tôi, và tôi lặng lẽ quan sát diện mạo nó.

Tôi xin thú nhận rằng tôi mang nặng thành-kiến đối với những người chột, điếc, câm, cụt chân, cụt tay, gù và tất cả những hạng người như vậy. Tôi nhận thấy rằng luôn luôn có một mối liên-hệ kỳ-lạ giữa tương vế bề ngoài với tâm hồn con người ta, như thề khi thân thể mất một bộ phận thì tâm-hồn cũng mất đi đôi chút quan-năng.

Do đó tôi lưu tâm quan-sát khuôn mặt của đứa bé mù. Nhưng trên khuôn mặt thiếu 2 con mắt thì ta còn mong hòng thấy gì nữa cơ chứ?... Tôi nhìn nó hồi lâu với một niềm thương cảm không định ý, một nụ cười thoáng hiện trên đôi môi mỏng của thằng bé, không hiểu sao, gây nơi tôi một cảm-giác hết sức khó chịu. Tôi đâm ra nghi ngờ là thằng bé mù ấy không mù như tôi tưởng. Tôi có sự thuyết phục là làm sao có thể làm rã được lớp màng kéo ở mắt, và lại, làm thề để làm gì cơ chứ? Nhưng tôi không sao dẹp nổi nghi ngờ. Tôi dễ bị thiên-kiến lung lạc...

Một lát sau tôi hỏi :

« Mày là con ông chủ à ? »

« Không »

« Thề thì mày là gì ? »

« Một đứa trẻ mồ côi — một đứa trẻ nghèo khổ. »

« Bà chủ có đứa con nào không ? »

« Không, bà ta có một đứa con gái, nhưng chị ta bỏ nhà, vượt biển theo thằng Tartar. »

« Thằng Tartar nào ? »

« Ai biết được ! Một tên Tartar ở Crimé, một gã thuyền chài ở Kerch. »

Tôi bước vào lều. Tất cả đồ đạc gồm có hai cái ghế dài, một cái bàn cùng một cái hòm gian lớn bên cạnh hỏa lò. Trên tường không có một bức ảnh thánh nào cả — điểm chẳng lành ! Gió biển lùa qua ô kính vỡ trên cửa sổ. Tôi lấy ở va-li ra một cây nến, châm lên và lấy đồ đạc ra. Tôi đặt thanh kiếm và khẩu súng ở một góc, khẩu súng lục tôi để trên mặt bàn. Tôi giải chiếc áo choàng lông lên chiếc ghế dài, và tên Cô-Zắc giải áo hăn lên chiếc ghế kia. Mới chừng độ mười phút đồng hồ tên Cô-Zắc bắt đầu ngáy, nhưng tôi không chớp mắt được hình ảnh thằng bé với đôi mắt trắng rã lờn vờn trong bóng tối trước mặt tôi.

Một giờ như vậy trôi qua. Mặt trăng rọi qua cửa sổ, ánh trăng rập rờn trên nền đất của căn lều. Đột nhiên, một cái bóng vụt lướt qua giải ánh sáng cắt téo lên nền nhà như một mũi tên. Tôi hơi nhòm người dậy và nhìn qua cửa sổ. Kẻ nào đó lại chạy

vụt qua và biến dạng, hần lẩn vào đầu họa có trời biết ! Thật khó có thể tin được là kẻ đó thoát xuống theo vách đá dốc ngược bên bờ biển kia, nhưng quả thật chẳng còn có lối nào khác. Tôi đứng dậy, khoác áo choàng lên vai, dắt dao găm vào thắt lưng và rón rén bước ra khỏi lều. Thằng bé mù đi ngược lại phía tôi. Tôi nấp vào hàng dậu và thằng bé đi ngang qua mặt tôi với những bước thật vững chãi nhưng thận trọng. Nó cắp một cái gói dưới nách, đi về phía bên và rẽ xuống con dốc nhỏ cheo leo.

« Ngày ấy, người câm sẽ lên tiếng, kẻ mù sẽ nhìn trông ; » tôi nói thầm trong bụng và theo sau nó một khoảng cách vừa đủ để khỏi mất hút.

Giữa lúc đó vầng trăng bị khuất sau những vầng mây, mặt biển mịt mù sương khói, chập chờn ẩn-hiện trong ánh đèn treo ở đuôi chiếc tàu gấn kẻ. Bờ biển lấp loáng bọt những con sóng bạc đầu, mỗi lúc một đe dọa bị tràn ngập. Tôi lướt mồ-hôi tràn lẩn theo con dốc dựng đứng cheo leo, bỗng nhiên thằng bé đứng sững lại và rẽ xuống phía phải. Thằng bé đi sát ngay bên mép nước, những ngọn triều cơ hồ lăm le cuốn nó ra khơi. Nhưng, trước lượng một cách tự-tín, nó bước từ mòm đá này sang mòm đá khác, tránh khỏi tất cả những hốc nước trào, điều này chứng tỏ rằng đây chẳng phải là chuyến đi đầu tiên. Cuối cùng nó dừng lại, như nghe ngóng một cái gì, đoạn

ngồi xuống đất và đặt cái bọc bên mình. Tôi nấp sau một mòm đá chênh vênh trên bờ biển theo dõi những động tác của thằng bé. Chừng vài phút sau, một bóng trắng hiện ra ở phía trước mặt, bóng đi tiền lại gần thằng bé và ngồi xuống bên nó. Chồc chồc gió lại đưa lời đàm thoại thoảng tới tai tôi.

« Này, mù này ! » giọng một người đàn bà vẳng lên, « giống gió dữ quá; khéo Yanko chả đèn đâu ».

« Yanko sợ gì giống tồ ! » Thằng bé đáp.

« Sương mù đang kéo dầy đặc », người đàn bà tiếp, giọng nói rầu rầu.

« Có sương mù thì càng dễ lẫn tàu tuần chứ sao » thằng bé đáp.

« Ngộ nhĩ anh ấy bị đắm thuyền ? »

« Ở thì sao ? Chủ nhật này chị đèn nhà thờ mà không có ruy-băng mới chứ sao nữa. »

Tiếp đó cả hai đều yên lặng một hồi lâu, duy có một điều làm tôi kinh ngạc — thằng bé mù nói với tôi bằng ngôn-ngữ Tiểu Nga mà bây giờ nó lại dùng tiếng Nga thuần túy.

« Đây chị xem, nào tôi nói có sai đâu ! » thằng bé vỗ tay reo lên. « Yanko đâu có e né sóng cả gió sương, đâu có sợ gì lũ tuần-cảnh ! Đây nghe xem ! Có phải là tiếng nước vỗ róc rách đây không, không thể sai vào đâu được, đúng là tiếng đôi bơi chèo dài của anh ấy. »

Người đàn bà đứng bật dậy, đắm chiêu nhìn vào cõi xa xăm.

« Mày chỉ nói xàm ! Tao chả thấy gì cả. »

Tôi cũng phải thú nhận là tôi hết sức cố gắng nhận dạng một vật gì tựa tựa con thuyền ở nơi xa, nhưng chẳng ăn thua gì cả. Chừng mười phút như vậy trôi qua, rồi một điểm đen mờ mờ hiện lên giữa lòng những đợt sóng cả chập chùng như núi non : lúc thì điểm đen đó phóng lớn ra, lúc thì nó thu nhỏ hẳn lại. Lừ lừ trườn lên đầu ngọn sóng, băng băng lướt xuống theo triển nước, con thuyền mỗi lúc một gần bờ.

« Anh chàng này hẳn phải là một tay đi biển can trường, tôi nghĩ. » mới có gan vượt qua eo biển rộng tới 20 verst trong một đêm như đêm nay và ắt là phải có những lý do gì quan trọng lắm thúc đẩy.

Trong lúc nghĩ ngợi như thế, tôi theo dõi con thuyền yếu đuối kia mà trông ngực đập dồn. Con thuyền ngụp xuống như một con vịt, nhưng rồi với tay chèo lẹ làng nó như chắp cánh lướt lên khỏi vực thẳm giữa đám bọt nước sủi ngấu. « Này ! » tôi nghĩ thắm » con thuyền đâm sầm vào bờ tan ra từng mảnh này ! « Nhưng thân thuyền xoay ngang một cách tài tình và dạt vào một vụng nước nhỏ nguyên vẹn.

Một người tám thước, đội mũ da cừu kiểu Tartar từ trong thuyền bước ra. Hắn vẫy tay ra hiệu và cả ba hì hục khuân một món gì đó ra khỏi khoang thuyền. Món hàng lớn đèn nổi, cho đến tận bây giờ tôi vẫn không hiểu sao mà con thuyền lại không bị đắm.

Mỗi người vác một bọc trên vai đi men theo bờ biển và chẳng mấy chốc họ khuất dạng. Tôi đành phải trở về ; nhưng thú thực những sự việc kỳ lạ ấy làm tôi áy náy và cứ ngong ngóng đợi ngày rạng.

Lúc ngủ dậy, tên Cô-Zắc hết sức kinh ngạc thấy tôi vẫn nhung phục chỉnh tề. Dầu vậy, tôi cũng không cho hắn biết lý do. Tôi đứng bên cửa sổ một hồi lâu, say sưa ngắm bầu trời xanh điểm mấy gợn mây, xa xa trên bờ biển bán đảo Grímée, một giải núi tím chạy dài tận cùng bởi một vách đá, trên đỉnh trắng lòa một ngọn tháp hải-đăng. Tôi tới đồn Phanago-riya hỏi vị chỉ-huy xem đến bao giờ tôi phải khởi-hành đi Gelenjik.

Nhưng than ôi ! vị chỉ-huy cũng không biết chắc ngày nào : Những con tàu nằm trong hải-cảng đều là tàu tuần-cảnh hoặc tàu buôn chưa cắt hàng lên.

Vị Chỉ-huy bảo tôi :

« Có lẽ chừng ba hay bốn ngày nữa sẽ có một chuyến tàu thư tới, chừng đó ta sẽ liệu ».

Tôi trở về nhà lòng buồn bực bứt rứt. Gã Cô-Zắc đón tôi từ ngoài cửa, mặt mũi lo lắng :

« Có vẻ không xong hở ngài ! »

« Đúng vậy, chú mày ạ ; có họa trời biết đến bao giờ chúng ta mới cuốn xéo được khỏi chồn này ».

Nghe thấy vậy hắn lại càng thêm kinh hoàng, hắn ghé sát vào tôi thì thào :

« Chồn này hung lắm ngài ơi ! Hôm qua con gặp một viên hạ-sĩ-quan người Cô-Zắc miền Hắc-Hải, hắn ở trong đơn vị con năm ngoái. Khi con cho hắn biết nơi chúng ta đang ở, hắn bảo « Chồn này hung lắm bố ơi, bọn ấy đâu phải là người lương thiện ! »... Mà thực thể, cái thằng mù ấy là ma hay là người chứ ? Nó cứ lúi lúi một mình, nào đi quây nước, nào đi ra tiệm mua bánh... Rõ ràng là dân ở đây họ đã quen thuộc với chuyện đó lắm rồi.

« Ờ thế thì sao ? À, thế còn mẹ chủ nhà, có thấy mẹ ấy đâu không ? »

« Hôm nay trong lúc ngài vắng mặt, có một mẹ già và có con gái tới ».

« Con gái nào ? Mẹ ấy làm gì có con gái ».

« Thì có họa trời biết con bé ấy là ai nếu không phải là con gái mẹ ta ; nhưng bây giờ mẹ già đang ngồi ở trong bếp kia kia. »

Tôi bước vào lều. Một ngọn lửa đang cháy rùng rục trong lò, tôi ngạc nhiên vì họ đang sửa soạn cơm nước có thể gọi là khá sang đối với dân nghèo. Trước tất cả mọi câu hỏi của tôi mẹ già đều lắc đầu đáp lại là nặng tai không nghe thấy gì cả. Thật chẳng hòng moi móc mẹ được, một điều gì. Tôi đành quay về phía thằng bé mù lúc ấy đang ngồi trước lò vớt cành khô vào lửa.

« Đây, thằng nhãi mù kia. » Tôi xách tai nó lên hỏi : « Muốn sống muốn tốt thì bảo tao đêm qua mày vác cái bọc đem đi đâu, hả ? »

Thằng bé mù khóc chóc lên, chu chéo rên rĩ :

« Tôi đi đâu ? Tôi chả đi đâu cả... Với cái bọc ?... Cái bọc nào ? »

Lần này thì mẹ già nghe thấy, mẹ làm bầm :

« Họ định đặt điều gì thề ! Mà lại giáng vào đầu đứa nhỏ mới tội chứ ! Ông định làm gì nó thề hả ? Nó đụng chạm gì đến ông chứ ? »

Tôi chịu không nổi và bỏ ra ngoài, tôi quyết tâm tìm được chìa khóa vụ bí mật này bằng được mới nghe.

Tôi ủ mình trong chiếc áo choàng lông và ngồi trên mòm đá bên hàng giậu, đưa mắt nhìn về phía xa. Trước mắt tôi biển cả mênh mang, xáo động vì cơn giông đêm trước, tiếng sấm đều đều đọc điệu như tiếng thì thầm của kinh thành bắt đầu ngà ngà đi vào giấc ngủ, gọi lại cho tôi cả một thời xưa cũ, hướng tâm tư tôi về phương bắc, về kinh đô lạnh lẽo Mạc-Tur-Khoa. Tâm tư xáo-động vì những hoài-niệm, tôi băng khuâng đắm mình trong mộng.

Chừng một giờ như vậy trôi qua, có lẽ còn lâu hơn nữa. Bỗng nhiên một thanh-âm mừng tượng như tiếng hát văng đến bên tai tôi. Đúng là một bài ca, và giọng ca là một giọng nữ, trẻ và tươi mát — nhưng tiếng ca từ nơi nào văng lại ?... Tôi lắng nghe, khúc hát thật du dương — khi thì ngân nga da diết, khi thì dồn dập véo von. Tôi đảo mắt nhìn quanh — không một bóng người. Tôi lại lắng tai nghe — thanh âm như rót

xuống tự trời. Tôi ngược mắt nhìn lên. Trên mái lều tôi là lướt dáng hình một thiếu nữ mặc áo xọc, tóc buông lơ — thật đúng là một nữ thủy thần. Khum lòng bàn tay che ánh mặt trời, nàng nhìn đắm đắm về cõi xa xăm. Lúc thì cười nói một mình, lúc thì trối giọng véo von.

Tâm trí tôi còn ghi đậm thanh âm của mỗi lời ca :

Vẫy vùng phi chí,
Bồng bênh biển xanh,
Buồm căng gió mận
Tàu ơi du hành,

✽

Giữa đoàn tàu lớn
Thuyền ta lênh đênh,
Không buồm lèo lái
Chèo bơi dập dềnh.

✽

Giông gào gió hú
Đoàn tàu lao xao,
Giông buồm cưỡi sóng
Chấp cánh bôn đảo.

✽

Biển khơi ta nguyện
Kính cần ta cầu :
« Giông con thuyền nhỏ
Khỏi mỗ vực sâu ! »

✽

Nâng niu bảo vật
Biển diu thuyền xinh,
Tay chèo dũng mãnh
Trong đêm hồi sinh.

Vô tình tôi nhớ lại là đêm qua tôi đã được nghe cũng giọng nói này. Tôi trầm ngâm một lát, và tới khi tôi

ngừng nhìn lên mái lều lán nữa, người thiếu nữ không còn.

Bất thành linh, nàng ở đâu chạy vụt qua mặt tôi, miệng ngâm nga một điệu ca khác, ngón tay bật mạnh thành tiếng, nàng tung tăng chạy tới phía mù già và một cuộc cãi lộn bùng nổ. Mụ già giận dữ còn nàng thì phá ra cười khanh khách. Một lần nữa nữ thủy thần của tôi lại chạy vụt đi, tung tăng nhảy chân sáo. Tôi trước mặt tôi, nàng đứng sững lại nhìn thẳng vào mắt tôi như thể ngạc nhiên về sự hiện diện của tôi; rồi lại thờ ơ quay ngoắt người đi và lẳng lặng đi về phía bên tàu. Nhưng thể chưa phải là hết. Suốt ngày nàng lờn vờn quanh phòng tôi, hát nghêu ngao và tung tăng chạy nhảy chẳng lúc nào ngừng. Con người đến lạ! Mặt nàng chẳng có vẻ gì điên dại cả; trái lại đôi mắt nàng, luôn luôn hướng về tôi, thật sáng và sắc. Chẳng những vậy cặp mắt kia hình như được trời phú-bẩm một dẫn-lực, và mỗi lần nhìn tôi đôi mắt ấy như đợi như chờ một lời han hỏi. Nhưng tôi cứ vừa chực mở miệng hỏi thì nàng lại chạy vụt đi với một nụ cười ranh mãnh.

Thật quả từ trước tới giờ tôi chưa hề gặp một người đàn bà nào như nàng. Nàng không có thể gọi là đẹp được, nhưng tôi vốn cũng là người có thiên kiêu về sắc đẹp. Nàng có vẻ có lắm nét con nhà nòi lắm. Nòi là vấn đề hết sức trọng đại với phụ nữ cũng như đối với người, đó là điều khám phá của cô bé France Nòi biểu lộ phần lớn trong giáng điệu, ở tay chân; cái mũi, đặc biệt hơn cả,

mang rất nhiều ý nghĩa, ở Nga một chiếc mũi dọc dừa hiểm hơn cả một bàn chân xinh.

Nữ ca sĩ của tôi trông có vẻ chỉ mới chừng đôi chín. Nét uyển chuyển hiểm có của thân hình, dáng nghiêng đầu cá biệt, suối tóc dài màu vàng nhạt, vẻ óng ả của cái cổ và đôi bờ vai hơi rám nắng và nhất là cái mũi dọc dừa — tất cả làm tôi say đắm. Mặc dù trong khoe liếc của nàng có vương đôi chút man dại, kiêu kỳ, mặc dù nụ cười có hàm chứa đôi chút khả nghi, vậy mà — vì mãnh lực của thiên kiêu — sóng mũi dọc dừa của nàng làm tôi mê mẩn. Tôi nghĩ rằng mình đã tìm được nàng Mignon của Goethe — sản phẩm lạ kỳ của trí tưởng tượng nhật-nhĩ-man. Ấy thế mà có lắm nét tương đồng giữa hai nàng thiếu nữ: cũng có sự đột biến từ trạng thái cực kỳ sinh động sang trạng thái hoàn toàn bất động, cũng những lời bí ẩn, cũng những điệu bộ nhảy nhót nhí nhảnh và những khúc hát lạ lùng...

Tôi đến tôi chặn nàng ở cửa và hỏi:

« Này người đẹp, làm ơn cho tôi biết hôm nay cô làm gì trên mái nhà thề. ? »

« Tôi xem hướng gió. »

« Cô muốn biết vậy để làm gì chứ ? »

« Hướng nào gió nổi, hạnh phúc trời theo. »

« Thế thì sao ? Cô định dùng lời ca dẫn dụ hạnh phúc đến đây chăng ? »

— « Đâu vắng tiếng ca, chồn đó chan hòa hạnh phúc. »

— « Thề nhỡ trong trường hợp bài ca đem lại cho cô sáu muợn thì sao ? »

— « Ổ thì sao chồn nào chẳng « thái » ắt « bĩ », nhưng từ cơn bĩ cực sang tuần thái-lai nào có xa gì. »

— « Ai dạy cô bài ca này đây ? »

— « Chả ai dạy cả. Đầu óc nghĩ sao tôi ca lên thành lời như vậy. Kẻ nào được quyền nghe sẽ hiểu, kẻ nào chẳng được phép nghe sẽ chẳng hiểu gì ? »

— « Tên cô em là gì hở, nữ ca-sĩ ? »

— « Kẻ rửa tội cho tôi biết tên tôi. »

— « Thề ai rửa tội cho cô em ? »

— « Tôi làm sao biết được ? »

— « Gớm bí mật thật ! Nhưng này, tôi biết ít nhiều về cô em đây nhé ! »

Nàng không biến sắc mặt mà cũng chẳng hé môi, làm như điều khám phá của tôi chẳng mấy may liên hệ đến nàng.

— « Tôi biết đêm rồi cô em đi dạo trên bờ biển. »

Và rồi làm ra bộ quan trọng tôi kể tỉ mỉ những gì tôi đã thấy, tưởng rằng nàng sẽ chột dạ ; nhưng tuyệt nhiên không ! Nàng phá ra cười rũ rượi.

— « Ông thầy nhiều, nhưng biết ít lắm, thôi cho những điều ông biết vào hũ mà nút nó lại ! »

Đền đây tôi nghiêm sắc mặt, làm ra bộ dọa dẫm, bảo ;

« Ổ, giả thử tôi có ý-định tường trình với vị chỉ huy thì sao nào ? »

Nàng nhảy phát dậy, trôi giọng ca và mặt dạn, như một con chim hoảng sợ lia bụi rậm. Câu cuối cùng của tôi thật chẳng đúng chỗ chút nào. Lúc đó tôi đâu có ngờ tầm quan trọng của câu nói ấy, nhưng sau này tôi có dịp hối tiếc.

Ngay lúc màn đêm vừa buông xuống, theo thói quen trong những ngày hành quân, tôi truyền tên Cô-Zắc đem nước. Tôi đốt một ngọn nến và ngồi bên bàn, phì phào tẩu thuốc giang hồ. Vừa cạn chén trà thứ hai thì có tiếng kẹt cửa, rồi có tiếng chân và tiếng áo sột soạt nhẹ nhẹ ở sau lưng ; tôi giật mình quay lại.

Ra là nàng— nữ thủy-thần của tôi ! Nàng tới ngồi đối diện tôi, chẳng nói một lời, đôi mắt nhìn tôi đắm đắm ; tôi không hiểu sao, nhưng cái nhìn của nàng thật đắm đuối ; gọi lại trong tôi những cái nhìn đã thao túng tôi trong khoảng đời qua. Nàng như chờ đợi một câu hỏi nhưng tôi nín lặng, lòng giạt giào một niềm bồi hồi vô duyên cớ. Vẻ nhột nhột trên khuôn mặt nàng bộc lộ một niềm sáo động trong tâm tư ; tôi để ý thấy bàn tay của nàng đang mơn man không chủ đích trên mặt bàn, rung lên nhẹ nhẹ. Khi thì ngực nàng trôi lên mạnh cao và, khi thì dường như nàng cảm hơi nín thở. Tần hải kịch bắt đầu làm tôi phát nản, tôi vừa định cắt đứt sự im lặng bằng cách thức thông thường nhất, nghĩa là mời nàng một chén trà, thì bất thình lình, nàng đứng phát dậy, hay tay quần lay cổ tôi và tôi cảm thấy làn môi uơn ướn, man dại của nàng xiết trên môi tôi.

Mắt mũi tôi tôi xăm cả lại, đầu óc ngất ngây. Tôi ôm xiết lấy nàng với tất cả đam mê của tuổi thanh xuân. Nhưng nàng trườn ra khỏi tay tôi như con rắn, đồng thời thì thảo bên tai tôi :

« Đêm nay, lúc mọi người ngủ cả, ra bờ biển. »

Nàng thoát ra khỏi phòng như một mũi tên.

Nàng làm chao cả ấm trà và cây nến gần trên nền đất ở phòng ngoài.

« Đồ quỷ cái ! » gã Cô-Zắc la, hần đang nằm trên ổ rơm, lơ mơ nhắm nháp chỗ nước trà còn lại cho ấm bụng.

Mãi đến lúc bảy giờ tôi mới tỉnh.

Vào khoảng hai giờ sau, khi bên hoàn toàn im vắng, tôi đánh thức tên Cô-Zắc.

Tôi dặn hần : « Nếu nghe thấy ta bắn một phát súng lục, thì chạy ngay ra bờ biển nhé. »

Hần trợn tròn mắt nhìn tôi và trả lời như máy :

« Bẩm ngài, vâng ạ. »

Tôi dắt khẩu súng lục vào thắt lưng và ra đi. Nàng đợi tôi ở bờ vách đá. Quần áo nàng hết sức nhẹ nhàng, một ché khăn bó gọn chiếc lưng mềm.

« Theo em ! » nàng cầm lấy tay tôi kéo đi và cả hai chúng tôi cùng leo xuống :

Tôi không hiểu sao tôi lại không ngã gẫy cổ. Xuống đến bên dưới chúng tôi ngoặt sang phía phải, men theo con đường tôi theo dõi thẳng bé

mù đêm trước : Trăng chưa lên, chỉ có hai đốm sao như hai ngọn hải-đăng hộ-mạng, lấp láy trên vòm trời xanh xăm. Những đợt sóng nặng nề theo nhau cuộn vào bờ với một nhịp điệu trăm trăm đều đặn, chỉ hơi làm rập rính con thuyền đơn chiếc buộc bên bờ.

Người bạn đường bảo tôi : « Chúng mình lên thuyền đi ».

Tôi ngần ngại, tôi chẳng phải là kẻ hâm-mộ những chuyện du-ngoạn tâm tình trên biển cả, nhưng lúc ấy còn lười sao được nữa. Nàng nhảy vào thuyền và tôi theo gót nàng ; tôi chưa kịp tỉnh-trí thì con thuyền đã bập bênh trôi.

Tôi cúi-kính hỏi : « Thề này nghĩa là thề nào ? »

« Nghĩa là » nàng dịu tôi ngồi lên mảnh ván ngang, quàng tay om lấy lưng tôi mà đáp, « nghĩa là em yêu anh ! »...

Má nàng kề sát má tôi, gần gũi đến nỗi tôi cảm thấy hơi thở nóng-hổi phả trên da mặt. Bất chợt một vật gì rơi tõm xuống nước. Tôi lẩn lưng — khẩu súng lục không cánh mà bay ! Trời ơi, lúc đó một mối nghi-ngại ghê gớm bùng lên trong tôi, máu tôi rục lên đầu lên óc ! Tôi nhìn quanh. Chúng tôi cách bờ chừng năm mươi sải, mà tôi thì lại không biết bơi ! Tôi cố đẩy cô ả ra, nhưng ả cứ quắp lấy áo tôi như một con mèo, rồi bất thành linh tôi bị xô mạnh một cái suýt lộn xuống bể. Con thuyền chòng chành, nhưng tôi ngồi thẳng dậy được và một cuộc vật lộn tuyệt vọng bắt đầu.

Giận dữ làm tôi tăng thêm sức mạnh, nhưng tôi nhận thấy ngay rằng tôi chẳng đo được địch thủ về phương diện dẻo dai...

Tôi bóp mạnh đôi tay nhỏ bé của cô ả, la lớn :

« Cô muốn gì ? »

Ngón tay cô ả kêu răng rắc, nhưng cái bản chất của loài rắn giúp cô ả chịu đựng nỗi cực hình, ả không hề môi kêu lầy một tiếng !

« Mà đã thấy chúng tao », ả đáp « mà sẽ đi báo ».

Và với một sức cổ găng phi phàm, cô nàng quật tôi ngã xuống mạn thuyền, cả hai chới với nửa người ở ngoài thuyền, tóc ả chạm mặt nước. Phút quyết định đã tới. Tôi tì một gối xuống khoang thuyền, một tay nắm lấy bím tóc, một tay xiết cổ, cô ả phải buông áo tôi ra và trong nháy mắt tôi hất ả vào lòng sóng biển.

Bây giờ trời hơi tối ; đầu cô ả nhấp nhô giữa đám bọt bề mặt hai lần rồi mất tăm.

Tôi tìm thấy nửa tay chèo cũ ở lòng thuyền, và sau một hồi cố gắng, tôi cũng xoay xở chèo lái vào được tới bên. Trong khi lần theo bờ biển về nhà, tôi vô tình đưa mắt nhìn về địa điểm đêm trước thằng bé mù ngóng đợi thủy thủ đêm khuya. Trăng đã lên, tôi thấy mờng tượng như có một bóng trắng ngồi trên bờ biển. Bị trí tò mò thôi thúc, tôi leo lên nằm sấp trên đám cỏ trên bờ vách đá. Chỉ hơi lộ đầu ra một chút là tôi có thể thấy tất cả mọi sự việc diễn ra ở dưới

kia một cách rõ ràng, tôi không ngạc nhiên lắm, nhưng có thể gọi là gần như mừng rỡ khi nhận ra vị nữ thủy - thần của tôi. Nàng đang gỡ bọt bề ra khơi mở tóc dài. Bộ quần áo ướt làm nổi bật những đường nét uyển chuyển của thân hình và bộ ngực nở nang.

Chẳng bao lâu một con thuyền hiện ra ở phía xa, lao đến vùn vụt như tên ; và cũng như đêm trước, một gã đàn ông đội mũ Tartar bước ra, tóc hắt cắt kiểu Cò-Zắc một lưỡi dao to bản lộ ra khỏi chiếc thắt lưng da.

« Yanko, hồng cả rồi ! »

Cuộc đàm thoại của họ tiếp tục, nhưng nhỏ quá tôi chẳng bắt được câu nào.

Cuối cùng Yanko cất giọng : « Nhưng còn thằng bé mù đâu ? »

« Em đã dặn nó tới. »

Một vài phút sau thằng bé mù xuất hiện, khệ nệ vác trên vai một cái bao mà sau đó họ chắt xuống khoang.

« Nàng mù này, nghe đây ! » Yanko nói với thằng bé mù. « Hãy canh chừng chỗ này nhé ! Mà hiểu ý tao chứ ? Có nhiều món hàng giá trị ở đây. Bao... » — tôi không nghe được tên — « rằng tao không còn là đây tớ của nó nữa. Lúc này công chuyện xem chừng có vẻ không xuôi. Nó chẳng còn thấy tao nữa đâu. Tao sẽ đi kiếm việc nơi khác, có là đèn mẫn kiếp nó cũng chẳng kiếm nổi một đũa nào dám vào sinh ra tử như tao. Nhớ nói thêm cho nó hay là, nếu nó bằng lòng trả tao khá hơn chút nữa cho bố cái

công khó của tao, thì tao không bỏ nó đâu. Với tao chồn nào còn gió lộng, sóng găm tao còn sống được. »

Ngừng một chút Yanko lại tiếp :

« Cô ấy đi với tao. Cô ấy không thể lưu lại đây được nữa. Bảo mẹ già là bây giờ mẹ đi chầu tiên tổ đi thì vừa, mẹ sống dai quá. Sống thế đủ rồi ! Còn về phần chúng tao thì mẹ chẳng hồng gặp lại nữa đâu ? »

« Còn em ? thằng bé mù hỏi, giọng thăm thiết.

« Tao cần mày làm gì cơ chứ ? »

Trong lúc đó nữ thủy thần của tôi đã nhảy vào thuyền. Cô ả đưa tay ra đầu cho người bạn đồng hành. Hắn dúm một vật gì đó vào tay thằng bé mù và nói thêm.

« Đây cầm lấy mua bánh mà ăn ? »

Thế thôi ư ? » thằng bé mù hỏi ?

« Ừ thì đây, cầm thêm ít nữa vậy ».

Đồng tiền rơi, va vào đá kêu leng keng.

Thằng bé mù không nhặt. Yanko ngồi vào thuyền ; gió từ bờ thổi ra ; họ trương cánh buồm nhỏ và vùn vụt lao đi. Giữa những con sóng đen như mực, lá buồm trắng lấp loáng dưới ánh trăng một lúc lâu. Thằng bé vẫn ngồi lặng trên bờ và rồi tôi nghe như có tiếng thồn thức. Quả là thằng bé đang khóc thật, nó khóc mãi khóc hoài, không sao cầm được nước mắt... Tôi nao nao cả dạ. Tại sao định-mệnh lại ném tôi vào giữa đám « buồn lậu khả kính » đang sống yên ổn kia ? Như một hòn đá ném vào dòng suối trong phẳng lặng, tôi đã khuấy động

sự bình yên của họ, và tôi đã may mắn khỏi chìm xuống đáy như một hòn đá !

Tôi trở về nhà. Ở phòng ngoài mầu nâu lụi cháy xèo xèo trên chiếc đĩa gỗ, và tên lính Cô-Zắc của tôi, ngược với lệnh truyền, hai tay ôm súng đánh một giấc say sưa.

Tôi để mặc hân nghi - ngơi, cắm nều vào lều Than ôi, hộp tiền, thanh gươm chạm bạc, lưỡi dao găm *Daghestan* — Kỳ-vật của một người bạn — đã mất sạch-sành-sanh ! Mãi lúc bấy giờ tôi mới biết ban nãy thằng bé khôn-kiếp vác bao gì. Đừng dùng lay tên Cô-zắc, tôi dựng hân dậy, mắng cho một trận, tôi giận uất người. Nhưng như vậy nào có ích gì ? Chẳng lẽ lại đi kêu ca với nhà chức-trách, rằng tôi đã bị một thằng bé mù cuôm cho một vỏ sạch-sành-sanh, và chỉ một ly nữa thì bị chết đuối vì một cô gái mười tám tuổi, để làm trò cười cho thiên hạ ?

Nhờ trời ngay sáng hôm đó tôi gặp được cơ hội, cuồn xéo khỏi Taman.

Sở phận mẹ già và thằng bé mù ra sao tôi không rõ. Và lại nỗi buồn vui của thế nhân đối với tôi — một sĩ quan lưu - động, hơn nữa, một kẻ mang trong tay mệnh sự vụ lệnh lầy ngựa trạm đi việc công như tôi — thì nào có nghĩa lý gì ?

Theo bản dịch Anh và Pháp ngữ :

« Taman » của J.H. Wisdom —
Marr Murray và « Tamagne » của
Alain Guillermou.

26 - 11 - 60

NGUYỄN - CHÂU

RƠI VỖ'

BÌNH HƯƠNG

Trời mơ sục đồ
Mộng thăm tan-tành
Vàng son rớt ánh lung-linh
Lạnh nghe vụn nát hương bình đượm say

Ngó rỗng đôi bàn tay
Ngơ-ngẩn
Gieo lạc đôi chân bước
Rã-rời
Héo động đôi môi
Tiếng vàng tắt lặng chuỗi lời yêu thương

Xa đâu một thuở
Gió hồng vương vương
Hương dâng ngát ngát
Tình đôi ta dào-dạt chảy vô bờ

Tỉnh giấc say mơ
Đất trời xơ-xác
Nghe dâng thê-thiết niềm tan-lác
Tay lỏng buông rơi cái lạnh hờ

NGUYỄN-HỮU-HIỆU

VƯỢT THÁC

★ VŨ-HẠNH



KHl tiếng nước réo sôi trong chiếc ấm đồng dịu lặn cùng với ngọn lửa lụi tàn, ông Tư-Mể lại nghe thêm rõ tiếng thác ào ào dội xuống lòng sông. Ông ngược nhìn gã con trai đang nằm chèo queo trên chiếc bè tre cắm ở ven bờ và hướng về phía quãng sông tỏa khói mờ-mịt, thấp-thoáng ẩn-hiện những ghềnh đá lớn nhấp nhô.

Ánh sáng thay dần từ màu tái nhạt sang màu vàng tươi, ngọn cây trên các đỉnh núi quanh vùng như cháy rực lên trong buổi hừng đông chói dậy vội vàng. Cảnh sống âm-thầm của khoảng rừng núi bao la nhường bước cho sự nhộn nhịp khi ngày trở lại. Ông Tư-Mể yên lặng ngồi nghe từng tiếng chim quen thuộc vọng đến từ các

bờ cây, hốc đá, từ tiếng bìm-bịp đột ngột trở canh, đến tiếng chèo-bẻo sắc sảo chào đón mặt trời, những tiếng bù-chao, chắc-hoạch rộn ràng trong những bụi lùm. Những tiếng chim ấy lần lượt kế tiếp nhau theo một thứ tự thời gian gần như cố-định của chốn sinh hoạt hoang-vu, khiến ông Tư-Mể thoáng có cảm tưởng rằng bao năm tháng trôi qua trên quãng đời mình không có chút gì thay đổi.

Ông giờ nấp ấm, đặt vọi xuống mớ lá khô dồn lại xế chiều ngày qua ở trên bờ sông, và cúi mái đầu bạc xuống để nhờ hơi nước từ trong lòng ấm bốc lên xông cho sáng tỏ đôi mắt già nua. Ông ngửi thấy mùi nồng chát của vị chè tươi và tìm lại sự xúc động khoan khoái quen thuộc hằng ngày.

Ông rót chè ra chiếc bát sành khá lớn, tay nâng ấm nước cao lên cho chè sôi bọt ở trong lòng bát. Qua vòi nước tuôn dài, ông Tư nghĩ đến những dòng thác lớn, cao vọi, đã từng vượt qua, một nỗi kiêu hãnh pha lẫn ít nhiều xót xa làm cho bàn tay của ông run rẩy nhẹ nhàng suýt làm bắn tung chè ra vành bát.

Đặt chiếc ấm xuống hai tảng đá nhỏ kê làm bếp nấu, ông Tư soè hai bàn tay gầy gò hẳn những đường gân to lớn, hong trên miệng bát, ngồi chờ nước nguội.

Người con trai ông Tư vẫn chưa chịu dậy. Bây giờ già đã quay đầu về phía bờ sông để tránh ánh nắng sáng loá giữa dòng chiếu hắt ngược lên. Gã nằm ngửa, hai chân co lại kẹp lấy đôi tay, đầu hơi ngược về phía sau khiến cho cổ gã dài ra và vẻ mặt gã càng thêm thiếu ngủ. Cái mền đã cũ bị gã đạp dồn xuống dưới chót cùng của tấm chiếu lát sền mền, một chéo tung ra thành bè chực rơi xuống nước.

Ông Tư nhiều lần muốn gọi con dậy nhưng nhìn cặp mắt nhắm nghiền và hơi thở nhẹ phỉ phò đều đặn qua hai manh áo vải nâu che trên lồng ngực ốm-o, ông lại cố nán chờ đợi. Tự nhiên, ông Tư cảm thấy một nỗi cô-độc lạ lùng bao phủ lấy mình. Hầu như núi rừng, chim muông, dòng sông lơ dờ trước mặt, tiếng thác rì rào dăng xa, và người con lớn của ông đang nằm im lìm, mê mết, tất cả đều thuộc về một cõi khác, mỗi lúc rời xa hẳn ông, không còn quan-hệ với ông như trước. Ông đưa hai tay vuốt lấy mặt mình, thấy bàn tay chai đá cọ xát vào những nếp nhăn như chạm vào một thân cây cần cỗi. Ông cất tiếng kêu :

— Cả Hộ ! Người con trai ngã đầu tới về mặt đột nhiên tỉnh như táo vừa bừng dậy sau cơn suy tưởng, cặp mắt mở nhìn chòng chọc về phía bếp lửa đã tàn.

— Dậy con ! Trưa hung rồi đó. Uống một bát nước chè nóng rồi cha con mình xuôi thôi. Qua khỏi ngọn thác ta sẽ thối cơm ở ngõ Suối Dài.

Ông Tư tránh nhìn vào mặt con mình, vừa nói vừa cúi rót phần chè tươi còn lại trong ấm vào chiếc bát sành. Cả Hộ chần rãi ngồi dậy, thừ người một lát để nhìn cái bóng của mình chiếu dài xuống nước với mớ tóc bù, rồi uể-oải bò lại chỗ sợi dây mây neo bè vào một gốc cây, ỉ-ạch kéo mạnh cho bè đậu sát bờ sông. Những người đi bè trong lúc về đêm phải ngủ xa bờ để tránh thú dữ và chỉ có những trường hợp hết sức đặc biệt mới gặp những con hổ đói phiêu-lưu dám lội xuống nước tìm mồi. Gã đứng lên, loang choạng ở trên mạn bè chòng chành đùa nước bì bọp ven bờ, rồi nhảy một bước nặng nề lên bãi.

*
* *

Ông Tư đợi con uống từng ngụm một cho cạn bát nước, mới cất giọng nói khàn khàn cố gắng cho được ngọt ngào :

— Cả à, tuổi tao năm nay là sáu mươi hai rồi đó. Sáu mươi hai tuổi cũng chưa phải già nhưng mà hồi trẻ tao cực quá đấy, phải đi phụ bè từ lúc mười lăm cho đến năm ba mươi tuổi mới đủ số vốn buôn riêng một mình. Từ ấy đến nay lên thác xuống ghềnh trang trải bao nhiêu công nợ của ông nội mày, rồi còn mua đất, mua vườn, dựng nhà,

dựng cửa, nuôi cho chúng mày khôn lớn, làm sao mà không suy mòn cho được? Bây giờ tao biết tình yếu lắm rồi. Chỗ g bè qua vài ngọn thác đã thấy hại hại chân tay. Ngồi suốt cả ngày dưới nắng, tối đến là không ngủ được. Nhưng tre tàn thì măng mọc, tao còn trông cậy ở mày. Đôi khi tao muốn nghỉ hẳn nghề này để mày ăn học rồi theo nghề khác nhưng mà tính thể không xong. Em mày thì đông, mẹ mày thì già, khó lòng để mày ngồi yên trên ghế nhà trường. Chỉ có con cái những nhà có của mới tính cái việc ăn học lâu dài. Nhà nghèo mà học như mày tao-tưởng cũng nhiều rồi đó. Với lại cái nghề đã nuôi gần trọn đời tao, đã gây dựng nên gia-nghiệp của mình, bỏ đi sao được? Mình mua tận gốc mình bán tận ngọn, sống cảnh trên trời, dưới nước, chẳng ai ràng buộc chi mình. Kề chi nỗi khổ dọc đường qua mấy thác ghềnh? Mày xem có cái nghề gì mà không khổ sở gian nan? Nghề gì rồi cũng có thác, có ghềnh, Cả à. Đừng có sợ khó mà hư con người. Tao thấy cái cảnh ăn không ngồi rồi, là hại một đời, đó Cả.

Giờ chỉ có mày là lớn, rón mà chèo chống nuôi lũ em mày. Có ta chỉ dẫn cho mày đường đi nước bước, một năm hai năm là thạo thành rồi. Chừng đó tao có chết đi thì cũng yên lòng. Nếu trời cho tao còn sống thì cũng vui vẻ cảnh già với lũ cháu con. Vậy mà qua thác Kha-Li rồi thác Bà-Chầu mày cứ đòi băng gỗ núi không chịu cùng tao ngồi bè vượt thác là có làm sao? Đâu có vậy được, Đi bè phải giữ lấy bè, chết sống với bè mới được. Nhưng nghĩ mà xem, có gì là khó lắm đâu? Mười lăm tuổi đầu tao đã vượt thác rồi đó. Nay đã già rồi, cũng chẳng kề gì nữa đó. Tuổi Tị của mày năm nay là hai

mười một, à, hai mươi hai, chớ có ít ỏi gì đâu! Thôi đi, Cả à, mày cứ can-dảm một chút, chịu khó một chút là xong hết cả, vượt được một thác thì bao nhiêu thác cũng coi là thường. Ra đến giữa dòng mày chỉ bám chặt xuống bè, khi bè lao theo ngọn thác thì mày cố tin hơi thở, cứ nhắm mắt lại, bè chìm xuống lòng hồ sâu rồi theo dòng nước chảy xuôi mà trôi lên ở mặt sông. Chỉ trong chốc lát, thế là thoát rồi.

Cả Hộ vẫn ngồi nhắm chăm nhìn ra mặt sông, không nói năng gì. Ông Tư đứng lên, gài cái khuy áo ở trên lồng ngực, kéo hai ống quần xéch lên cho gọn, rồi bảo:

— Đi con, cha chỉ có con là lớn, phải biết nghe lời. Vượt thác đôi lần rồi con lại thêm, lại nhớ cho coi. Đi trên con sông bằng phẳng nó buồn chán lắm, mình không thấy được tài sức của mình. Thác ghềnh nguy hiểm bao nhiêu con người cũng vượt như chơi. Cha nghĩ, cái gì rồi người cũng chống chọi được, Cả à. Bây giờ thì còn có mỗi một cái thác này là gần như xong con đường rồi đó. Thác Mang-Mang này chảy mạnh hơn thác Bà-Chầu, hơn thác Kha-Li, nhưng chảy càng mạnh thì qua càng mau, thoáng chốc là vượt xong rồi. Ở trong gian-nguy không phải chỉ toàn có những cái khổ hành-hạ con người, đừng nên nghĩ thế mà lắm. Chấn được cái nguy, cái nguy nó đẩy mình lên, vui lắm đó Cả. Vượt một cái thác chẳng qua như uống bát nước chè nóng vậy thôi. Thế mà bỏ thác leo quanh bờ núi có khi mất nửa ngày trời. Đứng lên, con à, gài chặt đồ đạc cột kỹ vào bè, rồi cha con mình xuôi sớm. Có ước bao nhiêu chẳng sợ. Tối ngó Suối Dài đem ra phơi phơi ngoài bãi, chốc lát là ráo khô rồi. Đi với

cha đây, không có việc gì phải ngại. Bình-tĩnh một chút mà thôi.

Ông Tư úp cái bát sành lên trên nắp ấm rồi đem xuống bè. Cả Hộ quay người nhìn quãng rừng núi trùng điệp ở sau lưng mình rồi chống hai tay lên gối đứng dậy. Gã bước nhẹ nhẹ lại phía bờ sông, liếc nhìn rất nhanh ra phía ghềnh đá lô-nhồ giữa dòng, lưng-lự gậy lát trước khi bước xuống. Gã đứng chập-chạng giữ lấy thăng-bằng trên những cây tre chao đảo rồi ngồi phịch xuống quờ tay gối những chân chiếu bỏ vào một cái bầu nhỏ trát chai kỹ-lưỡng. Ông Tư cầm chiếc sào dài đứng ở cuối bè nhìn về quãng sông trước mặt nhưng vẫn chú-ý theo dõi cử-chỉ của con. Giây phút im lặng kéo dài và tiếng thác nước tưởng như vang-dội mãnh-liệt khác với ngày thường.

— Cả à, ta đi trên quãng sông này gần năm mươi năm rồi đó. Ta quen thuộc nó hơn quen nhà cửa của mình. Mỗi một cái ghềnh, mỗi một bờ đá ta nhớ như in, như khắc trong đầu. Ta rõ lòng sông hiểm trở hơn rõ lòng người nhiều lắm. Con chưa thấy khi nước lụt tràn về, dòng sông lên cao ngập cả ngọn tre ven bờ kia lặn. Nhìn về phía trước ở bên tay trái mà xem. Có thấy rêu rác bám trên những ngọn là-ngà đó không? Đã ba bốn tháng qua rồi mà dấu mực nước vẫn còn. Đây giờ mình đi trong con nước dịu, thiệt là dễ dàng không biết chừng nào. Lòng sông, nó còn hiền lành hơn là lòng dạ nhiều người ở chốn phố phường nữa đó. Nó nuôi sống mình, và cũng như loài thú dữ chỉ hóa hung ác khi mình sợ chúng mà thôi. Đừng sợ, Cả à, ta đã già rồi, yếu rồi, chỉ còn trông cậy ở mỗi mình con. Mở cái dây neo rồi cầm lấy cây

sào chống. Ra đến giữa dòng trên thác thì con cứ ngồi cho vững, để đó mặc ta.

Cả Hộ tháo sợi mây cột bè và ném xuống nước. Gã nghe lời cha một cách lạnh lùng, vẻ mặt lăm li như mồi dấm chiêu theo một ý nghĩ bận rộn bên trong. Ngồi ở mạn bè quờ tay rút cây sào chống, gã thông thả đưa xuống nước và cứ ngồi thế đẩy bè lui ra. Mảng bè to lớn chòng chành giãy lắt rồi lừ lừ tiến ra giữa lòng sông rộng rọi nắng chói chang. Cả Hộ rút vôi cây sào gài vào thân bè và lết vào giữa, hai tay xang ra chống xuống thân tre nện chặt, bó sát từng lớp lớp dày. Gã không dám ngó trước mặt, chỉ ghéch đôi mắt nhìn nghiêng về phía bên trái, ngắm nghía mấy lớp rác rêu còn đọng trên ngọn tre cao.

Ông Tư cúi khòm trên cây sào chống cố giữ cho bè từ từ trôi nhẹ vào giữa lòng thác Mang-Mang. Mái tóc bạc trắng của ông phản chiếu ánh nắng phát phơ theo ngọn gió sớm man mát thổi về từ các đỉnh non xa vời. Những ngón chân ông bám chặt vào dưới mặt bè như bám vào mảnh đất sống lênh-dênh quen thuộc lâu đời, đủ sức chuyển tiếp cho ông sức mạnh của lòng tự tin vững chãi.

Mảng bè cứ thế trôi đi, yên lặng, lừ lừ tiếng vào giữa dòng. Bỗng nó tránh hẳn một phía khiến cho Cả Hộ suýt nhào khụy xuống, rồi lại giữ lấy thăng bằng như cũ :

— Ở đây có vạt đá ngầm rộng lắm, sắp vào lòng thác, đó Cả.

Bất giác, gã trai trẻ nhìn lên trước mặt và thấy một khoảng nước rộng cuộn tròn lăn mình xuống một vực xa. Những tiếng ầm ầm vang động mỗi lúc một gần như trút tất cả ồn-ào khủng khiếp của chốn núi rừng

hoang vu đề xoáy sâu vào địa phủ. Các ghềnh đá nhô lên, nhọn hoắt, lởm chồm như loài quái vật chĩa nanh giơ vuốt trong những thế đứng hết sức dị kỳ. Bọt trắng tung toé toả mờ từ xa như lớp sương dày che cả núi, rừng phía trước. Dần dần gã cảm thấy chiếc bè trôi nhanh như vầng heo một sức hút phi thường cuốn về giữa thác. Hốt hoảng gã quay nhìn về cuối bè. Ông Tư Mễ cầm ngang cây sào đứng yên như một tượng đồng, đôi mắt không chớp nhìn về trước mặt, uy nghi như một viên tướng đứng mãnh bắt đầu lâm trận.

Gã bỗng kêu lên :

— Sắp vượt thác chưa ?

Tiếng nói ông già vang lên trong sự trút đồ vang ầm mỗi lúc càng thêm dữ dội :

— Chưa đâu. Lòng thác còn dài.

Gã cố chồm lên và vội thụp xuống khi thấy lườn nước như một sức cuốn phủ phàng nhào đi trước mặt. Bỗng gã rú lên :

— Thôi đi ! thôi đi !

Ông già hét lên :

— Đừng sợ !

Gã nhào ra ở mạn bè :

— Cho con lên bờ ! Không dám vượt thác... Con nhảy xuống nước !

Ông già giận dữ bước đến hươ cây sào lên như muốn giáng xuống trên đầu con mình, rồi bỗng dừng tay, quát lên hùng hổ khác thường :

— Ngồi yên trên bè, đừng sợ !

Nhưng gã tru tréo kêu lên :

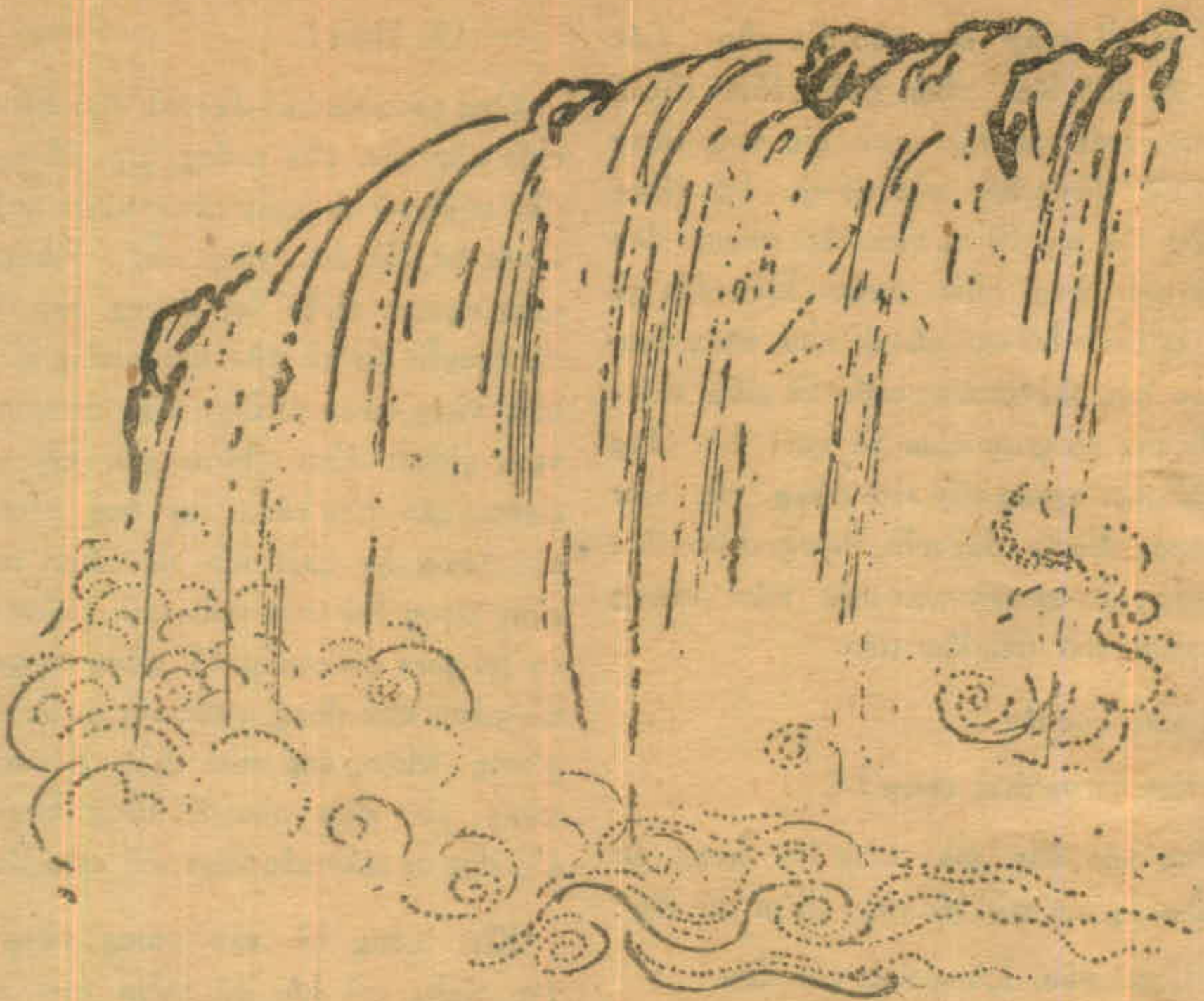
— Không ! không ! con không ngồi được trên bè. Con nhảy xuống nước bây giờ !

— Đồ khốn !

Ông già nhào tới đầu bè, thu hết sức lực chìa cây sào dài xuống lớp đá ngầm, cố đẩy trạch bè ra khỏi dòng nước cuốn trôi. Đuôi bè lắc lư, vung vẩy, nhưng muốn quay ngược chiều lại nhưng ông Tư Mễ đã chuyển tất cả gân sức hướng bè tiến về một vùng nước phẳng, nằm trong một khu vực ghềnh lởm chồm gần kề. Những đường gân trên cánh tay ông như những sợi thừng săn chặt đến độ căng thẳng tột cùng trong khi toàn thân quì xuống mạn bè co lại giữa thế chống đối giằng co quyết liệt để giành chủ động trước sức nước đầy phủ phàng. Miệng ông mím chặt, đôi mắt trợn trừng, sắc máu nhuộm hồng khuôn mặt đỏ dần ra màu nâu đậm rồi màu tím sẫm.

Khi mảng bè vào trong vùng nước yên tĩnh, mồ hôi đã thấm ướt sũng áo quần của ông Tư Mễ. Suốt quãng thời gian khá lâu chống chọi với sức nước cuốn ông lão không nói một lời, không quay nhìn lại đứa con đang bám chặt xuống thân bè, tóc buông xủ dài trong cái dáng điệu vô cùng thiếu-não. Đến lúc cho bè đậu vào sát bờ ông lão mới thả cây sào, chống đôi tay run rẩy lên sườn và giương cặp mắt trợn trừng che mờ mồ hôi chảy xuống từ một vầng trán nhăn-nheo, quay nhìn chăm chăm Cả Hộ. Ông nói quát lên trong một hơi thở hào-hển một nhọc khác thường :

— Bước lên ! Đồ khốn ! Chun vào bờ bụi mà đi cho được bình yên cái mạng của mày. Để mày ăn học thêm được nhiều năm ở trường là như vậy đó. Sợ khó, sợ khổ, chỉ muốn chui rúc cho xong cái kiếp tội tàn. Mày làm



khô tào bao nhiêu, mây có biết không? Tào chết ở trong gan ruột vì mây đây này. Cùng đi một lần mà bao nhiêu cù bề tre đã về tận nơi tận chốn còn tào thì cứ lênh đênh trên nước đợi mây bỏ theo dọc núi mà đi để tránh thác ghềnh. Khốn nạn cho mây, đừng tưởng núi rừng là chỗ nghỉ ngơi và chứ có hồng cuộc sống ngồi mát ăn vàng. Nhục nhã cho mây lắm đó! Mạt kiếp cho mây! Nếu không thương hại mây thì tào đã đạp đầu mây xuống nước từ lúc này rồi. Bước gấp lên đi, còn đợi chờ gì, hờ thằng khốn nạn lạc nòi kia hử?

Ông Tư còn nói, còn chửi nhưng giọng ông lạc hẳn đi, đầu vàng, tai ù, ông thấy cổ mình nghẹn lại và hai ống

chân bủn rủn không sao đứng vững ở trên mặt bè bỗng nhiên như đang quay đảo, chập chòn.

Cả Hộ cúi đầu lúi đi qua những bụi cây chẳng chịt, không dám quay nhìn trở lại. Gã có cảm tưởng cặp mắt giận dữ của người cha già như hai mũi nhọn còn đuổi theo sau, đâm mạnh vào nơi ót gã. Gã không dám nghĩ đến việc vừa qua và cố vạch gai chạy theo bờ sông gập ghềnh, um tùm cây lá. Khi lên đến một dốc cao, đã mệt lắm rồi, gã bèn dừng lại để thở, cúi nhìn trở xuống.

Người cha già nua với bộ quần áo vải đen bạc màu và mái đầu bạc xóa ngồi im dưới nắng như một tảng đá lạc loài ven sông. Gã thấy ái ngại trong lòng, không muốn

đi nữa, cứ đứng tần ngần nhìn mãi màu người bất động lâu lâu mới thấy lác lác theo mảnh bèo chao dưới sóng theo cơn gió mạnh từ đâu đột ngột thổi về.

Nhưng rồi cuối cùng người cha già yếu của gã từ từ đứng dậy. Gã muốn kêu lên một tiếng thật to nhưng cổ họng nghẹn lại khiến gã đứng yên bối rối trong lòng. Chiếc bè từ từ trôi ra giữa sông và hình ảnh ông già lẻ loi trở thành nhỏ bé quá chừng giữa khoảng nước rộng. Lưng ông như khòm hẳn xuống và cái dáng điệu không còn vững mạnh như trước. Đến gần ngọn thác dòng nước cuốn bè phăng phăng trôi đi. Bỗng chốc gã thấy cha mình như mất thăng bằng, lao đảo ngã xuống, đánh rơi mất cả sào chống. Nhưng trôi một phút, ông lão chồm lên, rồi lại loạng choạng nhào tới. Mảnh bèo vùn vụt trôi mạnh tiến vào ngọn thác như một mũi tên không lối phóng vào miệng hố sâu thẳm. Thình lình, mảnh bèo không có người lái, chồm lên, tuôn mạnh vào một thớ ghềnh rồi dội hẳn lại, ông lão bật ngã chới với nhào xuống giữa dòng thác lũ cuốn tràn.

Cả Hộ chớp vội mi mắt, tưởng chừng nhào theo, hốt hoảng bám vào một cành gai lóm bên mình. Gai xóc dầy tay nhưng gã không thấy đau đớn, không nhìn thấy máu rỉ tuôn ở trên da thịt. Gã cứ nhướn người, cố tìm bóng dáng người cha nhưng thác nước lũ hung-hăng đã xoáy sâu vào lòng hố, chỉ có bọt xoá trắng ngầu và ít rêu rác thỉnh thoảng hiện lên rồi bị giật đi. Mảnh bèo không chủ phóng xuống vực sâu rồi chìm mất dạng. Lát sau về phía trước xa, ở một mặt thác nước bình hơn, mảnh bèo bỗng nhiên hiện lên như rút ra khỏi nanh vuốt thác ghềnh và theo dòng sông lướt tới.

Cả Hộ chăm chăm nhìn theo cho đến lúc mảnh bèo chỉ còn là một vệt mờ ở trên mặt nước dằng xa. Qua một khúc sông rẽ ngoặt, vệt mờ vụt xóa tan đi. Gã cứ đứng yên, đầu óc tê dại không còn biết nghĩ-ngợi gì. Lâu lắm, gã mới nghe tiếng lóc cốc của con mố kiến ở trên một ngọn bương cao.

Gã ngược nhìn lên. Mặt trời đã lách qua khỏi khóm giang, vãi nắng tung toé lên trên người gã.

Mặt thác lạnh lùng vẫn tuôn tràn về lớp lớp xuống lòng vực sâu xoá bọt trắng ngần vang động tiếng ồn dữ dội.

Tự nhiên, gã cảm thấy nổi cô độc lạ lùng và khắp núi rừng tỏa lên một sự lạnh lẽo vô cùng khủng khiếp. Rồi mối đe dọa từ đâu vây bọc lấy gã. Tiếng nước réo gầm gào thét ghê hồn, sườn dốc như cao vụt lên và cây rừng, đá núi che dấu bao nhiêu bí mật hãi hùng. Gã kêu thét lên như tiếng rí dãi hốt hoảng và nghe từ trong hốc núi âm-u, từ dưới vực sâu thẳm thẳm nhiều tiếng dội vang quái gở lạ lùng. Gã vụt chồm dậy, lao mình về trước, bươn qua gai bụi um tùm, cố tìm lấy một lối thoát.

*
* *

Đã mấy hôm rồi, mảnh bèo cứ trôi theo sức nước dùa, ngần ngại dừng lại ở các ghềnh đá giữa dòng rồi lại quày quã trôi đi. Có lúc về đêm nó tấp vào một bãi rộng, lừ đừ men theo một bờ sỏi vụn như tìm chỗ nghỉ ngơi rồi theo sức dầy bất thần của một luồng nước tràn lên cùng với một cơn gió núi bốc dậy, vội vã hướng về lòng sông lổm đổm sao khuya. Đôi lần trong khi lững lờ, gặp một ngọn suối chảy vội ra sông, mảnh bèo bị xô rạt về giữa dòng rồi lại lênh đênh

đề tấp vào một vịnh nhỏ tỏa bóng đen dày từ những cành si cổ quái sà trên mặt nước. Năm dấy nhiều ngày, mảng bè đóng lớp rêu xanh dày cộm lại bị lá úa tuôn đầy như một nắm mộ bập bênh, rồi dòng nước lũ đột ngột tràn tới, kéo đi hết sức vội vàng.

Cứ thế, mảng bè vô chủ trôi xuôi, ngày lại qua ngày. Rồi một buổi chiều mảng bè bị dây nằm ngang vào hai ghềnh đá giữa dòng sông hẹp. Nước sông bị ngăn đón lại bất ngờ, vọt qua mảng bè, biến thành một cái thác nhỏ. Cách một ngày sau, một cái xác chết chương ình đã bị ria rói nhiều chỗ tấp về. Nhiều người xuôi sông, bị nghẽn mất đường, hì hục kéo bè ra khỏi kẹt đá, hốt hoảng khi nhìn thấy xác đã gần rục rã. Vài người căn cứ vào mái tóc bạc, vào bộ

áo quần và cái vóc dáng kẻ chết, đoán chắc là ông Tư Mế.

Còn người con trai ông Tư thì không thấy gã trở về. Mẹ gã mỗi ngày vẫn ra ngoài ngó đón những lái buôn quen thuộc đề hỏi thăm chừng. Nhưng không một ai biết gã trôi giạt về ngã lối nào. Họ chỉ nghe nói phong thanh vài người kiếm củi ở gần Rừng Lá dưới thác Mang-Mang có gặp nhiều mảnh vải nâu dính máu khô đen phất, phơ trên một nhánh gai trong núi và một sợ người da thịt bị găm nham nhỡ nằm lẫn dưới gốc một bụi chà, là còn in móng vuốt cào cẩu của cọp. Nhưng họ không chắc đó là Cả Hộ, bởi vì gã phải theo bè cùng với ông Tư, làm sao mà lọt vào trong rừng được ?

2/61

VŨ-HẠNH

ĐẠI NAM VĂN HIẾN

Sắp cho trình bày :

NGƯỜI THƯƠNG BINH

LIÊN KHU

Truyện dài

In cùng với hai tập :

Tiếng đàn trầm buồn

Truyện vừa

Chàng văn - sĩ đất Tề

Truyện ngắn

Của THẾ - PHONG

140 trang lớn giá 100\$ bán ở Saigon

Các nhà thơ, nhà viết truyện, nhà soạn kịch sáng tác như thế nào ?

Nêu cuộc phỏng vấn đầu tiên của Bách-Khoa : « Ý kiến các văn nghệ sĩ về truyện ngắn Việt và quốc tế hay nhất » là do chúng tôi khởi xướng thì trái lại cuộc phỏng vấn thứ hai này hoàn toàn do độc giả gợi nên.

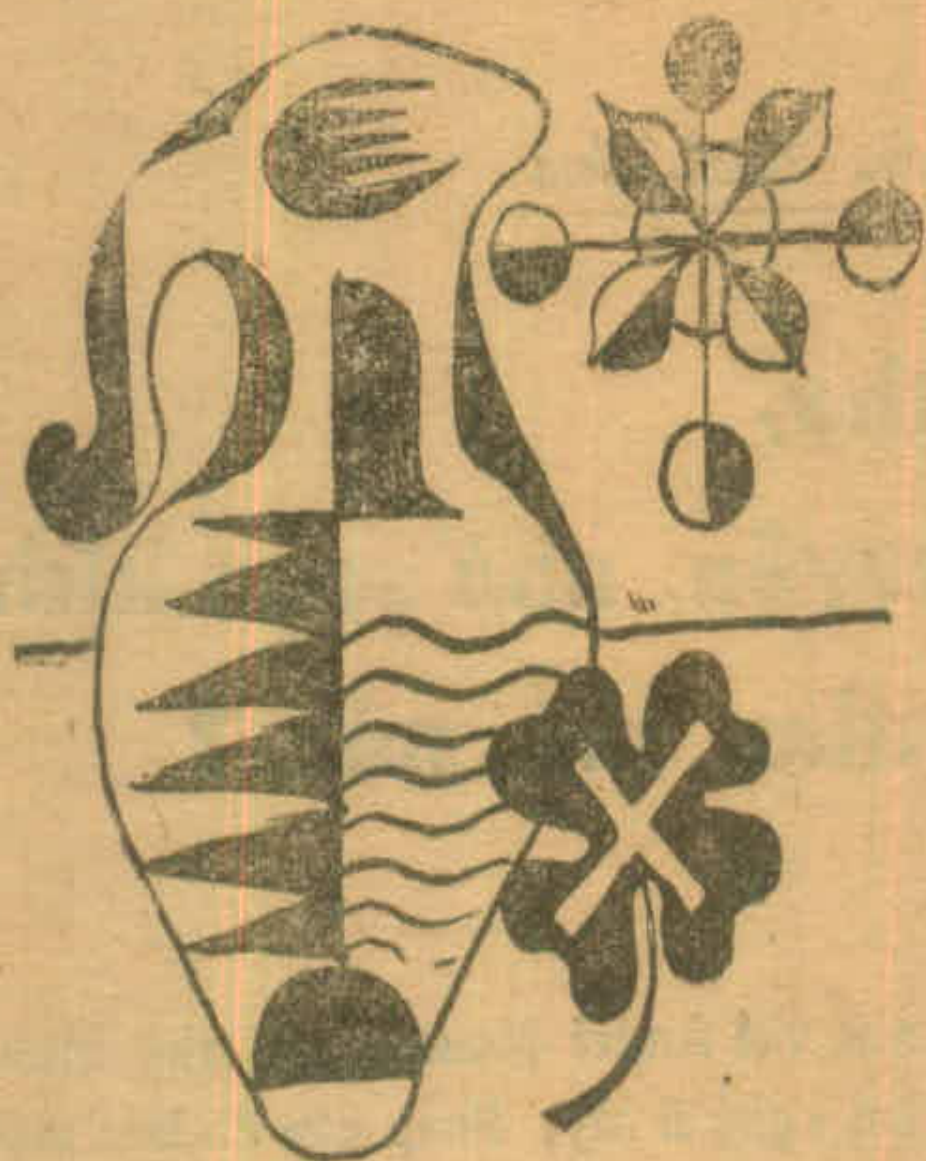
Các bạn muốn rõ, hoặc...: « Các nhà văn nghệ sáng tác để làm chi ? Để cho mình hay cho thiên hạ ? Để cho bây giờ hay để cho mai sau », hoặc : « Họ sáng tác theo một đường lối nhất định nào hay là tùy hứng ?... Có một số bạn tò mò mong được biết những gì đã xảy ra trong tâm trí và trên trang giấy của tác giả từ khi tác phẩm bắt đầu thai nghén cho đến lúc nó thành hình ; lại có một số bạn ước ao được nghiền ngẫm những kinh nghiệm sống của các văn nghệ sĩ trong loại văn chuyên môn của mình.

Nhiều bạn cho rằng trước kia, nhà thơ Edgar Poe cho biết mình sáng tạo bài thơ « Con quạ » ra sao và giờ đây

nhà văn André Maurois tự phê bình, hai nghệ sĩ Mỹ, Pháp này đã làm một công việc rất hữu ích. Vì nếu hai ông không nói trước thì hẳn mai sau, người ta chẳng biết giảng giải cách nào cho đúng với sự thật, lắm khi lại còn vô tình hay cố ý vu oan cho những người đã khuất. Hương hồn của Nguyễn-Du ở nước ta đã mấy phen... ngơ ngác dưới lưỡi dao giải phẫu rất duy vật của Nguyễn-Bách-Khoa và cặp mắt rất khoa học của Trương-Từ. Quả là : « Đường xa nghĩ nổi sau này mà kinh »,

Và chúng tôi chỉ còn có mang những điều muốn biết chính đáng trên đây đèn gõ cửa những nhà thơ, nhà viết truyện (ngắn và dài) nhà soạn kịch quen biết. Mong rằng các cánh cửa sẽ mở cả, không sớm thì chầy, không rộng thì hẹp để gây chút xôn xao gì trong khu vườn văn nghệ vốn im lìm.

NGUYỄN-NGU-Í.



SINH-HOẠT

★ THU-THUY ★

Một kẻ hiển kế cho Tây-phương



HỒI giữa năm 1960, trong một quyển sách nhỏ chừng 100 trang (*Il est moins cinq*). Suzanne Labin bày tỏ sự thất vọng về tình cách thụ động của Tây

phương trước cuộc chiến tranh chính trị, trước hoạt động tuyên truyền vô cùng nguy hiểm của khối cộng sản. Theo nữ tác giả ấy,

nếu không có sự chuyển hướng trong đường lối chính trị của các nước dân chủ thì không thể chống lại nổi cộng sản. Từ đó đến nay Hoa kỳ đã thay đổi một vị tổng thống; Hoa kỳ là nước trụ cột của khối tự do trong cuộc đối đầu với cộng sản, người ta đang chờ xem đường lối của chính phủ mới khác chính phủ cũ như thế nào, hiệu lực hơn kém ra sao.

Suzanne Labin cho rằng khối tự do biết lập những liên minh quân sự để tự vệ, cái đó rất tốt. Nhưng từ ngày có khí giới nguyên tử, một cuộc chiến tranh thực sự

có thể giết cả nhân loại, cho nên khó xảy ra. Quan trọng nhất bây giờ thành ra là cuộc chiến tranh chính trị, tức là tuyên truyền.

Cộng sản đã thôn tính nhiều xứ Trung Đông Âu nhờ tuyên truyền, đã thôn tính Trung-hoa nhờ tuôn truyền: tuyên truyền người Trung-hoa và tuyên truyền cả đến những nhà chính trị Hoa kỳ có trách nhiệm nghiên cứu sự giúp đỡ Trung-hoa lúc ấy, làm cho họ tin một cách ngây thơ rằng Mao-Trạch-Đông không làm cộng sản, Mao chỉ chủ trương một cuộc cải cách ruộng đất thôi. Đến bây giờ mà ở các xứ tự do vẫn còn câu: «Ồ! ngữ đó là giọng điệu tuyên truyền. Ăn thua gì!» Cái nguy là lúc này chỉ có giọng điệu tuyên truyền mới ăn thua. Nếu các xứ tự do còn tiếp tục câu nói trên, sẽ còn nhiều xứ nữa ngã vào tay cộng sản. Thời buổi này lời nói là bom đạn, một tờ báo lớn có giá trị hơn mười chiếc hàng không mẫu hạm, một cuốn phim tác hại hơn mười hạm đội, ông bộ trưởng thông tin quan trọng ngang ông bộ trưởng quốc phòng. Bất cứ người nào của khối tự do, mỗi sáng thức dậy đều nên tự nhắc rằng hiện thời cộng sản đang dùng vào công cuộc tuyên truyền:

— hai tỉ đô-la mỗi năm.

— nửa triệu nhân viên trên thế giới.

Hai con số ấy nêu lên một hiện tượng mới lạ, chưa từng có trong lịch sử nhân loại. Ước lượng sai lầm về tầm quan trọng của nó là vô cùng tai hại.

Đội quân chủ lực, tức các đảng Cộng-Sản ở các nước tự do, tất cả gần 6 triệu đảng viên trong đó có 150 000 cán bộ hoạt động nòng cốt. Các đảng cộng sản

bao giờ cũng được trang bị về phương diện tuyên truyền (báo chí, truyền đơn, sách vở, nô san v.v...) từ 50 đến 100 lần nhiều hơn bất cứ chính đảng nào khác, tính theo tỷ số đảng viên.

Nhưng mục tiêu chính yếu cuộc chiến tranh chánh trị của họ không phải là lôi cuốn thêm nhiều người tin vào chủ nghĩa cộng sản mà là gây ra sự hoang mang lưỡng lự trong xã hội đối phương, gây ra một dư luận ủng hộ chính sách đối ngoại của Nga Sô. Thường thường họ chỉ cần một số ít đảng viên tích cực để cướp được chính quyền tại những nước mà dư luận chính trị bị lung lạc dao động. Bởi vậy sự phát triển của các đảng cộng sản không đáng chú ý bằng những tổ chức thân cộng đang bành trướng khắp các nơi, dưới những hình thức thiên biến vạn hóa, hoạt động rất phức tạp. Những hạng người tay sai trong các tổ chức ấy có khi phục vụ cho cộng sản mà không tự biết như thế, họ bị lừa dối rất khéo léo để làm lợi cho chính sách của Nga Sô: có khi bằng tình bạn hữu, có khi bằng lợi lộc danh vọng, có khi bằng sự khích khí ở thời thượng... Thường họ không cần biết đến và khoa trương với ai về những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản, nhưng chẳng hạn họ bên bờ vực chủ trương đòi quân đội Mỹ rút khỏi châu Âu, mà lơ đi trước việc quân đội Nga đóng ở Hung-Gia-Lợi, họ phản đối những liên minh quân sự Đại-Tây-Dương, Thái-Bình-Dương mà không phản đối liên minh quân sự Varsovie, họ la ó đòi ngưng chỉ thí nghiệm vũ khí nguyên tử mà bỏ qua vấn đề kiểm soát, họ tán thán chủ trương giải phóng Đài-Loan của Mao-Trạch-Đông

v.v... Khi những luận điệu như thế được những tổ chức, những cá nhân tản mát khắp nơi, cứ tung ra truyền bá hướng dẫn dư luận quần chúng, thì rồi dần dà cái hoạt động vô danh ấy sẽ làm chủ dư luận, và thái độ quần chúng sẽ quyết định đến chính sách các nhà cầm quyền ở những xứ tự do.

Lấy trường hợp một nước Mexique mà xét, trong 30 triệu dân chỉ có 10 nghìn đảng viên cộng sản, ở hai nghị viện chỉ có 2 ông nghị viên cộng sản, nhưng những cơ quan ngôn luận cộng sản và thân cộng sản gồm có 3 tờ nguyệt san, một tờ bán nguyệt san, 2 tờ tuần san, 33 tờ nhật báo phát hành vừa toàn quốc vừa ở địa phương. Ngoài ra có 3 nhà xuất bản, 3 nhà phát hành làm việc cho họ, có 3 viện đại học chịu ảnh hưởng của họ. Luận điệu họ tung ra nhiều khi không hợp lý thuyết cộng-sản, nhưng lúc nào cũng phù hợp với đường lối đối ngoại của Nga xô. Thế là đủ lợi cho họ rồi.

Phương tiện hoạt động như thế không phải chỉ bằng báo chí mà thôi. Hoạt động tuyên truyền của họ có thể mang hình thức những cuộc trao đổi văn hóa, những quan hệ ngoại giao, những cuộc dàn cảnh cho các ký giả và chính khách tự do thăm viếng Nga-sô, những cuộc phá hoại kinh tế v. v... Ông Edouard Herriot viếng Ukraine về ca ngợi xứ ấy rất thịnh vượng chính trong khi ở Ukraine có 6 triệu người chết đói; đại sứ Hoa kỳ Davies cho rằng vụ án Toukhachevski thật là công bình, mãi sau khi Staline chết, Khrouchtchev mới phát giác rằng đó là vụ án hoàn toàn xây dựng! Bên khối Cộng-sản họ

không ngại những tổn phí để làm tuyên truyền: Nga-sô và Trung-cộng bỏ ra mỗi năm hơn 60 triệu đô la để tiếp rước và gặt những người như các ông Herriot, Davies, không kể đến sự tốn kém về nhân sự, về thời giờ bỏ ra để dàn cảnh tại những nơi được thăm viếng. Tại mỗi nước có đảng Cộng-sản đều có những trường học để đào tạo các tay chuyên môn tuyên truyền. Những trường ấy thường được ngụy trang, mệnh danh hoặc là *Viện đại học chuyên về các vấn đề Á-Phi* (ở Turkmenistan), hoặc là *Viện nghiên cứu kinh tế* (ở Prague), hoặc là *Trường Cao đẳng cho người Phi-châu* (ở Berlin), hoặc là *Trường Chính trị lý thuyết và thực hành* (ở Vân-nam) v.v... Những người như Chu-Ân-Lai, Hồ-Chí-Minh, Sékou Touré (thủ tướng Guinée), em trai của Fidel Castro, em trai của bác sĩ N'Kruma (ở Ghana)... đều được đào tạo ở những « Viện nghiên cứu » như thế.

Hiện thời bộ máy tuyên truyền khổng lồ của Cộng-sản đang tung ra những luận điệu thế này:

— Cuộc xung đột hiện nay chỉ là cuộc xung đột giữa hai phe: Mỹ và Nga. Nói thế khiến người ta dễ nghĩ rằng bên nào cũng là những tham vọng bành trướng để quốc như nhau, rằng giữa sự tranh giành quyền lợi ấy những nước khác có thể trung lập, bàng quan. Sự thực Mỹ chỉ là một thành trì chống đối chứ đâu có phải là mục tiêu xâm chiếm của Nga xô, Nga đâu có muốn chiếm Mỹ, họ nhắm trước hết là những nước như Ấn-độ, như

Nam-dương, những nước Á-phi ấy chứ! Chính những mục tiêu bị đe dọa nhất nếu không có sự chống cự của Mỹ, những nước ấy lại tưởng mình không can dự gì vào sự xung đột!

— Người Nga họ muốn gây nhau vì họ chưa hiểu rõ Tây phương. Một số lãnh tụ Tây phương tưởng thật như vậy, họ đâm ra thương hại các lãnh tụ Nga bị nhốt sau bức màn sắt không hiểu xã hội Mỹ phong phú ra sao, thợ thuyền Mỹ tự do bình đẳng như thế nào, khoa học Mỹ tiến bộ như thế nào, do đó Nga mới căm Mỹ. Họ tưởng rằng cứ mời Khrouchchev qua Mỹ xem mấy vòng, ông ta sẽ bỏ ý gây chiến! Thực ra Tây phương chỉ tạo cho Khrouchchev một dịp đi tuyên truyền mà thôi. Bởi vì bộ máy gián điệp cộng sản cung cấp cho Khrouchchev những tài liệu về Tây phương chắc là không thua những tài liệu mà các lãnh tụ Tây phương nhận được về Nga xô.

— Tây phương không làm gì để cải thiện tình hình thế giới. Luận điệu ấy cố làm cho người ta có cảm tưởng những biện pháp làm hòa dịu tình hình căng thẳng đều là sáng kiến của Nga xô, còn Tây phương thì cứ thụ động, theo đuôi, không bao giờ đi bước trước. Một luận điệu như thế hợp với cái tâm lý của quần chúng các nước tự do là ưa bới móc chính phủ họ. Sự thực thì Nga xô chỉ có sáng kiến trong việc gây hấn, còn kiểm điểm lại những đề nghị xây dựng cụ thể thì bao giờ cũng ở phía Tây phương, trong khi Nga dùng quyền phủ quyền 87 lần ở L.H.Q để trở ngại thì Mỹ không dùng đến lần nào.

— Vấn đề trọng đại nhất của thế giới

ngày nay là nguyên-tử lực. Luận điệu ấy khiến người ta cứ kêu lên rằng nguyên tử năng đang đe dọa vận mạng loài người, các nhà triết học lo than dài thỏ vắn về nỗi khốc-khoải của con người trước thảm họa tiêu diệt, v.v.. Trong khi ấy vấn đề lớn của thời đại chính là nền độc tài của Nga xô. Nếu Nga cũng là một nước dân chủ không có tham vọng bành trướng khắp thế giới, không rình từng cơ hội để lấn sang phía này phía kia gây ra sự căng thẳng trên thế giới, thì nguyên tử năng chẳng đe dọa ai cả. Trái lại dù không có bom nguyên tử mà Krouchtchev cứ nay xâm nhập chỗ này, mai dọa lật chính quyền chỗ kia thì cũng đủ cho nhân loại khốc-khoải ghê gớm rồi.

— Cộng sản thành công vì xã hội còn nhiều bất công. Nói thế làm cho người ta tưởng ở xứ cộng sản không còn bất công nữa. Vả lại ngày nay chính những tầng lớp sung túc nhất ở Pháp, ở Đức, những lớp trí thức ở châu Á chẳng hạn lại là những đồn lũy của cộng sản địa phương, trái lại dân nghèo ở Tây ban nha, ở Nam Mỹ thì chống đối. Đánh rằng việc xóa trừ bất công là bốn phận thiêng liêng của các chính phủ dân chủ, nhưng tin rằng chỉ cần làm như thế là chặn được cộng sản thì lầm to. Không có xã hội nào công bình cho tới cái mức bịt miệng được những luận điệu mị dân chuyên môn công kích nhà cầm quyền.

Đại khái những luận điệu như thế và những luận điệu khác đang cố sức lung lạc dư luận quần chúng thế giới tự do.

Để chống lại bộ máy chiến tranh chính trị của cộng sản ta phải làm gì? — Suzanne Labin đề nghị 4 biện pháp, :

★ — Một là *cách mạng đường lối ngoại giao của Tây phương*. Tinh thần chính sách ngoại giao Tây phương không có gì thay đổi từ thời Metternich tới ngày nay. Không có lý gì trong lúc các đoàn đại sứ Nga xô đã hóa thành những pháo đài kiên cố trong cuộc chiến tranh chính trị mà các tòa đại sứ Tây phương vẫn cứ là những phòng họp để tiếp tân, khoản đãi, và luận đàm xa xôi.

Tây phương cần đoàn kết chặt chẽ hơn trong chính sách đối ngoại, để cho Nga-xô khỏi luồn vào các kẽ hở của bên này để chia rẽ. Tây phương lại cần hiểu rõ sự tráo trở vô lương của đường lối ngoại giao Xô-viết và nhất định không tin ở những lời nói suông, phải đòi cho được những đảm bảo cụ thể. Đừng để cho Nga xô lợi dụng các cuộc hội nghị để tuyên truyền, ví dụ : những cuộc họp bàn liên miên từ năm nọ qua năm kia của các chuyên viên về vấn đề giải trừ vũ trang chẳng qua là một thủ đoạn để làm lạc dư luận thế giới, thực ra lý do đơn giản chỉ là vì họ không chịu cho ai kiểm soát, thế thôi ; thế mà Tây phương đã để cho họ có cơ hội tuyên truyền ồn ào làm cho đại chúng mờ mịt không biết phải trái về bên nào.

★ Hai là *Liên-Minh Tự-Do*. — Ở mọi quốc gia trên thế giới nơi nào có cộng sản, đều có những tổ chức chống lại cộng sản, nhưng hoạt động rời rạc, lẻ tẻ, yếu ớt. Sức chống đối ấy so với sự hoạt động qui mô của bộ máy chiến tranh chính trị cộng sản thực là vô nghĩa. Bởi vậy cần thành lập một Liên Minh Tự Do để phối hợp các hoạt động chống cộng khắp nơi lại. Liên minh ấy sẽ :

— Thu hồi một cơ sở báo chí : Như ta đã thấy trong trường hợp Mexique dẫn trên, ở nước nào cộng sản cũng cố dùng báo chí đài phát thanh v.v., để tuyên truyền. Liên minh Tự Do phải có những cơ quan ngôn luận xứng đáng để đối phó.

— Vận động sự đoàn kết giữa các đảng phái để cho mọi lực lượng chống cộng có thể phối hợp hoạt động, không phân biệt chủng tộc, tôn giáo, các quan điểm dị đồng về chính kiến...

— Vận động sự đoàn kết giữa các quốc gia.

— Xác nhận sự đoàn kết với các dân tộc bị áp bức, ở bên này cũng như bên kia bức màn sắt, nói lên nỗi khốn khổ của mấy trăm triệu người sống dưới chế độ cộng sản, đòi hỏi những quyền tự do chính trị và tự do nghiệp đoàn. Hầu hết những đòi hỏi của thợ thuyền trong ngày lịch sử 1-5 đã được thoả mãn ở các nước dân chủ Tây phương mà không được thoả mãn ở các nước cộng sản : hãy lấy ngày 1-5 làm *Ngày thế giới đoàn kết giữa thợ thuyền tự do và các thợ thuyền bị cộng sản áp bức*.

— Làm cho mọi người hiểu và yêu mến tự do.

★ Ba là *Viện Bảo vệ Dân chủ*. — Liên minh Tự do là tổ chức của nhân dân, viện Bảo vệ Dân chủ là cơ quan của các chính phủ, có nhiệm vụ tập hợp tài liệu tin tức, nghiên cứu các biện pháp bảo vệ xã hội dân chủ. Những viện riêng của các quốc gia sẽ :

— Tập trung các tài liệu về chiến tranh chính trị của cộng sản, phân tích, dò tìm chiến lược chiến thuật của họ, các âm mưu của họ.

— Tổ chức các lớp giảng về các thủ đoạn của cộng sản cho công chức cao cấp, các chính khách, ký g ả...

— Nghiên cứu những biện pháp làm cho xã hội dân chủ có thể tự bảo vệ chống sự xâm nhập cộng sản.

— Huấn luyện cán bộ chỉ huy các nước chậm tiến về những phương pháp chống cộng.

Ngoài ra một Viện Bảo vệ Dân chủ có tầm hoạt động quốc tế sẽ phối hợp kế hoạch của các viện quốc gia.

✱ Bốn là *Đội truyền bá tự-do* — Sự viện trợ của Tây phương cho các nước chậm tiến lâu nay có cái khuyết điểm là hướng về các chính phủ nhiều hơn là về phía nhân dân, lại chú trọng về những công trình qu mô quá. Không nên đột ngột tặng cho họ những sân bay hay nhà máy to lớn mà nên từ từ và trực tiếp giúp dân chúng các nước ấy biết sống, hợp vệ sinh, biết phương pháp cấy cày bón phân khoa học, bắt áp dụng ít nhiều máy móc vào cuộc sống hàng ngày của họ. Qua được giai đoạn ấy, tự họ sẽ tiến lên giai đoạn

kỹ nghệ nặng dễ dàng hơn. Trường hợp nước Do thái chứng tỏ sự thành công của một phương pháp tiệm tiến như thế.

Bây giờ các nước tây phương hãy đào tạo một đội tình nguyện sang các nước chậm tiến vừa viện trợ kỹ thuật trực tiếp cho nhân dân các nước ấy, vừa gieo rắc tư tưởng dân chủ tự do trong quần chúng. Họ sẽ luyện tập cho những cán bộ ấy một mớ kiến thức kỹ thuật về canh nông, điện học, y tế v.v.. dạy cho họ ngôn ngữ địa phương, đào tạo cho họ một lập trường chính trị, cung cấp cho họ một chiếc xe, máy radio, máy in nhỏ, thuốc men, máy hát v.v..., họ sẽ về tận thôn quê sống cùng dân chúng các nước chậm tiến 5, 10 năm. Tây phương có thể chọn dễ dàng 10 nghìn người tình nguyện như thế, mỗi người và phương tiện hoạt động tốn phi chừng 50.000 đô la mỗi năm, vậy tất cả 10 nghìn người tốn 500 triệu đô la. Như thế chỉ bằng 1/10 số tiền viện trợ của tây phương tung ra hiện nay cho các nước Á Phi mà kết quả thu được có thể bằng 10 hạm đội và hàng tỷ bạc viện trợ kinh tế

THU-THUY

✱ *NGUYỄN-NGU-Í thuật*

Triển lãm và diễn thuyết nhân dịp kỷ niệm 300 năm húy nhật giáo-sĩ Alexandre de Rhodes (22-2 đến 28-2-1961)

Giáo sĩ A-Lich-Sơn Đắc-Lộ mất tại Ispahan (Ba-Tur) ngày 5-11-1660. Lễ kỷ niệm tam bách chu niên húy nhật của người

cử hành tuy có chậm hơn ba tháng rưỡi, nhưng lại vì thế mà được đầy đủ và chu đáo hơn.

Lễ kỷ niệm do bộ Quốc gia giáo dục đứng ra tổ chức, với sự góp sức của vài cơ quan, nhất là của viện Khảo cổ.

Cuộc triển lãm « Giáo sĩ A-Lich-Son Đắc-Lộ và chữ Quốc ngữ » đã được ông bộ trưởng bộ Quốc gia giáo dục khai mạc ngày 22-2, lúc 18 giờ 30 phút, tại phòng Thông tin Đô-thành, góc đường Tự-do và Lê-Lợi.

Xã hội Việt ở thế kỷ XVII (vài vật dụng của người Việt cách đây ba trăm năm, vài bức địa đồ nước ta vẽ từ ba thế kỷ trước, nhiều ảnh bản thảo sách và thư, thành Đông - Kinh thời ấy...), chữ Quốc-ngữ vào thời 1631, 1645, 1651, 1656, thế kỷ IX và ngày nay, một số tác phẩm của vị cố đạo nhiệt thành này, đã làm người xem thích thú.

Ba cuộc diễn thuyết ở ba nơi đã được ghi vào chương trình tuần lễ kỷ niệm văn hóa này :

• *Xã hội Việt - Nam về thế kỷ XVII, dưới mắt giáo sĩ Đắc-Lộ* », do ông Phạm-Đình-Khiêm trình-bày tại phòng Khánh tiết tòa Đô sảnh (ngày 23-2-1961).

• *Giáo sĩ Đắc-Lộ với chữ Quốc ngữ* », do linh mục Nguyễn-Khắc-Xuyên trình bày tại trường Quốc gia Âm nhạc (ngày 26-2-1961).

• *Chữ Quốc ngữ từ thế kỷ thứ XVII đến cuối thế kỷ thứ XIX* », do ông Lê-Ngọc-Trụ trình bày tại học viện Quốc gia hành chánh, ngày 28-2-1961.

* *

Ông Phạm-đình-Khiêm mở đầu lễ kỷ niệm bằng diễn thuyết với đề tài :

« *Xã hội Việt-Nam về thế kỷ XVII, dưới mắt giáo sĩ Đắc-Lộ* ».

Trong hơn tiếng đồng hồ, ông đã căn cứ vào tài liệu của nhà truyền giáo thiết tha này cho ta thấy vài hình ảnh đặc biệt của xã hội nước ta vào cái thế kỷ đặc biệt thế kỷ XVII, vì nó ghi dấu trong quốc sử bằng những biến cố lớn lao, bằng những hành động quyết liệt. Diễn giả nhấn mạnh về giá trị của người chứng nhân đặc biệt này, người chứng nhân từng chăm chú về cõi Việt gần nửa thế kỷ, đã từng sống thực thụ non mười năm trên đất Việt, cả Đàng Trong lẫn Đàng Ngoài, đã tiếp xúc trực tiếp với chúa, với quan, với dân hai miền, đã am hiểu tường tận ngôn ngữ, tánh tình, phong tục người bản xứ, và chứng nhân ấy lại không mang quốc tịch một đế quốc nào, vì người là công dân của đức Giáo hoàng.

Theo chân người giáo sĩ có công to với chữ Việt, ông Phạm-Đình-Khiêm đưa thánh giả đạo từ Đàng Trong ra Đàng Ngoài, tìm hiểu từ cách phân chia đất đai về mặt hành chánh cho đến tình hình quân sự, kinh tế và chính trị của hai đàng ; đưa ta dự cuộc chiến thắng vẻ vang của hải quân chúa Nguyễn đánh tan một hạm đội Hòa-Lan, cuộc tế lễ đầu năm ở Bắc do vua Lê cử hành, cho ta biết cách xây cất nhà cửa ở kinh sư miền Nam, khoáng sản, thảo mộc, thức ăn tại giang san chúa Nguyễn cùng nhận xét về tánh nết, trí thức của người chúa Bắc-Hà lúc bấy giờ : Trịnh-Tráng.

Và đoạn kết của diễn giả (nhắc lại lời người ân nhân của dân Việt lúc vĩnh biệt đất nước này) đã khiến cử tọa càng thêm cảm mến người đã chân thành quyến luyến quê hương giống Lạc-Hồng :

« *Tôi từ già xứ này bằng thể xác, chứ không bằng lòng, trí...* »

NGUYỄN-NGU-Í thuật

QUA CÁC HÀNG SÁCH

« NHỮNG LỖI THƯỜNG THƯỜNG TRONG THUẬT VIẾT VĂN » (1)

của NGUYỄN-VĂN-HẦU

Nhan đề quyển sách làm ta nhớ đến quyển « Những lỗi thường lầm trong sự học Quốc-văn » của Đông-Hồ và Trúc-Hà xuất bản từ hai mươi lăm năm về trước, nhưng nội dung phong phú hơn và đối tượng nhắm cũng có phần khác.

Tác giả soạn sách này, cốt ý cho học sinh bậc Trung học, những người mà tác giả gần gũi lâu năm (tác giả vốn là nhà giáo); những bạn tự học và cả những bạn muốn bước vào nghề văn nghệ báo đọc sách này cũng có ích lợi ít nhiều. Bởi tác giả đã thận trọng trong việc làm của mình.

Trong phần « Ngổ ý », tác giả cho ta biết trước « chỉ xin trình bày những cái thông thường trong văn. Những vấn đề sâu rộng hơn, xin hẹn sẽ dành lại trong một dịp khác »

Tác-giả — một nhà sư phạm kiêm một nhà văn, nhà thơ — cũng lần lượt xét đoán « ý và lời, câu văn, chữ dùng trong văn, chấm câu, chính tả, cái rườm trong văn, cái rác trong văn, cái điệp trong văn, hình ảnh trong văn, nhọc trong văn... »

Những cái dở, những cái lỗ lã và lỗ bịch, đều được tác giả nói đến, mổ xẻ và nếu cần, đề nghị cách sửa chữa. Những tí

dụ, hay hoặc dở, minh ho cho ý kiến người viết được rõ ràng hơn và giúp người đọc thích thú.

Đặc biệt, tác giả nhấn mạnh hai điểm mà học sinh — và cả một số nhà văn — khinh thường : đó là cách chấm câu và chính tả. Lòng tha thiết của tác giả đối với quốc văn biểu lộ rõ rệt trong hai chương này.

Tiếc rằng vì thiếu một ít tài liệu cần, như tác giả phân trần trong phần « Ngổ ý », nên ông đã đưa vài câu thơ làm thí dụ, có sai, hoặc trích của người khác, mà vẫn còn để nguyên chỗ sai.

Tuy nhiên vài sơ sót nhỏ nhặt đó không đủ làm giảm giá một công trình đầy thiện chí, có ích lợi thiết thực cho học sinh bậc Trung học và những ai tự học.

Cho nên chúng ta chẳng lấy làm lạ mà thấy đôi trường trung học ở đô thành đã khuyên học trò mua quyển sách giá trị này của Nguyễn-Văn-Hầu để trau dồi thêm tiếng mẹ.

BÙI-THU-TRINH

(1) « Cơ sở Báo chí và xuất bản Tự do » in lần thứ nhất.

NÀNG ÁI CƠ TRONG CHẬU ÚP

của MỘNG-TUYẾT Thất Tiều-Muội (1)

ĐÂY là một ký-sự tiểu-thuyết về cuộc đời một nhân-vật sống cách đây hai trăm năm, bây giờ hã còn lưu di-tích ở Hà-Tiên. Đại-khai cốt truyện, người đề tựa đã tóm tắt theo truyền-thuyết :

(...) « *Mạc-Linh-Công* (người kể chuyện kiêng húy, không dám gọi danh-hiệu *Mạc-Thiên-Tích*, thường gọi là *Mạc-Linh-Công* hay nôm na là ông *Linh*) có một bà thứ cơ tên là bà *Dì Tự*. Thứ cơ sắc đẹp lắm, và hay chữ lắm.

Mạc-Linh-Công, vì mê sắc đẹp, yêu tài thơ, đã từ chỗ sùng ái mà ra thiên ái. Hóa cho nên, khiến bà chính thất *Nguyễn phu-nhân* ghen giận, lập mưu hãm hại bà thứ cơ.

Một hôm, nhân *Mạc-Linh-Công* đi duyệt binh vắng, ở nhà, *Nguyễn phu-nhân* đem nhốt thứ cơ vào lòng một cái chậu úp, cho ngộp mà chết.

Nhưng thừa wa, vừa lúc đó, trời bỗng đổ trận mưa to. *Mạc-Công* cũng vừa về đến, thấy trời đang mưa, mà lạ, sao chậu to không ngửa lên hứng nước mà lại để úp. *Công* bèn truyền lịch dỡ chậu ra, thì nàng *Ái-cơ* đang thoi thóp sắp đứt hơi, nhưng may mắn thay, hã còn cứu kịp.

Nàng thứ cơ thoát chết, trở nên chán chường sự thế, xin *Mạc-Công* cho nàng đi tu.

Trước sự tình éo le đó, *Mạc-Công* không biết làm sao khác, cũng đành chiều ý, cất một ngôi am-tự cho thứ cơ tu hành.

Bên Am-tự, cho đào ao, trồng hoa sen trắng, để kỷ-niệm mối tình xưa. Cho đến khi thứ cơ mất, Công cho xây ngôi mộ kiến cổ đẹp đẽ để tỏ lòng tưởng nhớ yếu thương người giai-nhân đã vì Công mà đau khổ ».

*
* *

Tác-giả đã có công thu thập nhiều tài-liệu lịch-sử để vẽ lại cảnh sinh-hoạt ở miền Hà-Tiên dưới thời *Mạc-Cửu* và *Mạc-Thiên-Tích* : những đoạn thuật về đêm hội Hoa - đăng cũng như hội thơ ở *Chiêu-anh*-các tỏ rằng trong các phương-diện sinh-hoạt, phương-diện văn-hóa được lưu ý nhiều nhất và còn được tài-liệu dồi dào nhất.

Tài-liệu cũ, thơ xưa, giọng văn cổ kính, tất cả cũng cho người đọc cái cảm tưởng đang đi vào lịch-sử. (Ngày nay ít khi ta gặp trong một tiểu-thuyết những dòng tả người như sau : « Đúg là diện mạo một thiếu-niên thư-sinh bạch-diện. Thiếu-niên độ mười lăm mười sáu tuổi. Mặt trắng mịn như ngọc. Môi đỏ hồng, khi đang ngâm đọc, miệng chàng khép mở xinh xinh ») (2). Giữa không khí chuộng những mới lạ xôn xao ồn ào, ngổ ngáo của văn-nghệ hôm nay, cái cổ kính mực thước của tác-giả cũng là một đặc điểm hay hay.

(1) « Bốn phương » xuất-bản.

(2) *Nàng Ái-cơ trong chậu úp*, trang 67.

Tác-giả theo sát lịch-sử, chỉ dành cho tưởng tượng một phần rất có giới hạn. Những rung động của nàng Phù-Cử sau lần hội kiến với Mạc-Lĩnh-Công ở Chiêu-anh-các, những đêm gặp gỡ của đôi nhân tình ấy sau này ở Điệp-thúy-lâu, những xúc cảm của đôi bên khi mở chậu úp tìm ra Phù-Cử, và nhất là những chiều Lĩnh-Công gò ngựa bên sườn núi nhìn bóng người yêu dăng hương ở am tự..., ở những chỗ ấy tác-giả một mực vắn tắt và kín đáo. Do một liên tưởng vì tương phản ta nhớ tới những xôn xao vô vàn rắc rối của đôi Ngọc-Lan trong những ngày ở chùa cũng như trong những buổi chiều Ngọc đập xe tới chùa tìm ngắm bóng Lan trong *Hồn bướm mơ tiên*. Tuy là viết một thiên ký-sự, nhưng ký-sự ấy cũng lại là tiểu-thuyết về ngoại-sử nữa thì tưởng nữ-sĩ có quyền dùng tưởng tượng để xây dựng những nhân-vật có đời sống phong-phú như của

Khái-Hưng. Nhưng ở đây tác-giả chủ ý dựng lại việc xưa, vẽ lại cảnh xưa hơn là nhấm dựng nên những nhân-vật tiểu-thuyết linh động. Vì đó tác phẩm ít có giá trị tiểu thuyết, mà đặc-sắc ở cái dụng ý làm cho người đọc « thêm yêu thích lịch-sử đất Hà-Tiên cổ kính », như lời tựa của thi-sĩ Đông-Hồ đã nói.

Cầm văn phẩm của Mộng-Tuyết thất-tiểu-muội trên tay, ngắm nghĩa rồi đọc qua, người ta không sao khỏi cảm động vì cái tình thiết tha yêu quý của tác-giả đối với tác-phẩm của mình, vì sự chăm chút nâng niu của nhà xuất-bản đối với tác-phẩm, vì sự che chở ân cần của người đề tựa và vẽ phụ-bản đối với tác-giả, cũng là vì lòng mến yêu của cả Đông-Hồ và Mộng-Tuyết đối với đất Hà-Tiên. Thật là một áng văn - chương bát ngát những tình là tình...

TRÀNG-THIÊN



GIỚI THIỆU SÁCH BẢO MỜI

Chúng tôi đã nhận được :

- « Nàng Ái-Cơ trong chậu úp » (Hà-Tiên ngoại-sử ký-sự tiểu-thuyết của Mộng - Tuyết Thất-tiểu-muội, nhà Bốn-Phương xuất-bản, do tác-giả gửi tặng. Sách dày 196 trang, phụ-bản và bìa do thi-sĩ Đông-Hồ minh-họa và trình-bày, bản giấy ngà thơm giá : 95 đồng.
- « Cái Ve » của Khái-Hưng, nhà xuất bản Đời-Nay tái-bản lần đầu, 162 trang, giá 45 đồng.
- « Luyện khảo-sát Anh-văn », T.H.Đ. N.C. và Tú-tài I — S.N 2, giáo-sư Lê-Bá-Kông soạn, do tác-giả gửi tặng. Sách gồm 57 bài Anh-văn trích điểm có dẫn giải các câu hỏi

- « khảo - sát » đúng chương - trình mới ban hành, 127 trang, giá 34 đ.
- Đặc-san « Đắc-Lộ » số 1, giai phẩm mùa xuân (1961) của nhóm sinh-viên Đắc-Lộ chủ-trương biên-tập.
- « Tin sách », thư mục các sách xuất - bản trên toàn - quốc trong tháng vừa qua, năm thứ Hai, bộ 11 tháng Giêng năm 1961. Có thêm nhiều bài, tăng lên 36 trang, giá 5đ.
- « Quê-Hương » Cơ-quan thông-tin và liên-lạc Đoàn sinh-viên Việt-Nam tại Bỉ, số 5 ra ngày 15-12-60.

Bách-Khoa trân trọng cảm ơn các tác giả và nhà xuất bản và ân cần giới thiệu cùng độc giả các tác phẩm trên.

CÔNG-TY SHELL

với ngành Chăn nuôi trong nước

Hưởng-ứng phong-trào khuyến-khích ngành chăn nuôi, một trong những nguồn lợi quan-trọng cho nền kinh-tế trong nước — Công-Ty Shell Việt-Nam đã tham-gia triển-lãm các sản-phẩm nông-nghiệp gốc ở dầu hỏa mà từ trước đến nay các nông-gia tân-tiền đều xử-dụng để bảo-vệ gia-súc và diệt-trừ sâu bọ phá hoại mùa màng, đồng thời cộng-tác với Nha Quốc-Gia Mục-Súc trong việc ấn-hành cuốn sách « PHÒNG NGỪA BỆNH TRUYỀN-NHIỄM GIA-SÚC » để phổ-biến trong dân chúng.

Ngoài ra, để góp phần tưởng-lệ và khuyến-khích các nhà chăn nuôi xuất-sắc nhân dịp Đầu-xảo triển-lãm tiểu gia-súc nói trên tại Trung-tâm thực-nghiệm Tân-sơn-nhứt trong ba ngày 6, 7, 8/1/1961, Công-Ty Shell đã gởi tặng nhiều phần thưởng đáng giá.

Dưới đây là danh-sách các phần thưởng do Nha Quốc - Gia Mục-Súc ấn-định và hầu hết những giải đó đều có kèm theo giải thưởng Shell :

Heo cái tơ

— 3 Giải Nhứt; 2 giải Nhì ; 2 giải Ba : 2 giải thưởng Shell,

Heo đực tơ

— 2 Giải Nhứt; 2 giải Nhì ; 2 giải Ba : 2 —

Heo nái có con

— 3 Giải Nhứt; 2 giải Nhì ; 3 giải Ba : 2 —

Heo nọc

— 1 Giải Nhứt; 1 giải Nhì ; 2 giải Ba : 1 —

Heo thịt

— 4 Giải Nhứt; 2 giải Nhì ; 2 giải Ba : 1 —

Heo con lẻ bầy

— 1 Giải Nhứt; 1 giải Nhì ; 1 giải Ba : 1 —

Gà tàu vàng (bản xứ)

— 1 Giải Nhứt; 1 giải Nhì ; 1 giải Ba : 1 —

Gà lai

— 1 Giải Nhứt; 1 giải Nhì ; 1 giải Ba : 1 —

Vịt sen

— 2 Giải Nhứt; 1 — Nhì ; 1 giải Ba : 1 —

Vịt đẻ

— 2 Giải Nhứt; 1 — Ba ; 1 giải Ba : 1 —

Vịt thịt

2 Giải Nhứt ; 1 giải Nhì ; 1 giải Ba : 1 giải thưởng Shell.

Chăn nuôi kỹ nghệ

1 giải trại Heo ; 1 giải trại Gà : 1 giải thưởng đặc biệt của Shell.

Khuyến khích

151 Giải : 151 Giải thưởng khuyến khích,



LA-VE

“33”

HÀO HẠNG

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC



COTAB

VIRGINIE



Chủ-nhiệm :
Quản-nhiệm : { HUỖNH-VĂN-LANG

Tòa Soạn :
160, Phan - Đình - Phùng — Saigon
Dây nối : 25,539

In tại nhà in VĂN - HÓA
412-414, Trần-Hưng-Đạo — Saigon

GIÁ : 10\$